

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG CHỈ QUỸ CŨNG NHƯ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG

VIỆT NAM (VFA)

(Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ số 14/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 02/04/2010)

NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

(Quyết định niêm yết số: _____)

Bản cáo bạch này được cung cấp tại:

- Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)

Lầu 10, Cao ốc văn phòng Central Plaza, 17 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1

TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84.8) 3825 1488 Fax: (84.8) 3825 1489

Email: info@vinafund.com

Website: www.vinafund.com

- Chi nhánh Hà Nội:

Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)

Phòng 1208, Tầng 12, Tòa nhà Pacific Tower, 83B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84.4) 3942 8168 Fax: (84.4) 3942 8169

PHU TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông TRẦN THANH TÂN – Tổng Giám Đốc (Người đại diện theo pháp luật)

Ông PHẠM KHÁNH LYNH – Phó Tổng Giám Đốc (Người được ủy quyền công bố thông tin)

Địa chỉ : Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)

Lầu 10, Cao ốc Central Plaza, 17 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại : (84.8) 3825 1488 Fax: (84.8) 3825 1489

THÁNG 5/2010

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG CHỈ QUỸ CŨNG NHƯ MỤC TIÊU, CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG

VIỆT NAM (VFA)

(Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ số 14/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 02/04/2010)

NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

(Quyết định niêm yết số: 142/QĐ - SGD HCM)

Bản cáo bạch này được cung cấp tại:

- Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)

Lầu 10, Cao ốc văn phòng Central Plaza, 17 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1

TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại: (84.8) 3825 1488

Fax: (84.8) 3825 1489

Email: info@vinafund.com

Website: www.vinafund.com

- Chi nhánh Hà Nội:

Chi Nhánh Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)

Phòng 1208, Tầng 12, Tòa nhà Pacific Tower, 83B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm

Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84.4) 3942 8168

Fax: (84.4) 3942 8169

PHU TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Ông **TRẦN THANH TÂN** – Tổng Giám Đốc (Người đại diện theo pháp luật)

Ông **PHẠM KHÁNH LYNH** – Phó Tổng Giám Đốc (Người được ủy quyền công bố thông tin)

Địa chỉ : Công ty Cổ Phần Quản lý quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)

Lầu 10, Cao ốc Central Plaza, 17 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Điện thoại : (84.8) 3825 1488

Fax: (84.8) 3825 1489

THÁNG 5/2010

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	5
1. Tổ chức đăng ký niêm yết – Quỹ Đầu tư Năng Động Việt nam (VFA).....	5
1.1 Các thành viên chủ chốt của Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM).....	5
1.2 Các thành viên Ban đại diện Quỹ đầu tư VFA.....	5
2. Các tổ chức có liên quan.....	6
2.1 Ngân hàng giám sát.....	6
2.2 Công ty định giá tài sản (nếu có).....	6
2.3 Tổ chức tư vấn luật.....	6
II. CÁC THUẬT NGỮ/ ĐỊNH NGHĨA	7
III. TRIỂN VỌNG CƠ HỘI ĐẦU TƯ	10
1. Triển vọng phát triển của Việt Nam	10
2. Thị trường chứng khoán Việt Nam và cơ hội đầu tư vào thị trường cổ phiếu Việt Nam	15
3. Cơ hội đầu tư theo phân tích định lượng - Đầu tư theo xu thế thị trường.....	16
IV. THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ VFA	17
1. Thông tin chung về Quỹ đầu tư VFA	17
1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ.....	17
1.2 Ban đại diện Quỹ	17
1.3 Quá trình thành lập Quỹ.....	21
2. Điều lệ Quỹ đầu tư VFA.....	22
2.1 Các điều khoản chung	22
2.2 Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ.....	22
2.3 Nhà đầu tư, sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ và chuyển nhượng chứng chỉ quỹ đầu tư.....	28
2.4 Phân phối kết quả hoạt động	30
2.5 Đại hội nhà đầu tư	31
2.6 Ban đại diện Quỹ	34
2.7 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ.....	37
2.8 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát.....	40
2.9 Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo	41
3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ.....	42
3.1 Rủi ro thị trường.....	42
3.2 Rủi ro lãi suất.....	42

3.3	Rủi ro Lạm phát	42
3.4	Rủi ro tính thanh khoản của thị trường.....	43
3.5	Rủi ro pháp lý.....	43
3.6	Rủi ro tín nhiệm.....	43
3.7	Rủi ro xung đột lợi ích.....	43
3.8	Rủi ro giảm sút giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ.....	43
3.9	Rủi ro của mô hình định lượng.....	43
3.10	Rủi ro về cơ sở dữ liệu	44
4.	Phí, lệ phí và thưởng hoạt động	44
4.1	Phí phát hành.....	44
4.2	Phí quản lý quỹ	44
4.3	Phí giám sát, phí lưu ký	44
4.4	Các loại phí và lệ phí khác:	45
4.5	Thưởng hoạt động.....	45
5.	Giao dịch chứng chỉ quỹ	48
6.	Thời hạn nắm giữ tối thiểu.....	48
7.	Xác nhận sở hữu chứng chỉ quỹ.....	48
8.	Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	48
8.1	Thời điểm xác định giá trị tài sản ròng (NAV).....	48
8.2	Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	48
8.3	Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ.....	50
9.	Chế độ báo cáo	50
10.	Địa chỉ liên lạc giải đáp thắc mắc cho các nhà đầu tư	50
V.	THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUỸ ĐẦU TƯ VFA.....	50
1.	Thông tin về Công ty quản lý quỹ VFM.....	50
1.1	Giới thiệu về đối tác sáng lập Công ty VFM.....	51
1.2	Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty quản lý quỹ VFM	54
1.3	Giới thiệu về cơ cấu Ban điều hành Công ty quản lý quỹ VFM	56
1.4	Giới thiệu về Hội đồng cố vấn đầu tư của Công ty quản lý quỹ VFM	57
1.5	Giới thiệu đội ngũ phụ trách quản lý của Quỹ đầu tư VFA	58
2.	Tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ VFM.....	59
3.	Thông tin về Ngân hàng giám sát.....	60
4.	Thông tin về Công ty kiểm toán	60

5. Thông tin về Công ty tư vấn luật.....	60
VI. NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ VFA	61
1. Các thông tin chung về niêm yết chứng chỉ quỹ	61
2. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về việc uỷ quyền cho Công ty quản lý quỹ VFM về việc niêm yết	61
3. Số lượng chứng chỉ quỹ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành ...	61
VII. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI.....	61
VIII.CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết).	61
IX. CAM KẾT	62
X. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM.....	62

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức đăng ký niêm yết – Quỹ Đầu tư Năng Động Việt nam (VFA)

1.1 Các thành viên chủ chốt của Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam (VFM)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009.

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10 Cao ốc Văn phòng Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: 08 3825 1488

Fax: 08 3825 1489

Ông DOMINIC SCRIVEN

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông TRẦN THANH TÂN

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà LÊ THỊ THÀNH TÂM

Chức vụ: Giám đốc tài chính

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

1.2 Các thành viên Ban đại diện Quỹ đầu tư VFA

Ông Thái Tấn Dũng

Chức vụ: Chủ tịch

Ông Phan Ngọc Diệp

Chức vụ: Thành viên

Đại diện: Công ty CP Đầu tư & Phát triển đô thị & KCN Sông Đà

Ông Nguyễn Trường Giang

Chức vụ: Thành viên

Đại diện: Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện

Ông Nguyễn Mạnh Hải

Chức vụ: Thành viên

Đại diện: Ngân Hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex

Ông Bùi Nguyên Quỳnh

Chức vụ: Thành viên

Đại diện: Công ty Tài chính CP Xi măng

Ông Vũ Trung Thành

Chức vụ: Thành viên

Đại diện: Công ty CP CK Ngân hàng Công Thương Việt Nam

Ông Lê Anh Tuấn

Chức vụ: Thành viên

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Các tổ chức có liên quan

2.1 Ngân hàng giám sát

Ngân hàng Far East National, Chi nhánh TP. HCM

Ông Ricky Chen (Chức vụ: Tổng Giám đốc)

Người đại diện theo pháp luật

2.2 Công ty định giá tài sản (nếu có)

Không có.

2.3 Tổ chức tư vấn luật

Công ty Luật TNHH Quốc tế Việt Nam (VILAF)

Ông Trần Anh Đức (Chức vụ: Luật sư Thành viên)

Người đại diện theo pháp luật

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty VFM lập. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty VFM cung cấp

II. CÁC THUẬT NGỮ/ ĐỊNH NGHĨA

Những từ và cụm từ viết tắt dưới đây được định nghĩa và sẽ được dùng trong suốt Bản cáo bạch này:

“Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam”	(Sau đây gọi tắt là Quỹ đầu tư VFA) là Quỹ đầu tư chứng khoán có phát hành chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng, có mức vốn góp của các nhà đầu tư ban đầu là 240.437.600.000 (hai trăm bốn mươi tỷ bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm ngàn) đồng được thành lập theo Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản pháp luật có liên quan, chịu sự quản lý về mặt hành chính của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN). Quỹ đầu tư VFA thực hiện chiến lược đầu tư năng động và có nhiều đặc thù khác biệt so với những sản phẩm Quỹ đầu tư hiện hữu trên thị trường.
“Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam – VietFund Management (VFM)”	(Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ VFM) là một công ty cổ phần với cổ đông sáng lập là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management Limited, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ VFM là công ty thực hiện huy động vốn và quản lý Quỹ đầu tư VFA.
“Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Sacombank”	(Sau đây gọi tắt là Ngân hàng Sacombank) là ngân hàng thương mại cổ phần, được thành lập theo Giấy Đăng ký kinh doanh số 0301103908 ngày 13/01/1992 cấp bởi Sở Kế hoạch đầu tư TP. HCM, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.
“Dragon Capital Management Limited”	(Sau đây gọi tắt là DCM) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo luật của British Virgin Islands thuộc Dragon Capital Group, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.
“Đại lý phân phối”	Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính ngân hàng đáp ứng điều kiện luật định về phân phối chứng khoán và được công ty quản lý quỹ chỉ định phân phối không độc quyền chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA theo Hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ.
“Ngân hàng giám sát”	Là ngân hàng thành lập theo giấy phép được cấp bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo Luật các tổ chức tín dụng và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán được cấp bởi Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Ngân hàng giám sát do Đại hội nhà đầu tư chỉ định.
“Công ty kiểm toán”	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ đầu tư VFA, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ đầu tư VFA và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định.
“Sở Giao dịch chứng khoán”	(Sau đây gọi tắt là HOSE) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, hoạt động theo Luật

TP.HCM”	Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
“Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội”	(Sau đây gọi tắt là HNX) là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được tổ chức theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư VFA.
“Điều lệ Quỹ”	Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư VFA được nhà đầu tư thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư. Điều lệ được soạn thảo phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ VFM và ngân hàng giám sát của Quỹ đầu tư VFA.
“Quỹ đầu tư chứng khoán đóng”	(Sau đây gọi tắt là quỹ đóng) là quỹ đại chúng mà chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng không được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA.
“Đại hội Nhà đầu tư”	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ đầu tư VFA. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ đầu tư VFA.
“Ban đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ đầu tư VFA, Công ty quản lý quỹ VFM và ngân hàng giám sát.
“Vốn điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ
“Đơn vị quỹ”	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau với mệnh giá của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA”	(Sau đây gọi là chứng chỉ quỹ) là loại chứng khoán do Công ty quản lý quỹ VFM đại diện cho Quỹ đầu tư VFA phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ đầu tư VFA theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị quỹ của nhà đầu tư đó trong vốn điều lệ của Quỹ đầu tư VFA.

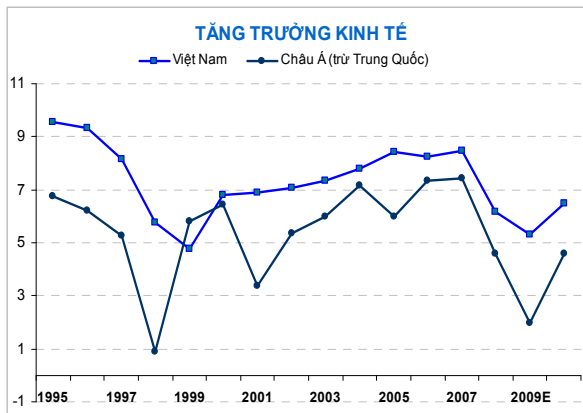
“Giá phát hành”	Là giá của mỗi đơn vị quỹ được phát hành lần đầu tương đương mệnh giá của đơn vị quỹ cộng với phí phát hành.
“Phí phát hành”	Là phí mà Quỹ đầu tư VFA phải trả cho công ty quản lý quỹ để trang trải những chi phí cho việc phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng. Phí này được cộng vào mệnh giá một chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA và thu khi phát hành và không vượt quá mức tối đa là 3% mệnh giá chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA.
“Phí quản lý quỹ”	Là phí phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Mục 4.2 - Phần IV của Bản cáo bạch.
“Thuởng hoạt động”	Là khoản thuởng được Quỹ đầu tư VFA trả cho công ty quản lý quỹ ngoài phí quản lý quỹ. Thuởng hoạt động được trình bày chi tiết tại Mục 4.5 - Phần VI của Bản cáo bạch này.
“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Ngày đóng quỹ”	Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho Quỹ đầu tư VFA theo quy định của pháp luật hiện hành.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ đầu tư VFA sẽ được tính từ ngày Quỹ đầu tư VFA được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá trị tài sản ròng của quỹ”	(Sau đây gọi tắt là NAV) là tổng giá trị các tài sản của Quỹ trừ đi tổng giá trị nợ phải trả của Quỹ.
“Thời điểm định giá”	Ngày làm việc cuối cùng mà Công ty quản lý quỹ VFM xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA.
“Người liên quan”	Theo khoản 34 Điều 6 Luật Chứng Khoán do Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006.
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng Khoán và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
“IMF”	Là viết tắt của Quỹ tiền tệ Quốc tế
“GDP”	Là Tổng thu nhập quốc dân

III. TRIỂN VỌNG CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Triển vọng phát triển của Việt Nam

A. Kinh tế thế giới hồi phục đem lại cơ hội cho những nền kinh tế mới nổi

Kinh tế thế giới đang hồi phục nhanh sau hai năm 2008 và năm 2009 đầy khó khăn của cuộc khủng hoảng lớn nhất từ sau đại suy thoái những năm 1930. Trung Quốc và Ấn Độ đã mức tăng GDP ấn tượng 8,9% và 6,1% trong năm 2009, trong khi các nền kinh tế lớn khác cũng như Mỹ, Châu Âu, Nhật Bản đều đang trên đà hồi phục bắt đầu từ quý 3 và quý 4 năm 2009. Dù chưa hết khó khăn, kinh tế thế giới dự kiến sẽ tăng trưởng dương trong năm 2010, sau mức sụt giảm -0,9% trong năm 2009. Thị trường chứng khoán các nước, dù chưa đạt được mức trước khủng hoảng, cũng đã và đang phục hồi mạnh mẽ mang lại sự hứng khởi cho các nhà đầu tư.



Nguồn: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), VFM

So sánh tăng trưởng GDP ở các nước ASEAN (%)					
	2006	2007	2008	2009	2010e
Brunei	4,4	0,6	-1,9	-1,2	2,3
Cambodia	10,8	10,2	6,7	-1,5	3,5
Indonesia	5,5	6,3	6,1	4,3	5,4
Lao	8,7	7,8	7,2	5,5	5,7
Malaysia	5,8	6,2	4,6	-3,1	4,2
Philippines	5,3	7,1	3,8	1,6	3,3
Singapore	8,4	7,8	1,1	-5,0	3,5
Thailand	5,2	4,9	2,2	-3,2	3,0
Vietnam	8,2	8,5	6,2	5,3	6,5

Nguồn: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), VFM

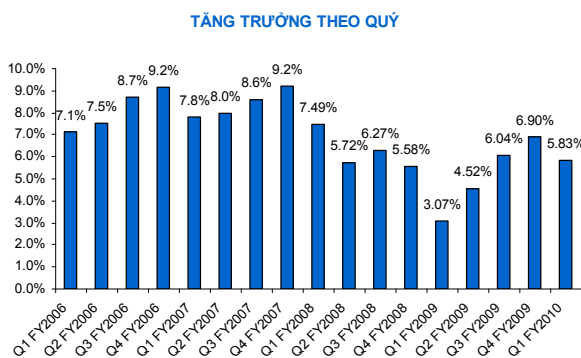
Sự hồi phục diễn ra cùng với quá trình tái cơ cấu kinh tế thế giới và tạo cơ hội cho những thị trường mới nổi. Các nền kinh tế phát triển như Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản đang phải giải quyết những bài toán trung và dài hạn liên quan đến động lực phát triển: Mỹ cần dựa ít hơn vào vay nợ, tiêu dùng và hướng tới cân bằng thương mại; Châu Âu giải quyết vấn đề mất cân đối năng lực cạnh tranh giữa các quốc gia trong khối Khu vực Châu Âu (EURO ZONE); và Nhật Bản vật lộn với bài toán giảm phát dự kiến sẽ kéo dài ít nhất sang năm 2011. Trong khi đó các nền kinh tế mới nổi đặc biệt ở khu vực Châu Á được dự báo sẽ dẫn dắt quá trình hồi phục và tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2010. Trung Quốc được dự báo tăng trưởng trên 9% (Quý 1/2010 là 11,9%) và Ấn Độ trên 7% trong năm 2010.

Nằm trong một khu vực kinh tế phát triển năng động nhất thế giới, Việt Nam là một quốc gia được đánh giá cao về tiềm năng tăng trưởng. Goldman Sachs, một trong những Ngân Hàng đầu tư lớn nhất thế giới, đã xếp Việt Nam vào nhóm dẫn đầu trong nhóm 11 quốc gia mới nổi có tiềm năng tăng kế tiếp nhóm BRIC. Báo cáo của Diễn đàn Kinh tế Thế giới cũng đánh giá Việt Nam có khả năng cạnh tranh cao hơn mức trung bình trong tất cả 12 nhóm chỉ số cạnh tranh chính (như cơ sở hạ tầng, trình độ công nghệ, kích cỡ thị trường nội địa, thị trường hàng hoá v.v...) so với các nước có cùng mức thu nhập. Nếu biết tận dụng, tái cơ cấu kinh tế thế giới cũng có thể là cơ hội tốt cho Việt Nam xác định vị thế mới của mình.

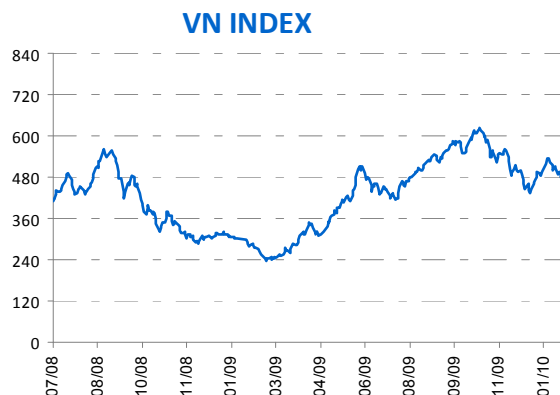
Ghi chú: Những số liệu được đề cập trong mục trên được trích từ Reuters

B. Việt Nam 2009 - Vượt qua khủng hoảng

Năm 2009, Việt Nam đã chính thức vượt qua cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu với mức tăng trưởng GDP tăng nhanh trở lại từ đáy 3,1% trong Quý 1/2009 lên 6,9% trong Quý 4/2009. Mức tăng trưởng cả năm 5,32% (nguồn Tổng Cục thống kê) thấp nhất trong 10 năm trở lại đây nhưng là một kết quả đáng tự hào trong bối cảnh kinh tế thế giới suy giảm -0,9%. Thành quả này có sự đóng góp to lớn từ chương trình kích cầu của Chính phủ như các chương trình chi tiêu công, miễn giảm thuế và đặc biệt là chương trình hỗ trợ lãi suất ngắn hạn 4% của Chính phủ. Thị trường chứng khoán trong năm cũng phục hồi 56% so với đầu năm cùng nhịp với đà phục hồi của nền kinh tế.



Nguồn: Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), VFM



Nguồn: HOSE, VFM

Tuy nhiên liều thuốc kích cầu cũng mang lại nhiều hiệu ứng phụ không mong muốn mà nền kinh tế đang phải đối mặt:

1. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) giảm mạnh lãi suất cơ bản và đưa ra chương trình hỗ trợ lãi suất 4% đã khiến dư nợ tín dụng tăng mạnh 3,7% trong năm dẫn đến sức ép lạm phát gia tăng đặc biệt trong nửa đầu năm 2010.
2. Chi tiêu công tăng mạnh dẫn đến thâm hụt ngân sách ở mức cao 6,9% theo ước tính của Chính phủ.
3. Các chương trình kích cầu cùng với lãi suất thấp đã thúc đẩy tiêu dùng tăng mạnh và kéo theo đó là nhập siêu tăng mạnh trở lại. Năm 2009, Việt Nam nhập siêu khoảng 13 tỷ USD hay khoảng 14% GDP. Nhưng nếu tính riêng trong Quý 4/2009 mức nhập siêu lên đến gần 25% GDP. Các nguồn khác không thể bù đắp đủ cho cán cân thanh toán đã tạo sức ép lên tỷ giá VNĐ/USD.

Bắt đầu từ tháng 11/2009 Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước thay đổi chính sách từ kích thích phục hồi kinh tế sang ổn định vĩ mô. Chính sách tiền tệ được thắt chặt thông qua các biện pháp như:

- Tăng lãi suất cơ bản và lãi suất tái chiết khấu từ 7% lên 8%;
- Chấm dứt chương trình hỗ trợ lãi suất ngắn hạn 4%;
- Giảm giá VNĐ so với USD, lần đầu ở mức 5% tháng 11/2009 và lần tiếp 3,4% theo vào tháng 2/2010. Đồng thời biên độ giao dịch tỷ giá VNĐ/USD cũng được thu hẹp biên độ giao dịch qua hệ thống ngân hàng từ 5% xuống 3%.

Ghi chú: Những số liệu được đề cập trong mục trên được trích từ Ngân Hàng Nhà Nước

C. Rủi ro vĩ mô đang giảm dần

Ba nhóm chỉ báo vĩ mô đo lường sự ổn định của nền kinh tế và có ảnh hưởng trực tiếp đến thị trường chứng khoán cần theo dõi hiện nay là (1) thâm hụt thương mại và cán cân thanh toán, (2) tỷ giá đặc biệt là vấn đề chênh lệch tỷ giá trong hệ thống ngân hàng, (3) chỉ số tiêu dùng và lãi suất.

Trong ba nhóm chỉ báo nói trên, thâm hụt thương mại vẫn là vấn đề đang gây quan ngại khi đứng ở mức cao 3,6 tỷ USD trong Quý 1/2010. Mức thâm hụt này đã giảm nhiều so với 5,6 tỷ USD trong Quý 4/2009 hay 4,7 tỷ USD trong Quý 3/2009. Tuy nhiên để không ảnh hưởng đến cán cân thanh toán, trong giai đoạn phát triển hiện nay, chúng tôi cho rằng Chính Phủ cần tiếp tục các biện pháp kiềm chế để đưa mức thâm hụt thương mại trung bình xuống dưới 1 tỷ USD/tháng (theo Tổng Cục Thống Kê). Hiện tại cán cân thanh toán tạm thời đang được bù đắp tích cực bởi:

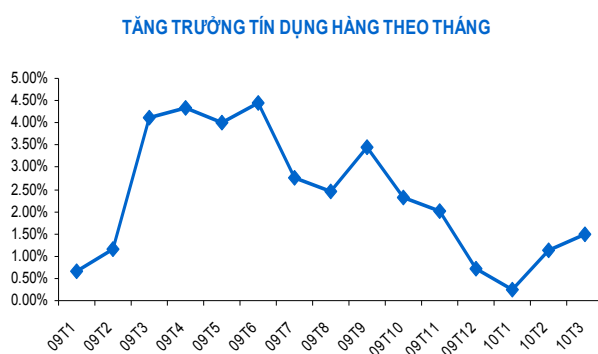
- Tốc độ giải ngân FDI gia tăng và đạt 2,5 tỷ USD trong Quý 1/ 2010. Tuy nhiên cần lưu ý con số này bao gồm cả các nguồn vốn được huy động trong nước và thường có tỷ trọng khá lớn trong các dự án bất động sản.
- Nguồn kiều hối dồi dào theo chu kỳ trong Quý 1/2010. Theo ước tính riêng lượng kiều hối về TP HCM đạt 964 triệu USD tăng 18% so với cùng kỳ năm trước.
- Giải ngân ngân vốn ODA đang gia tăng khi lượng vốn cam kết trong năm tài khóa 2010 của các nhà tài trợ đạt trên 8 tỷ USD. Giải ngân ước tính cho năm 2010 là khoảng trên 4 tỷ USD gần gấp đôi so với năm 2009. Nguồn ngoại tệ từ đợt phát hành trái phiếu Chính phủ gần đây cũng góp phần bù đắp ngoại tệ cho nền kinh tế.

Ghi chú: Những số liệu được đề cập trong mục trên được trích từ Bộ Kế Hoạch Đầu tư

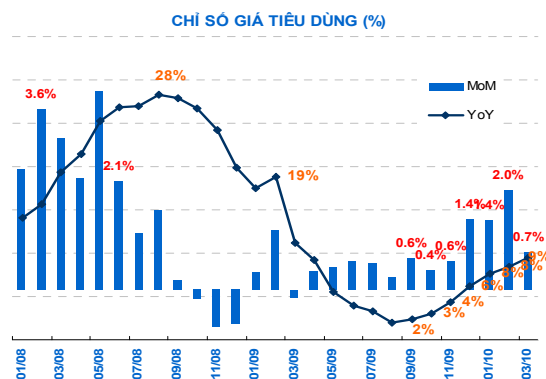
Tỷ giá trong hai tháng đầu năm 2010 vẫn tiếp tục là một vấn đề căng thẳng khi tỷ giá VNĐ/USD trên thị trường tự do luôn chênh lệch ở mức 3% đến 5% so với tỷ giá chính thức trong hệ thống ngân hàng và đã buộc Ngân hàng Nhà nước tiếp tục giảm giá VND thêm 3,4% trong những ngày trước tết đồng thời ban hành một loạt các biện pháp hành chính để tăng nguồn cung ngoại tệ và phục hồi niềm tin đối với VNĐ.

Tuy nhiên, tỷ giá trên thị trường tự do đã giảm nhanh trong những ngày cuối tháng 3 và đầu tháng 4 năm 2010 và hiện có mức chênh lệch không đáng kể so với tỷ giá trong hệ thống ngân hàng. Đây là diễn biến hết sức tích cực giúp khôi phục niềm tin đối với chính sách ngoại hối của Ngân hàng Nhà nước. Những lý do chính được cho là dẫn đến diễn biến này là:

- Hai đợt điều chỉnh tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước (tháng 11/2009 & tháng 2/2010) với mức điều chỉnh tổng cộng lên đến 8.5% bắt đầu có tác dụng.
- Nguồn cung hiện đang tương đối dồi dào từ vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), vốn viện trợ không hoàn lại (ODA) và kiều hối. Các doanh nghiệp cũng buộc phải bán ra khi lãi suất USD tối đa được chặn ở mức 1%. Các tổng công ty nhà nước cũng được yêu cầu không găm giữ ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi suất tiền gửi giữa VND và USD hiện ở mức 6%-8% làm giảm xu hướng găm giữ ngoại tệ nhất là trong bối cảnh lạm phát có thể không cao như nhiều người trước đây lo ngại. Chênh lệch lãi suất vay cũng khiến dư nợ vay ngoại tệ tăng đột biến 14.07% so với dư nợ VND chỉ tăng ở mức 0,57% so với tháng 12/2009. Việc này cũng làm giảm sức ép mua và tăng cung ngoại tệ trong ngắn hạn.



Nguồn: Ngân hàng nhà nước Việt Nam (SBV), VFM



Nguồn: Tổng Cục Thống kê (GSO)

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3 tăng 0,75% so với tháng 2/2010 và 4,12% so với tháng 12/2009 hay 9,46% so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính trung bình, CPI Quý 1/2010 tăng 8,51% so với Quý 1/2009 và cao hơn so với mục tiêu 7% cả năm của Chính Phủ. Tuy nhiên mức tăng CPI này thấp hơn quan ngại của nhiều chuyên gia và cho thấy mặc dù lạm phát vẫn là vấn đề đáng quan tâm nhưng lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát.

Với lãi suất cho vay phổ biến ở mức cao 16%-18% tăng trưởng tín dụng thấp 3,34% trong Quý 1 năm 2010 cho thấy sức ép lạm phát sẽ giảm vào cuối Quý 2 đầu Quý 3/2010. Tuy nhiên tăng trưởng tín dụng thấp cũng nhanh chóng làm giảm tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Chúng tôi cho rằng nếu không có diễn biến bất thường đối với giá nguyên liệu thế giới, lạm phát đã ở rất gần mức đỉnh hoặc đã ở mức đỉnh. Chúng tôi giữ nguyên dự báo CPI từ 8%-10% cho năm 2010.

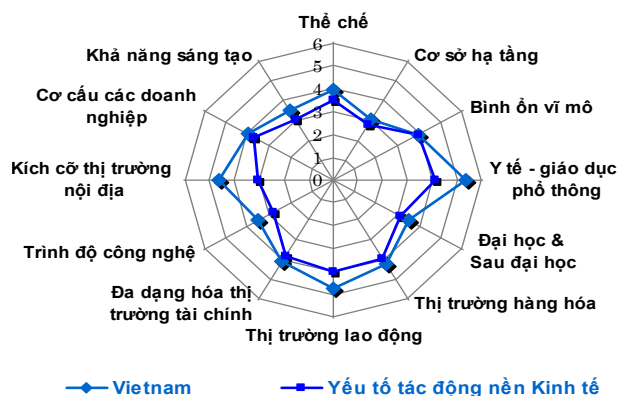
Như vậy, tuy thâm hụt thương mại vẫn là một vấn đề cần theo dõi, những chỉ báo khác như tỷ giá và CPI đang đưa ra những tín hiệu tích cực về sự ổn định của nền kinh tế. Tuy nhiên **Kinh tế Việt Nam vẫn cần thêm thời gian để có thể quay về quỹ đạo tăng trưởng dài hạn**. Đây cũng là thời cơ cho những nhà đầu tư năng động và sát sao với các diễn biến của nền kinh tế.

Ghi chú: Những số liệu được đề cập trong mục trên được trích từ Tổng Cục Thống Kê

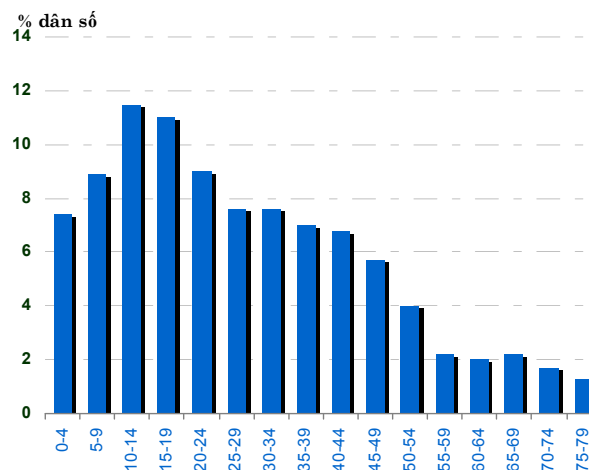
D. Kinh tế Việt Nam – câu chuyện tăng trưởng dài hạn

Việt Nam hiện có mức thu nhập bình quân đầu người khoảng 1.000 USD/năm, chớm vượt ngưỡng các quốc gia thu nhập thấp và chính thức gia nhập khối các nước có mức thu nhập trung bình. Theo phân loại của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF), đây vẫn là mức thấp của các quốc gia trong nhóm phát triển dựa trên các yếu tố đầu vào như vốn và lao động (factors-driven economy). Ngưỡng thu nhập tiếp theo của các quốc gia có nền kinh tế dựa trên hiệu quả vào khoảng 3.000 -9.000 USD/năm.

Theo báo cáo của WEF 2008, Việt Nam có chỉ số cạnh tranh tốt hơn các nước trong nhóm trừ chỉ số về ổn định kinh tế vĩ mô (do các biến động năm 2007). Điều này cho thấy Việt Nam vẫn có thể tiếp tục phát triển dựa trên chiều rộng (factor-driven) thêm một thời gian nữa, tuy nhiên về trung và dài hạn nền kinh tế phải dựa trên hiệu quả nhiều hơn nếu muốn phát triển nhanh, bền vững và ổn định.



Nguồn: Diễn đàn KT thế giới



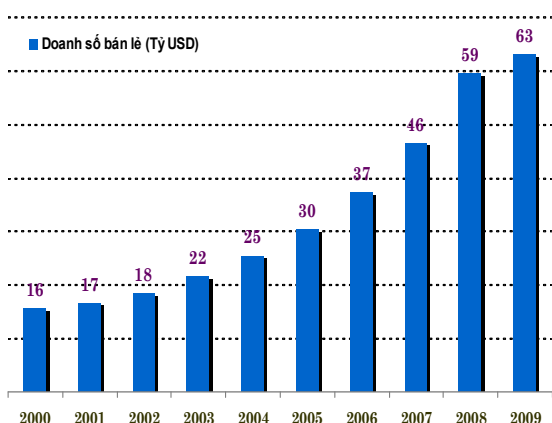
Nguồn: UN, VFM

Về mặt dân số, mỗi năm số người trong độ tuổi lao động ở Việt Nam tăng lên khoảng 1 triệu người tức là gần 2% và tiếp tục duy trì ở mức cao 1,2% đến 1,8% trong 10 năm tới. Ngoài ra Việt Nam còn có lực lượng lao động lớn làm nông nghiệp bán thời gian ở khu vực nông thôn và sẵn sàng tham gia các lĩnh vực khác của nền kinh tế. Nguồn cung lao động với chi phí cạnh tranh là một trong các yếu tố quan trọng cho phát triển kinh tế về mặt qui mô.

Với qui mô 87 triệu người và cấu trúc dân số trẻ, Việt Nam được đánh giá là một trong những thị trường bán lẻ hấp dẫn nhất thế giới. Doanh số bán lẻ tăng tới 18% trong năm 2009 là một trong những yếu tố chính giúp Việt Nam vượt qua cơn bão khủng hoảng.

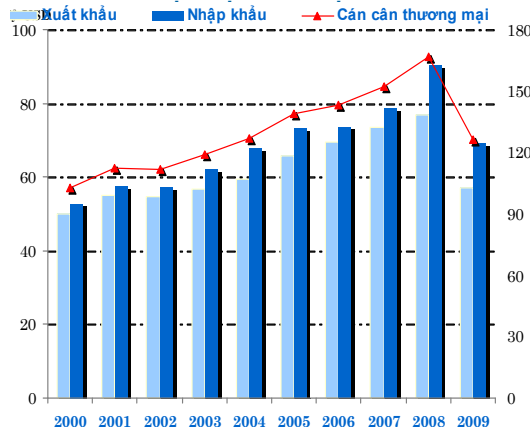
Ghi chú: Những số liệu được đề cập trong mục trên được trích từ Quỹ dân số liên hợp quốc

TIỀM NĂNG CỦA THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA



Nguồn: Tổng Cục Thống Kê

HOẠT ĐỘNG NGOẠI THƯƠNG



Nguồn: Tổng Cục Thống Kê, VFM

Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng nhanh trong những năm vừa qua đã đưa Việt nam trở thành một quốc gia có nền kinh tế mở nhất trong khu vực. Năm 2009, xuất nhập khẩu của Việt Nam đạt mức 125% GDP, cao hơn Trung Quốc (<70% GDP) hay Indonesia (<70% GDP).

Tỷ lệ tiết kiệm cao và tổng vốn đầu tư toàn xã hội của Việt Nam những năm gần đây luôn vượt mức 40% GDP là một trong những yếu tố chủ chốt dẫn đến tăng trưởng. Nếu giữ được hiệu quả đầu tư như giai đoạn 2001-2007 và đầu tư toàn xã hội ở mức 40%, GDP của Việt nam trong những năm tới có thể cao hơn 7,7%. Nếu Việt Nam cải thiện được hiệu quả đầu tư bằng với Malaysia (ICOR=4,6), GDP sẽ là trên 8,7%. Con số này có thể cao hơn nếu Việt Nam đuổi kịp Thái Lan, Trung Quốc hay Đài loan trước đây về hiệu quả đầu tư.

Tính trung bình trong 10 năm từ 2000 đến nay, tức là bao gồm cả 2 năm có tốc độ tăng trưởng thấp do suy thoái kinh tế, GDP của Việt Nam tăng trưởng ở mức 7,22%/năm. Nếu loại bỏ 2 năm có mức tăng trưởng thấp 2008 và 2009, mức tăng trưởng trung bình là 7,6%. Thống kê cho chu kỳ tăng trưởng những năm 90 cũng cho những kết quả khả quan tương tự. ***Với những yếu tố cơ bản như trên chúng tôi cho rằng mức tăng trưởng trung bình trên 7,0 % cho chu kỳ kinh tế tiếp theo là khả thi.***

Để đạt được hiệu quả đầu tư và tăng trưởng cao, hiện nay Bộ kế hoạch đầu tư đang dự thảo chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế với 3 trọng tâm chính là:

1. Cải thiện cơ sở hạ tầng,
2. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và
3. Cải cách thủ tục hành chính.

Một số vấn đề khác mà Chính phủ cần tiếp tục chú ý là:

- Đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và phát triển kinh tế tư nhân.
- Điều hành và ổn định kinh tế vĩ mô bằng các biện pháp thị trường

Ghi chú: Những số liệu được đề cập trong mục trên được trích từ Tổng Cục Thống Kê

2. Thị trường chứng khoán Việt Nam và cơ hội đầu tư vào thị trường cổ phiếu Việt Nam

Phần lớn các doanh nghiệp đều sẽ ít nhiều được hưởng lợi từ sự phát triển của nền kinh tế. Tuy nhiên một số ngành kinh tế sẽ phát triển nhanh hơn mức trung bình của cả nước. Trong giai đoạn hiện nay chúng tôi đặc biệt đánh giá cao cơ hội của các doanh nghiệp trong các lĩnh vực:

- Phát triển cơ sở hạ tầng và bất động sản
- Ngân hàng và tài chính
- Viễn thông
- Tài nguyên khoáng sản
- Xây dựng và vật liệu xây dựng
- Tiêu dùng nội địa

Về thị trường chứng khoán Việt Nam (chỉ số VN-Index) tiếp tục được xem là một trong những thị trường có mức tăng trưởng mạnh nhất trong khu vực với mức tăng 56% so trong năm 2009 cao hơn cả thị trường chứng khoán Indonesia và Thượng Hải. Tương tự, chỉ số tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX-Index) cũng tăng 61% trong năm 2009. Xét trong bối cảnh nền kinh tế Thế giới vẫn chưa thoát khỏi cuộc suy thoái thì việc tăng trưởng các chỉ số chứng khoán tại Việt Nam được đánh giá là rất tích cực.

Đối với cơ hội đầu tư vào công ty niêm yết, tính đến 31/3/2010 hai thị trường chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh và thị trường chứng khoán Hà Nội đã có tổng cộng 494 công ty được phép giao dịch chính thức với tổng vốn hóa thị trường là 643 ngàn tỷ đồng, chiếm hơn 40% GDP. Và theo dự báo của công ty VFM, từ đây đến hết năm 2010 khoảng 30 công ty sẽ tiếp tục chính thức được giao dịch trên thị trường chính thức.

Đối với thị trường Upcom dành cho các cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết, hiện nay có 58 công ty đang được phép giao dịch, với tổng vốn hóa hơn 8.000 tỷ đồng. Theo kế hoạch, từ đây đến cuối năm 2009 Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (UBCKNN) sẽ đưa toàn bộ các công ty đại chúng lên sàn để giao dịch. Như vậy trong khoảng 973 công ty đại chúng (đã đăng ký với UBCKNN) sẽ phải thực hiện việc lưu ký tập trung và niêm yết chính thức hoặc lên sàn Upcom. Điều này sẽ tạo ra lượng hàng hóa rất lớn cho thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung.

Tóm lại, thị trường chứng khoán Việt Nam trong mấy năm qua đã có những bước phát triển vượt bậc và trở thành kênh dẫn dắt vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế. Tuy nhiên với bản chất là một thị trường mới nổi, những biến động trên thị trường sẽ tiếp tục tạo ra cả rủi ro lẫn cơ hội cho các nhà đầu tư. Các nhà đầu tư chuyên nghiệp sẽ có nguồn lực và khả năng nắm bắt tốt hơn những cơ hội mà thị trường mang lại.

Ghi chú: Những số liệu được đề cập trong mục trên được trích từ Reuters

3. Cơ hội đầu tư theo phân tích định lượng (Quantitative Analysis) - Đầu tư theo xu thế thị trường (Trend Following)

Phương pháp đầu tư theo phân tích định lượng bắt đầu vào những năm 80 tại Mỹ, với nguyên tắc sử dụng các mô hình toán học trên hệ thống máy tính để tìm kiếm cơ hội sinh lời từ khối lượng thông tin và dữ liệu khổng lồ. Nguồn thông tin dữ liệu dùng để phân tích có thể bao gồm các dữ liệu cơ bản (fundamental analysis data) và dữ liệu từ phân tích kỹ thuật (technical analysis data). Mức độ lợi nhuận và rủi ro của mô hình đầu tư theo phân tích định lượng không tương quan với mức độ lợi nhuận và rủi ro của mô hình đầu tư theo phương pháp truyền thống.

Kể từ khi bắt đầu phổ biến vào những năm 80, mô hình đầu tư theo phân tích định lượng phát triển nhanh chóng với sự tiến bộ của máy tính, những nghiên cứu khoa học ứng dụng vào đầu tư cũng như sự thành công của các Quỹ đầu tư định lượng. Theo thống kê, hiện nay, khoảng một nửa số tài sản của các quỹ đầu cơ (hedge fund) được quản lý bằng phương pháp phân tích định lượng. Hơn một nửa tổng số lệnh mua bán cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán lớn xuất phát từ các mô hình định lượng. Tất cả những ngân hàng đầu tư hàng đầu đều có bộ phận đầu tư định lượng chuyên nghiệp. Và các trường đại học hàng đầu trên thế giới đều có những cuộc thảo luận thường xuyên xung quanh những vấn đề trong phân tích định lượng.

Hiện nay, có khoảng 4 loại chiến lược đầu tư sử dụng phương pháp định lượng trên thế giới:

- Đầu tư định lượng theo xu hướng thị trường – Trend following
- Đầu tư vào các sản phẩm chứng khoán phái sinh – Derivatives/ Convertible Bond
- Mua bán hoàn toàn dựa trên hệ thống máy tính/ Mua bán với cường độ cao – High Frequency/ Algorithmic Trading
- Mua bán dựa trên chênh lệch tương đối có tính thống kê – Statistical Arbitrage/ Statistical Trading

Bốn loại chiến lược này có thể sử dụng đòn bẩy tài chính cao hoặc thấp (High leverage or Low Leverage), sử dụng chiến lược tương quan hoặc không tương quan với thị trường (Directional or Market Neutral).

Đối với thị trường Việt Nam, do đặc thù chưa có các quy định về bán khống (short sale) và các sản phẩm phái sinh chưa được phát triển nên chỉ có chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường (Trend following) có khả năng được ứng dụng thành công.

Giới thiệu chiến lược đầu tư định lượng theo xu hướng thị trường (trend following)

Một trong những chiến lược đầu tư định lượng cơ bản là chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường (trend following). Chiến lược này dựa trên nguyên tắc tham gia thị trường khi có xu thế tăng (mua) hoặc giảm (bán khống) và xu thế này là dài hạn và rõ ràng. Đồng thời chốt lời khi xu thế này đảo chiều hoặc không còn và thị trường đi vào thời kỳ ít biến động (sideways). Bên cạnh nguyên tắc chính này, chiến lược quản lý rủi ro qua các cơ chế cắt lỗ, phân bổ tài sản và đa dạng hóa đầu tư vẫn được lượng hóa và áp dụng.

Với việc mang lại hiệu quả đầu tư cao, mô hình này đã và đang được sử dụng rộng rãi trong cộng đồng đầu tư trên thế giới. Một ví dụ kinh điển cho sự thành công của chiến lược đầu tư theo xu thế là mô hình “Turtle”, được sáng lập bởi Richard Dennis và William Eckard. Hệ thống này được nhiều quỹ đầu tư và ngân hàng đầu tư trên thế giới

áp dụng thành công, điển hình là Quỹ MAN với tổng tài sản quản lý là 40 tỷ đô la, Chesapeake Capital với tổng tài sản quản lý hơn 1 tỷ đô la đang được quản lý bởi Jerry Parker, một trong những học trò của Richard Dennis và William Eckard.

Chiến lược đầu tư định lượng theo xu thế thị trường tại Việt Nam

Một số bài viết nghiên cứu khoa học đã chứng minh chiến lược đầu tư định lượng theo xu thế thị trường phát huy tác dụng tốt hơn tại các thị trường mới nổi (emerging market) như Trung Quốc, Malaysia, Thái Lan...so với thị trường lâu đời (developed market) như Mỹ và Châu Âu... do sự biến động ở những thị trường mới nổi là khá lớn nên các xu thế thị trường trở nên rõ ràng hơn.

Cơ hội đầu tư tại Việt Nam sử dụng phương pháp đầu tư này có tiềm năng lớn trong việc mang lại hiệu quả đầu tư cao nhờ tính biến động mạnh ở một thị trường đang từng bước hoàn thiện với sự xuất hiện của các đợt xu thế lớn, với tính thanh khoản ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, việc thực hiện đầu tư theo xu hướng thị trường tại Việt Nam cũng có những hạn chế có thể ảnh hưởng đến kết quả đầu tư như nguồn dữ liệu hạn chế, chưa có cơ chế bán khống (short sale) để lợi dụng xu hướng đi xuống của thị trường và thị trường tài chính phát triển khác (như thị trường ngoại hối, thị trường lãi suất, thị trường hàng hóa) để thực hiện đa dạng hóa.

Hiện tại, công ty VFM đã nghiên cứu và ứng dụng thành công chiến lược đầu tư theo xu hướng trên thị trường chứng khoán Việt Nam, đồng thời giảm thiểu những hạn chế nói trên bằng cách áp dụng những công cụ của phương pháp Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) và lý thuyết Thông tin (Information Theory) vào trong mô hình đầu tư. Với những bước thành công đầu tiên này, triển vọng của chiến lược phân tích định lượng là rất lớn trong tương lai đối với thị trường Việt Nam.

IV. THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ VFA

1. Thông tin chung về Quỹ đầu tư VFA

1.1 Tên và địa chỉ liên hệ của Quỹ

Tên đầy đủ: Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)

Tên tiếng Anh: Vietnam Active Fund

Tên viết tắt: Quỹ đầu tư VFA

Địa chỉ: Lầu 10, Cao ốc Văn phòng Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam.

Điện thoại: +84-8 3825 1488

Fax: +84-8 3825 1489

Website: www.vinafund.com

1.2 Ban đại diện Quỹ

Ban đại diện Quỹ đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư và do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban đại diện Quỹ là 03 (ba) năm, và có thể được bầu lại tại Đại hội Nhà đầu tư tiếp theo. Ban đại diện Quỹ thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ có một phiếu biểu quyết.

Các thành viên Ban đại diện Quỹ đầu tư VFA gồm có:

STT	Họ tên thành viên Ban đại diện/Địa chỉ	Chức vụ	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Số chứng chỉ quỹ 0năm giữ	Kinh nghiệm làm việc
1	Thái Tấn Dũng	Chủ tịch Ban đại diện quỹ	CMND: 022054450	0	- 1993 – 1998: Phó Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Dệt may Thái Tuấn - 1999 – 2001: Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc Công ty Dệt May Thái Tuấn - 2001 – đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Ky Vy - 2006 – đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP CK Đại Việt Thành viên Hội đồng quản trị Ngân Hàng TMCP Đại Á Thành viên HĐQT – Công ty CP Nam Long
2	Phan Ngọc Diệp Đại diện: Công ty CP Đầu tư & Phát triển đô thị & KCN Sông Đà <i>Tầng 1 & 2, Tòa nhà CT1, Khu đô thị mới Mỹ Đình – Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội</i>	Thành viên	CMND: 010391217 ĐKKD: 010300273 1 SKHĐT Hà Nội	0 2.000.000	- Tháng 10/1982 – Tháng 5/1984: Chủ nhiệm công trình, Đội trưởng Đội Tổng hợp Xí nghiệp Thủy công – Công ty Thủy công – Tổng công ty Thủy điện Sông Đà - Tháng 5/1984 – Tháng 5/1985: Phó Giám đốc Xí nghiệp Thủy công 1 – Tổng công ty Thủy điện Sông Đà - Tháng 6/1985 – Tháng 8/1987: Trưởng phòng Thi công – Công ty Thủy công – Tổng công ty Thủy điện Sông Đà - Tháng 9/1987 – Tháng 5/1991: Giám đốc Xí nghiệp Thủy công 5 – Công ty Thủy công – Tổng công ty Thủy điện Sông Đà - Tháng 6/1991 – Tháng 4/1993: Phó Giám đốc Công trình Thủy điện SelaBarm – Lào – Tổng công ty Thủy điện Sông Đà - Tháng 5/1993 – Tháng 8/1994: Tổng công ty biệt phái phụ trách công tác xây dựng công ty Việt - Âu – Tổng công ty Thủy điện Sông Đà - Tháng 9/1994 – Tháng 9/2001: Trưởng phòng Đầu tư – Tổng công ty Thủy điện Sông Đà

					- Tháng 10/2001 – Tháng 7/2003: Giám đốc Công ty đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà - Tháng 08/2003 – Tháng 11/2006: Tổng Giám đốc Công ty đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà (SUDICO) - Tháng 11/2006 đến nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp Sông Đà (SUDICO)
3	Nguyễn Trường Giang <u>Đại diện:</u> Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện <i>Tầng 8, 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội</i>	Thành viên	<u>CMND:</u> 011676599 <u>ĐKKD:</u> 41A/GP/KD BH Hà Nội	0 500.000	-1993 – 6/1997: Phó Phòng Tài chính Kế toán Công ty LD Heritage Hà Nội - 8/1997 – 1/1998: Phụ trách phòng Phát triển Kinh Doanh Công ty Du Lịch Thương Mại Giảng Võ - 2/1998 – 3/1999: Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh Trung tâm Dịch vụ Viễn thông KV I, Công ty Dịch vụ Viễn Thông - 4/1999 – 5/2007: Trưởng phòng Kinh doanh Tiếp Thị Trung tâm Dịch vụ Viễn thông KV I, Công ty Dịch vụ Viễn Thông - 6/2007 – 3/2008: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Dịch vụ & Kỹ thuật Viễn thông - 4/2008 – 8/2008: Trưởng phòng đầu tư Công ty CP Bảo Hiểm Bưu điện - 9/2008 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Bảo Hiểm Bưu điện
4	Nguyễn Mạnh Hải <u>Đại diện:</u> Ngân Hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex <i>Văn phòng 5, 18T – 18T2 Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội</i>	Thành viên	<u>CMND:</u> 012015865Đ <u>KKD:</u> 1400116233 SKHĐT Hà Nội	0 1.000.000	- 2004: Cán bộ phân tích Cán bộ Tư vấn tài chính doanh nghiệp - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương VCBS - 2006 – 2007: Quản trị viên Tập sự với các nghiệp vụ về Quản trị rủi ro, Ngân hàng đầu tư, tác nghiệp, Phụ trách tư vấn – Quản lý dòng tiền cho khách hàng doanh nghiệp – Ngân hàng TMCP Citibank, Việt Nam - 2007 – 2009: Trưởng phòng Đầu tư: Phụ trách đầu tư,

					Tự doanh chứng khoán – Ngân Hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - 2009 đến nay: Phó giám đốc Khối nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ: phụ trách các mảng đầu tư, Tự doanh, Tư vấn tài chính, Nghiên cứu & Phân tích, Quan hệ Định chế Tài chính & Quan hệ cổ đông của Ngân Hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex Thành viên Ban Kiểm Soát Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex - PJF
5	Bùi Nguyên Quỳnh <u>Đại diện:</u> Công ty Tài chính CP Xi măng <i>Tầng 8, Tòa nhà Minexport, 28 Bà Triệu, Hà Nội</i>	Thành viên	<u>CMND:</u> 012068078 <u>ĐKKD:</u> 0103025068 SKHĐT Hà Nội	0 750.000	- 04/2003 – 04/2005: Chuyên viên tín dụng Ngân hàng Chohung Vina Bank - 05/2005 – 11/2006: Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán Ernst & Young Vietnam - 11/2006 – 07/2007: Trưởng phòng Đầu tư Công ty CP Quản lý vốn T&M - 08/2007 – 8/2008: Trưởng phòng Đầu tư Công ty CP Quản lý Vốn đầu tư Việt nhân - 08/2008 đến nay: Phó phòng Đầu tư & Dịch vụ Tài chính Công ty Tài chính CP Xi măng
6	Vũ Trung Thành <u>Đại diện:</u> Công ty CPCK Ngân hàng Công Thương Việt Nam <i>306 Bà Triệu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội</i>	Thành viên	<u>CMND:</u> 011978123 <u>ĐKKD:</u> 107/UBCK-GP UBCKNN	0 1.500.000	- 12/2005 – 06/2006: Chuyên viên Quan hệ công chúng Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank - 06/2006 – 03/2009: Trưởng phòng Quan hệ công chúng kiêm Chuyên viên phân tích đầu tư Công ty Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank - 06/2009 – 10/2009: Trưởng Ban Thư ký Công ty – Phó phòng tự doanh và Bảo lãnh phát hành Công ty CPCK Ngân hàng Công thương Việt Nam - 10/2009 – 12/2009: Trưởng ban thành lập Chi nhánh Công ty CPCK Ngân hàng Công thương Việt Nam Phó phòng tự doanh và BLPH Công ty CPCK Ngân hàng Công thương Việt Nam - 12/2009 – 03/2010: Giám đốc Công ty CPCK Ngân hàng Công thương Việt Nam Chi Nhánh Hà nội

					- 26/03/2010 đến nay: Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CPCK Ngân hàng Công thương Việt Nam
7	Lê Anh Tuấn	Thành viên	<u>CMND:</u> 250454975	20.000	- 2003 – 2004: Chuyên viên phân tích Công ty Merrill Lynch, OR - 2008 đến nay: Giám đốc Dragon Capital Group

1.3 Quá trình thành lập Quỹ

Quỹ đầu tư VFA được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép phát hành chứng khoán lần đầu ra công chúng theo giấy phép số 05/UBCK-GCN vào ngày 28/12/2009 và được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ số 14/UBCK-GCN vào ngày 02/4/2010.

Quỹ đầu tư VFA là quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng được công ty quản lý quỹ quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể trước hạn theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Thời gian hoạt động của quỹ là 5 (năm) năm theo mục tiêu hoạt động của Quỹ và có hiệu lực kể từ ngày UBCKNN cấp giấy phép thành lập và hoạt động.

Thời hạn hoạt động của Quỹ có thể được gia hạn thêm phụ thuộc vào đề nghị của Công ty quản lý quỹ và sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư và UBCKNN.

Quỹ tiến hành huy động vốn ban đầu từ ngày 12/01/2010 và kết thúc đợt huy động vào ngày 15/03/2010 với tổng vốn ban đầu huy động được từ công chúng là 240,437,600,000 VNĐ (*Hai trăm bốn mươi tỷ bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng Việt Nam*) tương ứng với số lượng chứng chỉ quỹ là 24,043,760 (*Hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi ngàn bảy trăm sáu mươi*) đơn vị quỹ.

Sau đây là kết quả huy động vốn ban đầu cho Quỹ đầu tư VFA:

- Tên quỹ phát hành: Quỹ Đầu tư Năng Động Việt Nam (Quỹ đầu tư VFA)
- Loại hình quỹ: Quỹ đại chúng dạng đóng.
- Mệnh giá: 10.000 VNĐ (Mười nghìn đồng Việt Nam)
- Tổng số lượng chứng chỉ quỹ thực tế phân phối: **24,043,760** (*Hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi ngàn bảy trăm sáu mươi*) đơn vị quỹ.
- Tổng giá trị thực tế huy động (*trừ các loại phí liên quan đến phát hành*): **240,437,600,000 VNĐ** (*Hai trăm bốn mươi tỷ bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng Việt Nam*).
- Ngày phát hành: 12/01/2010
- Ngày kết thúc huy động vốn: 15/03/2010
- Ngân hàng giám sát: Ngân hàng Far East National – Chi nhánh TP. HCM
- Tài khoản nộp tiền: 070-008-0090-099-3 tại Ngân hàng Far East National – Chi nhánh TP. HCM

Báo cáo kết quả huy động vốn đã được ngân hàng giám sát xác nhận và đệ trình UBCKNN (nộp kèm theo Bản cáo bạch này - Phụ lục số 7)

Tính chất và thời gian hoạt động của Quỹ:

Quỹ đầu tư VFA là Quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng được Công ty quản lý quỹ quản lý trong suốt thời hạn hoạt động, trừ trường hợp Quỹ được chuyển giao cho Công ty quản lý quỹ khác quản lý hoặc bị giải thể trước hạn theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.

Thời gian hoạt động của Quỹ là 05 (năm) năm theo mục tiêu hoạt động của Quỹ.

Thời hạn hoạt động của Quỹ có thể được gia hạn thêm phụ thuộc vào đề nghị của Công ty quản lý quỹ và sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư và UBCKNN.

2. Điều lệ Quỹ đầu tư VFA

Tóm tắt Điều lệ Quỹ với các thông tin chính sau đây:

2.1 Các điều khoản chung

*** Nguyên tắc tổ chức hoạt động của Quỹ**

- Quỹ đầu tư VFA là quỹ công chúng dạng đóng tổ chức và hoạt động theo pháp luật hiện hành của Việt Nam
- Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ đầu tư VFA không có nghĩa vụ phải mua lại chứng chỉ quỹ đã được phát hành cho nhà đầu tư.
- Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ đầu tư VFA là Đại hội Nhà đầu tư.
- Ban đại diện Quỹ đầu tư VFA sẽ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ đầu tư VFA, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.

*** Quy mô vốn điều lệ và số lượng chứng chỉ quỹ phát hành**

- Tổng vốn của Quỹ đầu tư VFA do vốn đóng góp của nhà đầu tư tạo thành. Việc góp vốn có thể thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Quỹ đầu tư VFA mở tại ngân hàng giám sát.
- Vốn điều lệ được huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng là 240,437,600,000 VNĐ (*Hai trăm bốn mươi tỷ bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm ngàn đồng Việt Nam*). Số vốn này được chia thành 24,043,760 (*Hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi ngàn bốn trăm sáu mươi*) đơn vị quỹ. Mệnh giá của mỗi đơn vị quỹ là 10.000 đồng.
- Việc tăng hay giảm vốn huy động của Quỹ đầu tư VFA phải do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và được UBCKNN chấp thuận.

2.2 Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư của Quỹ

*** Mục tiêu đầu tư của Quỹ**

Mục tiêu chính của Quỹ đầu tư VFA là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following) nhằm mang lại lợi nhuận ròng cho quỹ song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi.

*** Chiến lược đầu tư của Quỹ**

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, Quỹ đầu tư VFA sử dụng mô hình đầu tư theo xu hướng thị trường (trend following). Mô hình đầu tư theo xu hướng thị trường ứng dụng phương pháp định lượng như sử dụng các mô hình thống kê một khối lượng lớn dữ liệu trên hệ thống máy vi tính để nắm bắt chính xác các xu hướng trung

và dài hạn xuất hiện trên các thị trường khác nhau. Nói một cách cụ thể, mô hình này đầu tư dựa trên cơ chế như sau: mua khi thị trường có xu hướng tăng và bán khống khi thị trường có xu hướng giảm. Vì bán khống (short sell) chưa được thực hiện ở thị trường Việt Nam, chiến lược đầu tư theo xu hướng mà Quỹ đầu tư VFA sử dụng không thể tìm kiếm lợi nhuận khi thị trường đi vào xu hướng giảm. Tuy nhiên, chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường mà Quỹ đầu tư VFA đề ra vẫn có khả năng tạo ra lợi nhuận ở cả hai xu hướng thị trường (xu hướng lên và xu hướng xuống) trong tương lai khi luật cho phép nghiệp vụ bán khống được thực hiện. Chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường không tìm cách dự đoán thị trường mà thay vào đó là giải ngân khi thị trường đã xuất hiện các xu thế rõ ràng và thoát khỏi thị trường (exit) khi các xu thế trên đã kết thúc hoặc đảo chiều. Hơn nữa, phương pháp đầu tư này có mức lợi nhuận không tương quan với phương pháp đầu tư truyền thống (“buy and hold”) vì chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường thực hiện bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi.

*** Cơ cấu đầu tư của Quỹ**

Quỹ đầu tư VFA sẽ phân bổ tài sản giữa chứng khoán niêm yết và tiền mặt hoặc tài sản khác tương đương tiền theo tỷ trọng khác nhau ở các thời điểm khác nhau tùy thuộc vào dự báo mua/bán tương ứng điều kiện thị trường. Trong cơ cấu chứng khoán niêm yết, Quỹ đầu tư VFA sẽ đầu tư vào rổ cổ phiếu đại diện cho VN-Index vì thế sẽ có biến động gần giống với biến động của VN-Index.

Do đặc thù cần đầu tư vào các loại tài sản có thanh khoản cao, Quỹ đầu tư VFA thực hiện đầu tư vào các loại tài sản sau:

- Chứng khoán niêm yết;
- Trái phiếu niêm yết, bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu công ty.
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm chứng chỉ tiền gửi tại tổ chức tín dụng, tín phiếu kho bạc và thường phiếu với thời gian đáo hạn tính từ ngày phát hành không quá một (01) năm;
- Các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

Hiện tại, do điều kiện thị trường Việt Nam chưa phát triển các thị trường khác như thị trường lãi suất, thị trường ngoại hối, thị trường hàng hóa v.v, nên Quỹ đầu tư VFA sẽ không đầu tư vào các loại tài sản khác ngoại trừ chứng khoán niêm yết trong tương lai gần. Tuy nhiên, Quỹ đầu tư VFA vẫn đề ngỏ khả năng đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết cũng như các loại tài sản khác nếu thị trường các tài sản đó được cho phép bởi Luật và đáp ứng được yêu cầu về chất lượng cũng như thanh khoản.

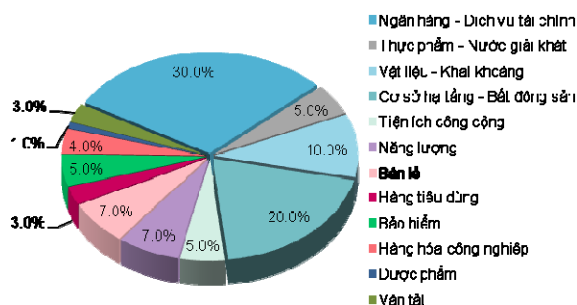
*** Lĩnh vực đầu tư**

Với chiến lược đầu tư vào rổ cổ phiếu đại diện cho VN-Index, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ đầu tư VFA chủ yếu dựa trên cơ cấu ngành nghề của các cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn. Do hầu hết các tổng công ty nhà nước cổ phần hóa và các công ty tư nhân lớn có mức vốn điều lệ lớn, ảnh hưởng nhiều đến vốn hóa thị trường và tỷ trọng của các cổ phiếu hiện tại đang niêm yết khi các công ty mới này lên niêm yết trên thị trường chứng khoán.

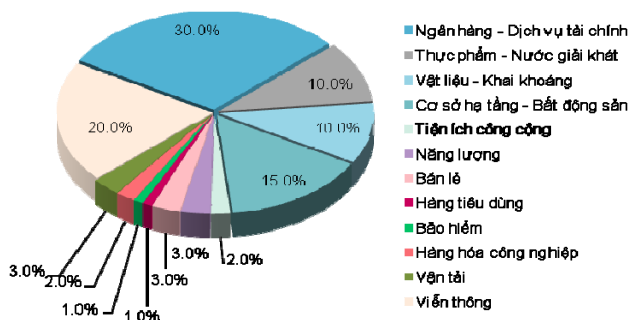
Tùy theo tiến độ niêm yết của các tổng công ty nhà nước cổ phần hóa và các công ty tư nhân lớn, cơ cấu đầu tư của Quỹ sẽ thay đổi cho phù hợp.

Dự kiến lĩnh vực đầu tư của VFA sẽ chia thành 12 nhóm ngành nghề với tỷ trọng phân được chia làm 2 giai đoạn dựa trên tiến độ cổ phần hóa và niêm yết dự kiến của các công ty lớn.

Giai đoạn từ năm 2010 – năm 2012



Giai đoạn từ năm 2012 – năm 2015



* Các tài sản được phép đầu tư và hạn chế đầu tư của Quỹ

Công ty quản lý quỹ chỉ được đầu tư vốn của Quỹ đầu tư VFA vào chứng khoán hoặc tài sản khác phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, theo Quyết định số 45/2007/QĐ – BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 06 năm 2007 Quỹ đầu tư VFA sẽ tuân thủ những quy định về cơ cấu tài sản như sau:

1. Căn cứ vào quy mô của Quỹ đầu tư VFA

- Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Không được đầu tư quá 30% tổng tài sản của quỹ vào các công ty trong cùng một tập đoàn hay một nhóm công ty có quan hệ sở hữu lẫn nhau;
- Không được đầu tư quá 10% tổng tài sản của quỹ vào bất động sản;
- Không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào;
- Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản quỹ vào cổ phiếu các tổ chức phát hành riêng lẻ hoặc các tài sản tài chính khác;
- Quỹ đầu tư VFA sẽ không dùng các khoản vay để tài trợ các dự án đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết. Tuy nhiên trong mọi trường hợp tổng vay ngắn hạn sẽ không vượt quá 5% tổng giá trị tài sản ròng và thời hạn vay tối đa là 30 ngày.

2. Căn cứ vào quy mô của khoản đầu tư

- Không đầu tư quá 15% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;

- Không đầu tư vào chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA hoặc vào chứng chỉ, vốn góp của Quỹ đầu tư chứng khoán khác;
 - Không được sử dụng tài sản của Quỹ đầu tư VFA để góp vốn liên doanh, liên kết hoặc đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ VFM, đầu tư vào tổ chức kinh tế là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ VFM, tổ chức kinh tế là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc Công ty quản lý quỹ VFM, người hành nghề quản lý quỹ tại Công ty quản lý quỹ VFM.
3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ đầu tư VFA được phép sai lệch nhưng không quá 15% so với những hạn chế đầu tư. Các sai lệch phải là kết quả của việc tăng giá thị trường của tài sản đầu tư, việc thay đổi giá trị do thực hiện các quyền ưu đãi của tài sản đầu tư và các thanh toán hợp pháp của Quỹ. Công ty quản lý quỹ VFM có nghĩa vụ báo cáo UBCKNN về các sai lệch trên. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh, Công ty quản lý quỹ VFM phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để bảo đảm các hạn mức đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

*** Phương pháp lựa chọn đầu tư**

Quỹ đầu tư VFA phân tích và xác định xu hướng thị trường và đưa ra tín hiệu mua bán dựa trên những thuật toán đã được lập trình xuất phát từ:

- (i) các chỉ báo mua bán
- (ii) hệ thống quản lý rủi ro (risk management) và
- (iii) hệ thống phân bổ tài sản (money management).

Những yếu tố trên được kết hợp một cách khoa học nhằm tạo nên một hệ thống mua bán chuyên nghiệp và thống nhất. Cơ chế mua bán theo xu hướng này được dự trù sẽ tạo ra 3 đến 4 tín hiệu mua bán trong một năm trên chỉ số thị trường (VN-Index) hơn là tập trung tạo ra những tín hiệu mua bán của từng loại chứng khoán cụ thể. Vì thế, danh mục của Quỹ đầu tư VFA sẽ là rổ chứng khoán có biến động gần giống như biến động của VN-Index.

Yếu tố đầu tiên của mô hình đầu tư theo xu hướng được lập trình trước để tự động đưa ra:

- (i) những chỉ báo mua để giải ngân vào thị trường chỉ sau khi xu hướng đi lên được xác định và
- (ii) những chỉ báo bán để thực hiện hóa lợi nhuận khi xu hướng ban đầu kết thúc hoặc đảo chiều.

Hệ thống phân bổ tài sản (money management) của mô hình quyết định quy mô phân bổ tài sản đầu tư của các mua bán trên để tối đa mức tăng trưởng vốn đầu tư và giảm thiểu rủi ro giảm giá trị tài sản trong dài hạn. Lý thuyết thông tin (The Information Theory) được ứng dụng trong hệ thống phân bổ tài sản và hệ thống quản lý rủi ro của Quỹ đầu tư VFA.

Hệ thống quản lý rủi ro của mô hình quyết định:

- (i) cơ chế cắt lỗ (cut-loss) khi mô hình đưa ra tín hiệu mua sai để hạn chế lỗ và
- (ii) cơ chế tái đầu tư (re-entry) khi mô hình đưa ra tín hiệu cắt lỗ (cut-loss) sai để không bỏ lỡ xu hướng tiếp theo.

Hơn nữa, Quỹ đầu tư VFA còn sử dụng mô hình tối ưu hóa các tham biến (parameter) để (1) các tín hiệu mua bán tiệm cận hơn với đỉnh và đáy của thị trường, (2) ngăn chặn các chỉ báo đưa ra quá nhiều tín hiệu giả (whipsaw) và (3) tạo ra cơ chế cắt giảm quy mô đầu tư trong trường hợp xuất hiện các chỉ báo kỹ thuật “phản vệ” (technical counter indicator). Phương pháp tối ưu hóa được ứng dụng từ lý thuyết Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence- Machine Learning).

Mô hình đầu tư theo xu hướng mà Quỹ đầu tư VFA thực hiện sử dụng dữ liệu quá khứ để phân tích và kiểm tra tính hiệu quả của hệ thống và khả năng sinh lợi nhuận ở các điều kiện thị trường khác nhau. Sự phân tích và kiểm tra tính hiệu quả được thực hiện trên mẫu dữ liệu chính (in sample data) và mẫu dữ liệu khác (out of sample data). Trong khi thực hiện việc kiểm tra (back-testing), phí giao dịch (transaction cost) và mức trượt giá (slippage) do ảnh hưởng của tính thanh khoản của thị trường, cũng được đưa vào nhằm bảo đảm độ thiết thực của mô hình.

Quỹ đầu tư VFA thực hiện phương thức kiểm tra đơn vị (unit testing) trên mỗi chiến lược mua bán riêng lẻ. Quỹ đầu tư VFA được chia thành từng danh mục nhỏ theo từng chiến lược đầu tư khác nhau.

a) Các chỉ báo Mua/Bán:

Các chỉ báo sau đây được kiểm tra và thử nghiệm để tìm kiếm những tín hiệu mua bán chính xác và thiết thực trên những điều kiện thị trường khác nhau: các chỉ báo phân tích kỹ thuật về giá (price indicator), về khối lượng giao dịch (volume indicator), về độ biến động của thị trường (volatility indicator) và các chỉ báo của phân tích cơ bản (fundamental analysis indicator) dựa trên lãi suất. Dưới đây là các chỉ báo mua/bán, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- **Các chỉ báo về giá cả (Price indicator):** Chỉ báo này dựa trên nguyên tắc thị trường phản ánh tất cả hoạt động của nó trên giá cả. Một số mô hình mua bán triển vọng đã được nghiên cứu:
 - Mô hình đường trung bình động (moving average): Đường trung bình động sử dụng dãy dữ liệu để làm giảm độ dao động trong ngắn hạn của giá và chỉ báo những xu hướng về giá dài hạn. Mô hình này cho tín hiệu mua khi đường trung bình động ngắn hạn cắt đường trung bình động dài hạn theo hướng đi lên hoặc khi giá cắt đường trung bình động theo hướng đi lên. Tín hiệu bán xuất hiện theo hướng ngược lại.
 - Mô hình dựa trên độ dốc của đường hồi quy (regression slope based indicator): Độ dốc đường hồi quy của đường trung bình động - nói cách khác, tốc độ tăng hoặc giảm của thị trường - được dùng để bắt đầu đi lên/ xuống của thị trường (momentum). Chỉ báo này có thể dùng để đo lường “sức khỏe” của thị trường. Ví dụ như thị trường có thể đang ở xu hướng đi lên nhưng tốc độ tăng giảm lại có thể chỉ báo xu hướng đi lên sắp kết thúc và quay đầu.
 - Mô hình Parabolic SAR: Chỉ báo này sử dụng giá trị cao nhất đạt được của giá trong xu hướng lên hoặc giá trị thấp nhất của giá trong xu hướng xuống của thị trường. Tại mỗi bước giá của thị trường, chỉ số SAR mới được tính dựa trên chỉ số SAR của 1 ngày trước đó. Khi giá cổ phiếu tăng/ giảm, SAR cũng sẽ tăng/ giảm với tốc độ tăng dần theo thời gian. Vì thế, mô hình này sẽ cho tín hiệu mua khi SAR xuất hiện thấp hơn giá và bán khi SAR xuất hiện cao hơn mức giá của thị trường.
 - Mô hình dựa trên kênh giá Donchian: Giá cao nhất của giá cao trong ngày trong một khoảng thời gian nhất định trong quá khứ (highest high) và giá thấp nhất của giá thấp trong ngày trong một khoảng thời gian nhất định trong quá khứ (lowest low) tạo nên ngưỡng chặn trên và dưới của giá cổ phiếu. Nếu giá vượt lên trên hoặc xuống dưới kênh giá này thì mô hình sẽ cho tín hiệu mua hoặc bán.
- **Các chỉ báo về khối lượng giao dịch (Volume indicator):** Đây là các chỉ báo cơ bản thứ 2 để phân tích xu hướng thị trường. Dưới đây là một số mô hình cơ bản dựa trên các chỉ số này:
 - Mô hình dựa trên đường trung bình động của khối lượng giao dịch: Nguyên tắc cơ bản của mô hình này là khối lượng giao dịch sẽ tăng dần theo sự gia tăng về giá và đỉnh của khối lượng giao dịch có thể dự báo xu hướng tăng sắp kết thúc. Mô hình đưa ra tín hiệu mua khi tốc độ tăng của đường trung bình động của khối lượng giao dịch dương và bán khi chỉ số này âm.

- Mô hình dựa trên chỉ báo về độ rộng của thị trường: là số cổ phiếu tăng giá/ số cổ phiếu giảm giá trong vòng 60 ngày quá khứ để chỉ thị “sức khỏe” của thị trường. Chẳng hạn, thị trường vẫn đang trong xu thế tăng nhưng hơn 50% số cổ phiếu giảm giá chỉ báo xu thế tăng giá có thể sẽ chậm lại. Mô hình cho tín hiệu mua khi chỉ số này vượt xa 1 và bán khi chỉ số này tiệm cận 0.
- **Các chỉ báo về độ biến động (Volatility indicator)**: độ biến động về giá cung cấp thêm thông tin để xác định các diễn biến của giá ngoài khối lượng giao dịch. Một số mô hình tiêu biểu dựa trên các chỉ báo này là:
 - Mô hình dây Bollinger: chỉ báo này đưa ra các ngưỡng cao và thấp tương đối để tìm ra độ biến động cực đại tương đối và xác nhận xu hướng. Có 2 mô hình được nghiên cứu sử dụng dây Bollinger là (1) mô hình chỉ báo xác nhận (confirmation signal) và (2) mô hình chỉ báo đảo chiều (reversal signal). Trong mô hình đầu tiên, mô hình chỉ tín hiệu mua (bán) khi giá cổ phiếu vượt dây Bollinger trên (dưới) và độ rộng của dây tăng dần. Trong mô hình chỉ báo đảo chiều, mua (bán) khi giá vượt ra ngoài dây Bollinger dưới và độ rộng của dây giảm dần.
 - Mô hình dựa trên biến động quá khứ của giá (Historical Volatility): có 2 mô hình được nghiên cứu sử dụng chỉ báo về độ biến động quá khứ: mô hình biến động tương đối và mô hình biến động tuyệt đối. Với mô hình đầu tiên, khi độ biến động trong ngắn hạn có mức rất thấp so với độ biến động dài hạn thì thị trường có khả năng tăng hoặc giảm cao. Vì thế, mô hình này được kết hợp với hệ thống báo hiệu xu hướng khác. Đối với mô hình dựa trên biến động tương đối, hệ thống chỉ đưa ra tín hiệu mua vì thế cần phải được kết hợp với các chỉ báo bán khác để tạo ra một mô hình hoàn chỉnh. Tín hiệu mua từ mô hình này có thể được diễn giải như sau: “Nếu độ biến động quá khứ cao hơn một mức được định sẵn trong một khoảng thời gian và rút xuống thấp hơn mức độ đó thì mua”.
- **Chỉ báo cơ bản (fundamental analysis indicator)**: Mô hình định lượng của Quỹ đầu tư VFA kết hợp các chỉ báo phân tích kỹ thuật và chỉ báo phân tích cơ bản về vĩ mô trong hệ thống. Quỹ đầu tư VFA sử dụng sự chênh lệch giữa lãi suất ngắn hạn và lãi suất qua đêm và sự chênh lệch giữa lãi suất dài hạn và lãi suất ngắn trong mô hình của mình. Chỉ báo đầu tiên chỉ thị độ thanh khoản của hệ thống ngân hàng và có mối tương quan nghịch (negative relationship) với thị trường chứng khoán. Chỉ báo thứ hai dựa trên tính chất của đường cong lợi suất (yield curve), phản ánh kỳ vọng dài hạn của nhà đầu tư về nền kinh tế, và vì thế có mối tương quan thuận (positive relationship) với thị trường chứng khoán...

b) Hệ thống phân bổ tài sản (Money management) và quản lý rủi ro (Risk management)

Quỹ đầu tư VFA đặc biệt chú trọng đến nghiên cứu sâu về các công cụ quản lý rủi ro và phân bổ tài sản, những yếu tố tạo nên sự khác biệt lớn cho sự tăng trưởng dài hạn của NAV dựa trên ảnh hưởng rất lớn của hiệu ứng lãi kép. Với hệ thống quản lý rủi ro và phân bổ tài sản hợp lý, tốc độ tăng trưởng của tài sản được tối đa hóa và đồng thời giảm thiểu được biến động.

- **Hệ thống phân bổ tài sản**: Quyết định quy mô đầu tư cho mỗi mô hình định lượng dựa trên xác suất sinh lời của mô hình để cân bằng giữa mục tiêu tối đa hóa tăng trưởng dài hạn (capital growth) và giảm thiểu rủi ro phá sản (risk ruin). Quỹ đầu tư VFA sử dụng lý thuyết thông tin (Information theory), được phát kiến bởi nhà nghiên cứu của công ty Bell Labs, Claude Shannon, nhằm tăng cường độ tin cậy của các cuộc liên lạc điện thoại thường và điện thoại di động. Trong lý thuyết này, một trong những yếu tố đo lường quan trọng của thông tin là “entropy”, được tính bằng số bit trung bình cần thiết cho mỗi cuộc liên lạc. Nếu độ tin cậy của thông tin càng cao, thì entropy - hay số bit trung bình cần thiết cho mỗi cuộc liên lạc - càng thấp và ngược lại. Nói cách khác, độ tin cậy của thông tin càng cao thì lượng thông tin cần thiết trên mỗi kênh thông tin càng cao, vì thế cần ít kênh thông tin hơn (chẳng hạn số bit cần thiết để

truyền tải thông tin sẽ ít hơn). Lý thuyết của Shannon cũng chú ý đến “equivocation” - xác suất thông điệp của thông tin đưa ra là sai - và tìm ra cách để loại trừ equivocation ra khỏi kênh thông tin để xác định lượng thông tin chính xác. Thông tin trên thị trường chứng khoán cũng có những equivocation vì độ chính xác của thông tin cũng xảy ra theo xác suất vì thông tin chính xác về thị trường có thể chưa được biết đến một cách đầy đủ. Trong trường hợp của Quỹ đầu tư VFA, mỗi mô hình định lượng đều có xác suất thành công khác nhau, hay mức độ tin cậy khác nhau. Vì thế, lý thuyết thông tin được ứng dụng trong việc phân bổ tài sản ở khía cạnh lý thuyết này báo cho chúng ta biết chính xác làm sao sử dụng độ tin cậy của các mô hình định lượng để phân bổ tài sản vào các mô hình mua bán này.

- **Hệ thống quản lý rủi ro:** Hệ thống này đưa ra các cơ chế cắt lỗ (cut-loss) để giảm khả năng toàn bộ danh mục phát sinh lỗ khi mô hình xuất hiện các tín hiệu mua không thành công (whipsaw) hoặc khi có khủng hoảng. Bên cạnh đó, cơ chế tái gia nhập thị trường (re-enter) cũng được thiết lập để giảm khả năng mua giá cao hơn nhiều so với giá mua ban đầu trước khi tín hiệu cắt lỗ giả xuất hiện. Mặt khác, cơ chế quản lý rủi ro cũng xây dựng các chỉ báo “phản vệ” (technical counter indicator) nhằm xác định thời điểm cắt giảm quy mô đầu tư trong điều kiện thị trường không thuận lợi. Hệ thống này được thiết lập thông qua phương pháp tối ưu hóa dựa trên phương thức Trí tuệ nhân tạo (Artificial intelligence - Machine learning) nói chung và thuật toán tiến hóa (Evolutionary algorithms) nói riêng. Thuật toán tiến hóa mô phỏng thuyết tiến hóa sinh học để tìm ra các đáp án tốt nhất cho các vấn đề có độ phức tạp cao. Yếu tố quyết định của phương pháp này chính là khả năng thích ứng khi điều kiện thị trường thay đổi.

c) Hạn chế của mô hình Quỹ đầu tư VFA

Mô hình đầu tư theo xu hướng có khả năng thua lỗ khi xuất hiện nhiều tín hiệu giả (whipsaw). Tín hiệu mua giả (Buy whipsaw) xảy ra khi các chỉ báo đưa ra tín hiệu mua, thị trường có những biểu hiện của xu hướng đi lên nhưng sau đó quay đầu đến mức cắt lỗ làm Quỹ phải thanh toán hoàn toàn danh mục. Mặt khác, tín hiệu cắt lỗ giả (cut-loss whipsaw) xuất hiện khiến Quỹ thoát hoàn toàn khỏi thị trường nhưng thị trường lại bắt đầu một xu hướng tăng thật sự. Những tín hiệu giả có thể làm cho lợi nhuận của Quỹ thấp hơn lợi nhuận của Quỹ đầu tư theo phương pháp truyền thống (Buy and Hold) nếu mô hình đưa ra tín hiệu giả trong giai đoạn đầu. Một trong những phương pháp để giảm thiểu tín hiệu giả và bảo đảm mức tăng trưởng bền vững là phương pháp kết hợp nhiều chỉ báo khác nhau mà Quỹ đầu tư VFA sẽ áp dụng.

Một hạn chế khác là nguồn dữ liệu hạn chế của thị trường chứng khoán Việt Nam non trẻ, trong khi mô hình định lượng cần được khai thác trên khối lượng thông tin lớn.

Chiến lược đầu tư theo xu hướng được triển khai tối ưu khi sử dụng một hoặc hai mô hình đơn giản trên nhiều loại thị trường khác nhau. Điều này không khả thi đối với thị trường Việt Nam. Một phương pháp thay thế là đa dạng hóa các mô hình mua bán hiệu quả khác nhau và áp dụng vào một thị trường. Quỹ đầu tư VFA thực hiện phương pháp này qua việc đào sâu nghiên cứu nhiều loại chỉ báo khác nhau và đặt hệ thống phân bổ tài sản và quản lý rủi ro lên hàng đầu.

2.3 Nhà đầu tư, sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ và chuyển nhượng chứng chỉ quỹ đầu tư

* Nhà đầu tư

Nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VFA bao gồm là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất là 2.000 (hai ngàn) đơn vị Quỹ và không có giới hạn sở hữu tối đa trong mức tổng vốn dự kiến phát hành lần đầu. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì với Quỹ đầu tư ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

*** Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư**

- Nhà đầu tư có quyền:
 - a) Được chia cổ tức hoặc lợi nhuận của Quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư dựa trên cơ sở quy định tại Điều 54 của Điều lệ Quỹ.
 - b) Được chuyển nhượng hoặc bán chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA theo quy định tại Điều 16 của Điều lệ Quỹ.
 - c) Được chia số tài sản còn lại khi Quỹ thanh lý, giải thể hay phá sản, tương ứng với số đơn vị Quỹ nhà đầu tư sở hữu (nếu còn).
 - d) Nhận đầy đủ các thông tin thường xuyên định kỳ hoặc bất thường về tình hình hoạt động của Quỹ và báo cáo định kỳ về giá trị tài sản ròng của Quỹ.
 - e) Được quyền mua thêm chứng chỉ quỹ phát hành thêm khi Quỹ tăng vốn điều lệ, theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư hiện sở hữu căn cứ theo Danh sách nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ Quỹ do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp.
 - f) Được ứng cử và bầu vào Ban đại diện Quỹ đầu tư VFA khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 25 của Điều lệ Quỹ.
 - g) Quyết định cùng với Đại hội Nhà đầu tư các vấn đề quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ theo Điều 21 của Điều lệ Quỹ.
- Nhà đầu tư có nghĩa vụ:
 - a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ, chấp hành quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư
 - b) Thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số vốn đã góp.
 - c) Thực hiện đúng theo những quy định trong Điều lệ Quỹ.
 - d) Chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp (nếu có).

*** Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ**

Công ty quản lý quỹ VFM lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời sổ đăng ký nhà đầu tư từ khi Quỹ đầu tư VFA hoàn tất đợt chào bán ra công chúng lần đầu. Sổ đăng ký nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VFA có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

Sổ đăng ký nhà đầu tư phải có các nội dung sau:

- a) Tên Quỹ đầu tư VFA;
- b) Số Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ, tổng giá trị vốn huy động, thời hạn hoạt động của quỹ;
- c) Tên, số giấy phép, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
- d) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, loại chứng chỉ quỹ được quyền chào bán;
- e) Danh sách nhà đầu tư, địa chỉ liên lạc, số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng chỉ quỹ, ngày đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ;
- f) Ngày lập Sổ đăng ký nhà đầu tư.

*** Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ**

Việc chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

*** Thừa kế chứng chỉ quỹ**

- Việc thừa kế chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về việc thừa kế. Quỹ đầu tư VFA chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
- Công ty quản lý quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.
- Việc chuyển nhượng quyền sở hữu chứng chỉ quỹ do việc thừa kế sẽ tuân theo qui trình chuyển nhượng quyền sở hữu chứng khoán của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán và chi nhánh Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán.

2.4 Phân phối kết quả hoạt động

*** Phương thức phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ đầu tư VFA thực hiện chiến lược đầu tư năng động và có nhiều đặc thù khác biệt so với những sản phẩm Quỹ đầu tư hiện hữu trên thị trường. Quỹ đầu tư VFA luôn hướng tới việc phân phối tối đa lợi nhuận cho nhà đầu tư. Vì vậy, cổ tức Quỹ đầu tư VFA được quy định cụ thể như sau:

Cổ tức Quỹ được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua. Cổ tức Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện là số dương. Số tiền hoặc giá trị tài sản tương ứng để chia cổ tức tối thiểu là 50% lợi nhuận thực hiện trong năm. Cổ tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp, mới được nhận cổ tức quỹ.

Nếu xét thấy phù hợp, dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban Đại diện Quỹ, Ban đại diện Quỹ có thể quyết định tạm ứng cho Nhà đầu tư một số cổ tức Quỹ mà lợi nhuận hoặc Quỹ dự trữ khác của Quỹ đầu tư VFA cho phép. Việc tạm ứng này có thể được giải quyết 06 (sáu) tháng một lần hoặc một khoảng thời gian thích hợp (không quá 12 (mười hai) tháng) cho các nhà đầu tư ở mức đã ấn định.

*** Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ**

- Trong trường hợp Quỹ đầu tư VFA đầu tư bị thua lỗ và có thể dẫn đến phá sản, Ban đại diện Quỹ phải hợp xem xét nguyên nhân thua lỗ để quy kết trách nhiệm. Nếu Quỹ bị tổn thất hoặc thua lỗ do yếu tố khách quan, bất khả kháng, sự kiện vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, bệnh dịch, bạo loạn, những đợt khủng hoảng, biến động lớn của toàn bộ thị trường mà những biến động này là kết quả của những tác động, ảnh hưởng tài chính dây chuyền mang tính quốc tế và khu vực,... thì nhà đầu tư phải gánh chịu khoản lỗ tương ứng với tỷ lệ góp vốn của họ và sẽ không nhận cổ tức quỹ trong giai đoạn đó. Trong trường hợp đó, Ban Đại Diện Quỹ sẽ xem xét và đề xuất lên Đại hội Nhà đầu tư một trong những giải pháp sau:

- (i) Giữ nguyên mức vốn Điều lệ;
- (ii) Ghi giảm vốn và phải đăng ký lại mức tổng vốn mới;

- Việc tăng hay giảm vốn Điều lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư và UBCKNN.
- Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ đầu tư VFA do nhân viên của Công ty quản lý quỹ hoặc Công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường phải được nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm tổn thất chấp thuận.

2.5 Đại hội nhà đầu tư

*** Đại hội nhà đầu tư thường niên, bất thường**

Đại hội nhà đầu tư thường niên

- Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ đầu tư VFA. Tất cả các nhà đầu tư có tên trong Danh sách đăng ký nhà đầu tư vào ngày chốt quyền tham dự đại hội do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán cung cấp, đều có quyền tham dự Đại hội.
- Đại hội Nhà đầu tư thường niên do Ban đại diện Quỹ, Công ty quản lý quỹ triệu tập và được tổ chức trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính.
- Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Thời gian tối đa giữa hai kỳ đại hội cách nhau không quá 15 tháng.
- Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên do công ty quản lý quỹ triệu tập và tổ chức trong vòng hai mươi lăm (25) ngày sau khi hoàn tất đợt chào bán.
- Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư thường niên và Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên do Quỹ thanh toán.

Đại hội nhà đầu tư bất thường

- Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc nhà đầu tư/nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ quỹ liên tục trong vòng ít nhất 6 tháng, được triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường trong những trường hợp sau đây:
 - a) Xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, Hợp đồng giám sát;
 - b) Xem xét thay đổi định hướng trong chính sách đầu tư, phương án phân phối lợi nhuận, mục tiêu đầu tư của Quỹ và giải thể Quỹ;
 - c) Xem xét thay thế công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá sản, theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật;
 - d) Xem xét điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ Quỹ cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
 - e) Xem xét việc giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ theo đúng quy định của Điều lệ Quỹ;
 - f) Số lượng thành viên Ban đại diện quỹ còn lại dưới 03 (ba) thành viên.
- Nhà đầu tư/nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ quỹ liên tục trong vòng ít nhất 06 tháng yêu cầu triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường bằng một Văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký đầy đủ của các nhà đầu tư liên quan;

- Việc tổ chức Đại hội nhà đầu tư bất thường theo yêu cầu triệu tập của nhà đầu tư/ nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ quỹ liên tục trong vòng ít nhất 06 tháng quy định tại khoản 1 Điều này phải được Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được Văn bản kiến nghị triệu tập hợp lệ. Chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, bên triệu tập họp phải thông báo công khai cho nhà đầu tư về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường.
- Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ, Ngân hàng giám sát phải tổ chức Đại hội Nhà đầu tư bất thường do mình triệu tập theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có thông báo về việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường. Chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, bên triệu tập họp phải thông báo công khai cho nhà đầu tư về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư.
- Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư bất thường do Quỹ thanh toán, trừ trường hợp Đại hội được tổ chức theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này thì chi phí tổ chức Đại hội bất thường do bên yêu cầu triệu tập chịu trách nhiệm thanh toán.

*** Quyền hạn và nhiệm vụ của nhà đầu tư, đại hội nhà đầu tư**

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hoặc thành viên của Ban đại diện Quỹ;
- Quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
- Xem xét điều chỉnh tăng mức phí trả cho Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
- Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ mà những vi phạm này gây tổn thất nghiêm trọng cho Quỹ;
- Quyết định chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát, quyết định việc niêm yết chứng chỉ quỹ đóng;
- Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ và giải thể quỹ;
- Quyết định việc phát hành thêm chứng chỉ quỹ nhằm tăng vốn điều lệ của Quỹ, phương án phát hành và sử dụng vốn thu được từ việc phát hành;
- Quyết định thay thế công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá sản, theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật;
- Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm về tài sản và hoạt động của Quỹ;
- Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ;
- Quyết định giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ theo đúng quy định của Điều lệ Quỹ.

*** Thể thức tiến hành Đại hội nhà đầu tư**

- Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) cho nhà đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước khi tiến hành Đại hội.

- Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% vốn điều lệ Quỹ. Hình thức tham dự Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
- Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản.
- Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.
- Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

*** Quyết định của Đại hội nhà đầu tư**

- Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật, tổ chức định giá bất động sản (nếu có) cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
- Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - a) Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác chấp thuận;
 - b) Đối với quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ, thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác được chấp thuận.
- Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham gia biểu quyết chấp thuận.
- Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:
 - a) Thông qua việc điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ Quỹ cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
 - b) Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
 - c) Giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ, thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát.
- Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.
- Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội và gửi cho UBCKNN.

- UBCKNN có quyền yêu cầu thay đổi nội dung các quyết định trong Nghị quyết Đại hội trong trường hợp nội dung các quyết định này trái với quy định của pháp luật.

2.6 Ban đại diện Quỹ

*** Tổ chức Ban đại diện Quỹ**

- Ban đại diện Quỹ đầu tư VFA do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra, đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư.
- Ban đại diện Quỹ đầu tư VFA có từ 05 (năm) đến 09 (chín) thành viên, trong đó có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập (không phải là người có liên quan) của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát.
- Ban đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là 03 (ba) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội Nhà đầu tư tiếp theo.
- Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên Ban đại diện quỹ không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ.
- Khi Quỹ đăng ký niêm yết, các thành viên Ban đại diện Quỹ tại thời điểm này phải cam kết hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hiện hành. Cam kết hạn chế chuyển nhượng này có giá trị pháp lý trong suốt thời gian hạn chế chuyển nhượng luật định, kể cả trường hợp thành viên Ban đại diện quỹ đó không còn đương nhiệm. Các quy định về hạn chế chuyển nhượng này chỉ có hiệu lực đối với các thành viên Ban đại diện đã có cam kết tại thời điểm niêm yết.
- Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ Quỹ, số lượng thành viên còn lại không dưới 03 (ba) thành viên thì Ban đại diện tiếp tục thực hiện nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức mới gồm các thành viên còn lại. Việc bầu bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ cho đủ số lượng thành viên theo quy định tại Điều lệ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất.
- Trường hợp số lượng thành viên còn lại dưới 03 (ba) thành viên thì Ban đại diện quỹ phải triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường để bầu thêm thành viên Ban đại diện quỹ, nhằm đảm bảo về số lượng thành viên Ban đại diện quỹ theo đúng quy định của Điều lệ, trong vòng 02 tháng kể từ ngày thông báo việc thay đổi trên.
- Công ty quản lý quỹ phải thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện cho nhà đầu tư và báo cáo cho UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM và Ngân hàng giám sát.

*** Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ**

Thành viên Ban đại diện Quỹ phải hội đủ các điều kiện sau:

- (i) Là nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là pháp nhân, sở hữu ít nhất 3% vốn điều lệ hoặc những người nổi tiếng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
- (ii) Nếu thành viên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ban đại diện thì phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư.

*** Quyền hạn và nhiệm vụ của Ban đại diện quỹ**

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được phân công và phân nhiệm một cách trung thực trong khuôn khổ các quy định của pháp luật hiện hành và của Điều lệ Quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
- Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh các xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những người có liên quan của Quỹ;
- Giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định pháp luật;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- Kiến nghị các chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ;
- Kiến nghị mức lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư; thông qua thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận;
- Kiến nghị việc thay đổi công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá sản hoặc vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch;
- Không một thành viên Ban đại diện nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào khác được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, trong sạch, chí công, vô tư, nhân danh Quỹ, phù hợp với phạm vi và quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với quyền hạn được giao theo Điều lệ Quỹ hoặc phù hợp với Quy chế Ban đại diện và tuân thủ đúng các quy định pháp luật;
- Tham gia bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trong Ban đại diện Quỹ thuộc thẩm quyền của Ban đại diện Quỹ;
- Nghiên cứu đánh giá tình hình và kết quả hoạt động, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng nhiệm vụ và chiến lược phát triển hàng năm, hàng quý của Quỹ;
- Ban đại diện Quỹ không được trực tiếp hay gián tiếp:
 - a) Dùng tài sản Quỹ cho bất kỳ người đầu tư nào của Quỹ đầu tư vay tiền;
 - b) Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hay cung cấp tài sản thế chấp cho người đầu tư vay tiền;
 - c) Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản thế chấp cho một công ty khác vay tiền;
 - d) Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Quỹ đầu tư cũng như của khách hàng cho bất cứ ai.
- Tham dự các phiên họp Ban đại diện Quỹ, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hỏi ý kiến bằng văn bản) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;
- Thực hiện các nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư và các quyết định của Ban đại diện Quỹ;
- Trên 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban đại diện Quỹ trở lên có quyền quyết định triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường hoặc Ban đại diện Quỹ phiên bất thường.
- Có thể được Chủ tịch Ban đại diện ủy quyền quyết định một số vấn đề cụ thể trong một số lĩnh vực nhất định.
- Chấp hành các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

- Ban đại diện Quỹ có quyền được hưởng thù lao hàng tháng, mức thù lao do Đại hội Nhà đầu tư quyết định.
- Chấp hành đúng cam kết hạn chế chuyển nhượng của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 24 của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
- Phải chấp hành quy định về việc công bố thông tin trong giao dịch chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA do mình thực hiện theo luật định, cụ thể là:
 - Trước khi giao dịch chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA (chẳng hạn: cho, tặng, mua bán, thừa kế, quyền mua chứng chỉ quỹ phát hành thêm,...), người dự kiến thực hiện giao dịch phải tiến hành thủ tục báo cáo cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và công ty quản lý quỹ VFM theo mẫu báo cáo do Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM ban hành, trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu ba (03) ngày làm việc. Thời hạn dự kiến giao dịch không quá hai (02) tháng, và chỉ được tiến hành giao dịch sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ phía Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.
 - Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch, người thực hiện giao dịch phải báo cáo về kết quả giao dịch cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và công ty quản lý quỹ VFM theo mẫu báo cáo do Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM ban hành.
 - Trường hợp không thực hiện giao dịch, thì cũng phải báo cáo lý do với UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM và công ty quản lý quỹ VFM trong vòng 03 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến thực hiện giao dịch.

*** Chủ tịch Ban đại diện quỹ**

- Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
- Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
 - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
 - d) Đại diện Ban đại diện quỹ ban hành các quyết định đình chỉ, bãi, miễn nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ được quy định tại khoản 1 Điều 29 của Điều lệ Quỹ.

*** Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ**

- Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
- Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

*** Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ**

- Thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:
 - a) Bị khởi tố hoặc truy tố;

- b) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- c) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền;
- d) Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ;
- Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:
 - a) Bị cách chức hoặc bãi miễn theo đúng quy định của Điều lệ Quỹ;
 - b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
 - c) Bị cách chức thành viên Ban đại diện quỹ khi có Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - d) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong 09 (chín) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ.
 - f) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ Quỹ.

*** Cuộc họp Ban đại diện Quỹ**

- Chủ tịch Ban đại diện quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện quỹ. Ban đại diện quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.
- Ban đại diện Quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban đại diện quỹ.
- Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên trở lên tham dự. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
- Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban đại diện quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.
- Ban đại diện Quỹ sẽ chỉ định một nhân viên có năng lực của Công ty quản lý quỹ để làm thư ký và ghi biên bản họp của Ban đại diện Quỹ.
- Cuộc họp Ban đại diện quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban đại diện Quỹ.
- Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán.

2.7 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Công ty Quản lý Quỹ

*** Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.
- Hoàn toàn độc lập với ngân hàng giám sát.
- Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ
- Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ Quỹ.

*** Trách nhiệm và quyền hạn của Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:

- Tuân thủ Điều lệ quỹ và bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.
- Công bằng, trung thực và vì lợi ích của quỹ và nhà đầu tư;
- Công ty quản lý quỹ quản lý độc lập và tách biệt tài sản của từng quỹ, của công ty quản lý quỹ; công ty quản lý quỹ bảo đảm tách biệt về tổ chức, nhân sự trong hoạt động quản lý quỹ và các hoạt động khác của công ty;
- Đối với những giao dịch của quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của quỹ;
- Bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của công ty quản lý quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của quỹ;
- Công ty quản lý quỹ VFM phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ đầu tư VFA do nhân viên của Công ty quản lý quỹ VFM hoặc Công ty quản lý quỹ VFM không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường phải được nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm tổn thất chấp thuận.
- Tất cả các giao dịch chứng khoán của Thành viên Hội đồng quản trị, những người quản lý và nhân viên của Công ty quản lý quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại công ty quản lý quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;
- Khi công ty quản lý quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho quỹ thì thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc công ty, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho người thứ ba, ngoài khoản phí và thưởng quy định trong Điều lệ quỹ;
- Thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
- Trong trường hợp ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty quản lý quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty quản lý quỹ, công ty quản lý phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản của quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này do công ty quản lý quỹ chịu;
- Phải tuân thủ các cam kết như được liệt kê tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ Quỹ.

Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:

- Được hưởng các khoản phí và thưởng được quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
- Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
- Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.
- Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và các quy định khác của pháp luật.

*** Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Công ty Quản lý Quỹ**

Công ty quản lý quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- Công ty quản lý quỹ đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ theo các quy định của Điều lệ Quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- Theo đề nghị của Ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện Quỹ, và đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Luật Chứng khoán;
- Tự nguyện chấm dứt hoạt động;
- Quỹ hết thời gian hoạt động;
- Công ty quản lý quỹ sáp nhập hoặc hợp nhất với một Công ty quản lý quỹ khác và đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Công ty quản lý quỹ mới hình thành sau khi sáp nhập hoặc hợp nhất và Công ty quản lý quỹ mới này đã được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

*** Hạn chế hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ**

- Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu đối với ngân hàng giám sát của Quỹ.
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ không được đồng thời làm việc cho ngân hàng giám sát của Quỹ.
- Người có liên quan của công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại công ty quản lý quỹ chỉ được mua, bán các chứng chỉ Quỹ thông qua hệ thống giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán.
- Trừ trường hợp các giao dịch mua, bán quy định tại Khoản 3 Điều này, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại công ty quản lý quỹ không được là đối tác trong các giao dịch khác với Quỹ.
- Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và các nhân viên của công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch và phải được quản lý tập trung tại Công ty dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ.
- Khi công ty quản lý quỹ giao dịch các tài sản của Quỹ thì thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ và mọi nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của công ty quản lý quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ do một tổ chức thứ ba cung cấp ngoại trừ các khoản phí, thường đã được nêu rõ trong Điều lệ Quỹ.
- Công ty quản lý quỹ sẽ không:
 - a) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
 - b) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các Quỹ đại chúng khác do mình quản lý;
 - c) Sử dụng tài sản của công ty, tài sản ủy thác theo danh mục đầu tư do mình quản lý để đầu tư vào Quỹ.

- Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của công ty, người có liên quan của công ty, hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của bản thân công ty, thanh toán các nghĩa vụ nợ của người có liên quan của công ty hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của bất kỳ một đối tác nào.
- Công ty quản lý quỹ phải kiểm soát và đảm bảo chi phí giao dịch trong các giao dịch tài sản của Quỹ ở mức hợp lý và không cao hơn mức chi phí giao dịch bình quân trên thị trường.
- Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý quỹ quy định tại Điều 11 của Điều lệ Quỹ.

2.8 Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của Ngân hàng giám sát

**** Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát***

Ngân hàng Giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý Quỹ đại chúng do UBCKNN cấp.
- Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ và ngược lại.
- Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ.
- Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký.
- Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ Quỹ.

**** Trách nhiệm, quyền hạn của ngân hàng giám sát***

Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát:

- Ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo hoạt động quản lý Quỹ của công ty quản lý quỹ là phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.
- Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đăng ký sở hữu chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi và thực hiện các hoạt động giúp nhà đầu tư thực hiện quyền phát sinh liên quan đến việc sở hữu chứng chỉ quỹ;
- Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ lưu giữ và bảo quản an toàn tài sản Quỹ, thay mặt Quỹ thực hiện quyền phát sinh liên quan đến tài sản Quỹ (ngoại trừ quyền bỏ phiếu), thanh toán giao dịch Quỹ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát và lệnh hoặc chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ;
- Ngân hàng giám sát phải quản lý tách biệt tài sản của các Quỹ với nhau và với tài sản của ngân hàng giám sát và các tài sản khác do ngân hàng giám sát quản lý, trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
- Ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do công ty quản lý quỹ lập;

- Ngân hàng giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát.
- Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;
- Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản phí theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.

Quyền của ngân hàng giám sát

- Ngân hàng giám sát được hưởng các loại phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.

*** Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với ngân hàng giám sát**

Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:

- Ngân hàng giám sát được tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- Ngân hàng giám sát tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;
- Theo đề nghị của công ty quản lý quỹ hoặc Ban đại diện Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
- Quỹ hết thời gian hoạt động hoặc bị giải thể;
- Quỹ sáp nhập hoặc hợp nhất vào một Quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
- Ngân hàng giám sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Luật Chứng khoán;
- Ngân hàng giám sát bị hợp nhất hoặc sáp nhập bởi ngân hàng khác.

2.9 Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

*** Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty kiểm toán**

Hàng năm, công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư. Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ chọn công ty kiểm toán tiến hành kiểm toán cho Quỹ. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp
- Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
- Được UBCKNN cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư
- Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát.

*** Chế độ kế toán**

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

*** Báo cáo tài chính**

- Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
- Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

*** Báo cáo khác**

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Việc đầu tư vào một quỹ sẽ không được cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ một ngân hàng giám sát hay bất kỳ tổ chức nào, về việc quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra.

Đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán có nghĩa là nhằm vào mục tiêu tạo ra những khoản thu nhập sau một khoản thời gian dài. Các nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được các khoản thu nhập trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư này.

Dưới đây là những yếu tố rủi ro chủ yếu mà nhà đầu tư nên quan tâm khi đầu tư vào Quỹ đầu tư VFA và đây không phải là toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào quỹ.

3.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà quỹ đầu tư có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm của toàn bộ thị trường. Rủi ro này thuộc rủi ro mang tính hệ thống nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ. Tuy nhiên, Quỹ có cơ chế quản lý rủi ro như cắt lỗ và phân bổ tài sản để giảm thiểu rủi ro về thị trường.

3.2 Rủi ro lãi suất

Chỉ Quỹ đầu tư VFA cũng là một công cụ đầu tư nên bị ảnh hưởng bởi yếu tố lãi suất. Lãi suất làm chi phí đầu vào các doanh nghiệp tăng, mức lãi suất mong đợi tăng sẽ làm giảm giá trị cổ phiếu, giảm giá chứng chỉ quỹ cũng như giá trị đầu tư vào trái phiếu và ngược lại.

Để hạn chế những rủi ro về lãi suất ảnh hưởng đến giá trị đầu tư, công ty quản lý thường xuyên phân tích, đánh giá tác động từ xu thế thay đổi lãi suất để có giải pháp theo tình hình biến động ảnh hưởng đến ngành, doanh nghiệp và trái phiếu mà công ty đã đầu tư.

3.3 Rủi ro Lạm phát

Lạm phát làm tăng chi phí đầu vào, tăng lãi suất danh nghĩa do đó ảnh hưởng đến giá cổ phiếu và chứng chỉ quỹ đầu tư. Rủi ro về lạm phát ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp mà quỹ đầu tư vào, do vậy sẽ ảnh hưởng kết quả lợi nhuận v.v. và ảnh hưởng đến giá trị doanh nghiệp và khoản đầu tư vào cổ phiếu của doanh nghiệp.

Tương tự như việc đánh giá rủi ro về lãi suất, hoạt động nghiên cứu của công ty quản lý quỹ cũng theo dõi chặt chẽ diễn biến của lạm phát, dự báo tác động ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến giá trị của các khoản đầu tư.

3.4 Rủi ro tính thanh khoản của thị trường

Một trong những yếu tố quan trọng của Quỹ là việc đầu tư và thoát khỏi thị trường đúng thời điểm. Vì thế tính thanh khoản của thị trường đóng vai trò quan trọng đến lợi nhuận của Quỹ. Với mô hình đầu tư theo xu thế dựa vào phân tích định lượng, Quỹ sử dụng những thuật toán nhằm tiệm cận hóa những vùng đỉnh và đáy của thị trường. Đây là những vùng mà tính thanh khoản vẫn còn khá tốt, đáp ứng được nhu cầu đầu tư vào và thực hiện hóa lợi nhuận của Quỹ.

3.5 Rủi ro pháp lý

Từ khi Việt Nam chính thức phát triển nền kinh tế theo hướng thị trường vào đầu thập niên 90, Chính phủ đã và đang hoàn thiện dần khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và TTCK. Các hoạt động liên quan đến chứng khoán, quỹ đầu tư chứng khoán và thị trường chứng khoán được Chính phủ điều chỉnh trong các văn bản pháp lý ban hành vào năm 1998. Năm 2006, trước sự bùng nổ của thị trường chứng khoán và việc gia nhập WTO của Việt Nam, nhiều văn bản pháp lý về thị trường chứng khoán đã được Chính phủ ban hành như Luật chứng khoán, các nghị định hướng dẫn, quy chế hoạt động... Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính Phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và TTCK. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ đầu tư VFA trong tương lai.

3.6 Rủi ro tín nhiệm

Rủi ro này xảy ra khi các đánh giá tín nhiệm về doanh nghiệp bị thay đổi so với đánh giá ban đầu do các yếu tố khách quan. Độ tín nhiệm của doanh nghiệp nếu giảm sẽ làm giảm đến giá trị cổ phiếu của doanh nghiệp và làm giảm giá trị của chứng chỉ quỹ.

Để hạn chế những rủi ro về tín nhiệm, công ty quản lý thường xuyên cập nhật, phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có những điều chỉnh kịp thời và chính xác cho những đánh giá tín nhiệm.

3.7 Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty quản lý quỹ cũng sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do công ty quản lý quỹ điều hành. Rủi ro này thuộc dạng rủi ro không hệ thống, có thể kiểm soát được bằng cách thiết lập “tường lửa thông tin” nội bộ (Chinese Wall) nhằm hạn chế đến mức thấp nhất xung đột lợi ích giữa các quỹ đầu tư và sản phẩm tài chính đang được quản lý bởi công ty quản lý quỹ. Bên cạnh đó, sự giám sát của ngân hàng giám sát cũng sẽ giảm thiểu rủi ro này.

3.8 Rủi ro giảm sút giá trị tài sản ròng (NAV) của quỹ

Rủi ro này phát sinh chủ yếu do sự giảm giá của các loại cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán mà Quỹ đầu tư VFA đang đầu tư. Khi đó, NAV của Quỹ sẽ bị giảm sút và ảnh hưởng trực tiếp đến thị giá của chứng chỉ quỹ trên thị trường. Rủi ro này được giảm thiểu với cơ chế cắt lỗ trước khi thị trường giảm quá sâu.

3.9 Rủi ro của mô hình định lượng

Rủi ro này phát sinh khi thị trường có những thay đổi lớn làm ảnh hưởng đến hiệu quả của mô hình đầu tư. Tuy nhiên, mô hình áp dụng cho quỹ VFA được nghiên cứu và thử nghiệm (backtesting) khả năng thích ứng với nhiều điều kiện khác nhau của thị trường (robustness). Đồng thời cơ chế tu sửa mô hình cũng được xây dựng song song nhằm dự phòng cho những kịch bản thị trường có những thay đổi lớn và phức tạp.

3.10 Rủi ro về cơ sở dữ liệu

Do thị trường chứng khoán Việt Nam chỉ mới có hơn 10 năm lịch sử nên dữ liệu về những chu kỳ kinh tế ảnh hưởng đến thị trường chứng khoán chưa đầy đủ. Đây là rủi ro mang tính hệ thống nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ. Mô hình được thử nghiệm trên cơ sở dữ liệu dài nhất có thể và được phân thành các chu kỳ nhỏ để kiểm tra khả năng thích ứng của mô hình.

4. Phí, lệ phí và thưởng hoạt động

Được quy định tại Chương XII và Phụ lục 4 của Điều lệ Quỹ.

4.1 Phí phát hành

- Nhà đầu tư chỉ phải trả một lần phí phát hành chứng chỉ Quỹ khi phát hành lần đầu hoặc/và tăng vốn.
- Phí phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 3%/mệnh giá đơn vị quỹ.
- Phí phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng dành cho nhà đầu tư ưu đãi sẽ được thông báo cụ thể theo Bảng Thông báo phát hành sau khi Quỹ đầu tư VFA được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.

4.2 Phí quản lý quỹ

- Phí quản lý là 2%/giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VFA/năm tài chính. Phí này được trả cho công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ đầu tư VFA. Phí quản lý sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn công ty quản lý quỹ VFM cung cấp dịch vụ quản lý quỹ cho Quỹ đầu tư VFA. Phí quản lý được tính và thu hàng tháng dựa trên NAV vào ngày cuối tháng
- Công thức tính phí quản lý hàng tháng được xác định như sau:
- Phí quản lý hàng tháng = Tỷ lệ 2% phí quản lý (năm) / 12 tháng x NAV ngày cuối tháng

4.3 Phí giám sát, phí lưu ký

- Phí giám sát, lưu ký là 0,04%/giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VFA/năm tài chính. Phí này không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v.... Phí này được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát. Phí giám sát, lưu ký được tính và thu hàng tháng dựa trên NAV vào ngày cuối tháng.

Công thức tính phí giám sát, lưu ký hàng tháng được xác định như sau:

Phí giám sát, lưu ký hàng tháng = 0,04% (năm)/12 tháng x NAV ngày cuối tháng.

- Quỹ sẽ thanh toán cho ngân hàng giám sát đối với dịch vụ đăng ký và thanh toán quyền lợi của nhà đầu tư như: đăng ký và xác nhận sở hữu, lưu ký chứng chỉ quỹ, duy trì và cập nhật thông tin của nhà đầu tư vào Sổ đăng ký Nhà đầu tư, thực hiện các báo cáo xác nhận và đối chiếu danh sách nhà đầu tư với Trung tâm Lưu ký chứng khoán, thanh toán cổ tức cho nhà đầu tư. Mức phí và phương pháp thanh toán phí được quy định tại Hợp đồng Giám sát.

4.4 Các loại phí và lệ phí khác:

Các chi phí khác của Quỹ gồm:

1. Phí môi giới hợp lý, hợp lệ liên quan đến các giao dịch tài sản Quỹ;
2. Thuế, phí và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
3. Tiền vay phải trả đối với các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
4. Các chi phí liên quan đến việc kiểm toán Quỹ;
5. Các chi phí liên quan đến việc tư vấn luật cho Quỹ;
6. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
7. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
8. Chi phí liên quan đến việc tổ chức, triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư và Ban đại diện không theo yêu cầu hoặc không vì quyền lợi của công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát;
9. Các chi phí liên quan đến việc in ấn, bố cáo, thông tin các hoạt động liên quan đến Quỹ, phát hành bản cáo bạch nếu phát hành thêm chứng chỉ Quỹ;
10. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
11. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;

4.5 Thường hoạt động

Công ty quản lý quỹ VFM có thể nhận được từ Quỹ đầu tư VFA, ngoài phí quản lý, một khoản thưởng khác gọi là thưởng hoạt động.

a. Nguyên tắc thực hiện:

Mức thưởng được tính trên cơ sở phần lợi nhuận vượt trội so với lợi nhuận của thị trường đã được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư VFA (xem phương thức tính phí thưởng ở mục (c) dưới đây). Thưởng hoạt động được trích từ thu nhập thực tế của Quỹ đầu tư (nếu có) và được thanh toán cho Công ty quản lý Quỹ hàng năm.

Phần lợi nhuận của Quỹ để tính mức phí thưởng bao gồm phần tăng trưởng của NAV vào cuối năm so với NAV đầu năm và các khoản cổ tức đã trả trong năm. Tăng trưởng của NAV trong năm sẽ được điều chỉnh trong trường hợp Quỹ tăng vốn.

Mức thưởng hoạt động sẽ được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư các năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp. Tăng trưởng NAV để xác định mức thưởng sẽ được tính bắt đầu từ khi mức lỗ đã được bù đắp hết. Mức điều chỉnh này sẽ được Ban đại diện quỹ chấp thuận trong từng trường hợp cụ thể của thị trường.

Phí thưởng chỉ được thanh toán sau khi đã thanh toán các khoản phải trả khác. Phí thưởng được xác định dựa trên báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

b. Phương thức hạch toán:

Thưởng hoạt động được trích trước hàng tháng dựa trên hoạt động của quỹ so với tiêu chí đặt ra và được cân đối và quyết toán căn cứ vào kết quả hoạt động thực tế của năm đó. Hàng tháng, căn cứ vào công thức tính thưởng được đề cập dưới đây, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ tạm tính số thưởng hoạt động (nếu có) từ ngày đầu năm đến ngày cuối tháng. Phần chênh lệch giữa số thưởng hoạt động đã tạm tính vào cuối tháng trước đó

và số thường hoạt động được tạm tính vào cuối tháng sau sẽ được hạch toán điều chỉnh vào NAV của tháng sau. Sau khi kết thúc năm tài chính, số thường hoạt động cho cả năm (nếu có) sẽ được so sánh với số tạm tính trong năm và các chênh lệch (nếu có) sẽ được điều chỉnh thông qua bút toán khóa sổ kế toán cho năm tài chính. Phương thức hạch toán sẽ tuân thủ các quy định về kế toán quỹ của Nhà nước ban hành.

c. Phương pháp xác định thường hoạt động:

Thường hoạt động chỉ được trả cho Công ty quản lý quỹ VFM nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VFA do Công ty quản lý quỹ VFM quản lý cao hơn chỉ số căn bản (h) (sẽ được diễn giải dưới đây).

Khoản thường hoạt động mà Công ty quản lý quỹ VFM sẽ nhận được bằng 20% của Li (sẽ diễn giải dưới đây) trong năm tài chính.

Tiền thường = 20% x Li

$$Li = V_i - \{V_{i-1} \times (100\% + h + 1\%) + N_i \times [100\% + (h + 1\%) \times d/365]\}$$

Trong đó:

Li: khoản liên quan theo đó khoản thường hoạt động hàng năm được tính

V_i : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm i cộng với các khoản cổ tức quỹ chia trong năm.

V_{i-1} : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm (i-1)

1%: chỉ số vượt trội

N_i : số tiền thu được từ đợt phát hành trong năm i

d: số ngày tính từ thời điểm số vốn huy động mới được phép giải ngân để ngày 31 tháng 12 của năm i

h: là chỉ số căn bản, được tính như sau:

$$h = W_{ho} \times R_{ho} + W_{ha} \times R_{ha} + W_o \times R_{is}$$

trong đó:

- W_{ho} là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh trong danh mục Quỹ đầu tư VFA
- R_{ho} là % tăng trưởng của VN-Index
- W_{ha} là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội trong danh mục Quỹ đầu tư VFA
- R_{ha} là % tăng trưởng của HNX-Index
- W_o là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị tiền gửi, tiền mặt, và các loại tài sản khác...
- R_{is} là lãi suất tiền gửi mười hai (12) tháng trung bình của 4 ngân hàng gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Ghi chú: Các chỉ số W_{ho} , W_{ha} , và W_o là những tỷ trọng cơ cấu danh được tính trong báo cáo hàng tháng để tính bình quân cả năm.

Ví dụ về cách tính tỷ trọng bình quân giá trị các nhóm tài sản:

Diễn biến tháng	Tỷ trọng			Tổng	NAV thực tế (tỷ đồng)		
	CP niêm yết Ho (W_{ho})	CP niêm yết Ha (W_{ha})	Tài sản khác (W_o)		Giá trị CP niêm yết Ho	Giá trị CP niêm yết Ha	Giá trị tài sản khác
	-1	-2	-3		-5	-6	-7
T1				300,0	135,0	120,0	45,0
T2				304,5	140,1	124,8	39,6
T3				309,0	145,2	129,9	33,9
T4				313,8	150,6	135,0	28,2
T5				318,3	156,0	140,1	22,2
T6				323,1	161,7	138,9	22,5
T7				328,2	167,4	137,7	23,1
T8				333,0	173,1	136,5	23,4
T9				338,1	179,1	135,3	23,7
T10		Phát hành 300 tỷ		641,1	308,7	257,1	75,3
T11				652,8	333,0	267,6	52,2
T12				662,1	357,6	278,1	26,4
Cả năm (a)	50%	41%	9%	4.824,0	2.407,5	2.001,0	415,5

Ghi chú: (4), (5), (6), và (7): giá trị NAV, giá trị cp niêm yết HOSE, giá trị cp niêm yết HNX, và giá trị tài sản khác trung bình trong tháng, được tính bằng (giá trị đầu tháng + giá trị cuối tháng)/2

Tại dòng (a):

- $W_{ho} (1) = (5)/(4) = 2.407,5/4.824,0 = 50\%$
- $W_{ha} (2) = (6)/(4) = 2.001,0/4.824,0 = 41\%$
- $W_o (3) = (7)/(4) = 415,5/4.824,0 = 9\%$

Ví dụ tính chỉ số căn bản và thưởng:

Chỉ số	Ghi chú	Giá trị
NAV đầu năm (tỷ)	(a)	300,0
NAV cuối năm (tỷ)	(b)	662,1
Tiền phát hành mới trong năm (tỷ)	(c)	300,0
Số ngày thực tế sử dụng số tiền mới	(d)	100
Tăng trưởng VN-Index	(e)	15%
Tăng trưởng HNX-Index	(f)	14%
Lãi suất TP CP 10 năm	(g)	9%
Chỉ số vượt trội	(h)	1%
Chỉ số căn bản	$(i) = W_{ho} \times (e) + W_{ha} \times (f) + W_o \times (g) =$	14,1%
Li (tỷ)	$(k) = (b) - (a) \times [1+(i)+(h)] - (c) \times \{1+ [(i)+(h)] \times d/365\}$	4,51
Thưởng (tỷ)	(n) = 20% x (k)	0,90
Thưởng/NAV (%)		0,1%

5. Giao dịch chứng chỉ quỹ

Quỹ đầu tư VFA là quỹ đầu tư dạng đóng nên Quỹ đầu tư VFA không có nghĩa vụ phải mua lại chứng chỉ Quỹ từ nhà đầu tư. Nhà đầu tư chỉ có thể giao dịch chứng chỉ Quỹ trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM sau khi chứng chỉ quỹ được niêm yết.

6. Thời hạn nắm giữ tối thiểu

Thành viên Ban đại diện quỹ phải cam kết nắm giữ 100% số chứng chỉ quỹ do mình sở hữu trong thời gian 06 (sáu) tháng kể từ ngày chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA niêm yết và 50% số chứng chỉ quỹ này trong thời gian 06 (sáu) tháng tiếp theo.

7. Xác nhận sở hữu chứng chỉ quỹ

Công ty quản lý quỹ VFM hoặc người được Công ty quản lý quỹ VFM ủy quyền hợp lệ sẽ xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với chứng chỉ quỹ đã mua dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc lưu giữ điện tử.

- Thời hạn xác nhận quyền mua chứng chỉ quỹ trong vòng 15 (mười lăm) ngày sau khi nhà đầu tư hoàn tất các thủ tục mua chứng chỉ quỹ;
- Thời hạn xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ trong vòng 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ có hiệu lực.

8. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Được quy định rõ tại Điều 44 của Điều lệ Quỹ.

8.1 Thời điểm xác định giá trị tài sản ròng (NAV)

Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần vào ngày định giá. Ngay sau khi Ngân hàng giám sát xác nhận việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ là phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, Giá trị tài sản ròng sẽ được thông báo công khai cho nhà đầu tư theo đúng quy định hiện hành.

8.2 Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ đầu tư VFA sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả phí quản lý, phí giám sát, phí môi giới, phí lưu ký, phí hành chính, phí định giá,...) tại thời điểm định giá.

Cụ thể được xác định theo phương thức sau:

- Giá trị của các tài sản và khoản đầu tư của quỹ được xác định theo nguyên tắc sau:
 - o Đối với chứng khoán niêm yết, giá của các chứng khoán niêm yết được xác định là giá đóng cửa.
 - o Đối với cổ phiếu niêm yết không có giao dịch trong thời gian ít hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, giá của chứng khoán đó được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá chào mua cung cấp bởi ba (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
 - o Đối với cổ phiếu niêm yết không có giao dịch trong thời gian nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, giá trị của chứng khoán đó được xác định như sau:
 - Bằng 80% giá trị thanh lý của một cổ phiếu tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trong trường hợp tổ chức phát hành đang trong quá trình chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản; hoặc
 - Bằng giá mua trong các trường hợp khác; hoặc

- Được xác định theo nguyên tắc định giá khác đã được Ngân hàng giám sát đồng ý và Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
- o Đối với các loại tài sản khác như tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời gian đáo hạn dưới một (01) năm kể từ ngày định giá, giá các chứng khoán đó được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến thời điểm định giá. Trường hợp tài sản là trái phiếu chiết khấu, giá trị tài sản được xác định theo phương pháp định giá theo dòng tiền hoặc theo phương pháp nội suy tuyến tính trên cơ sở giá mua và mệnh giá của trái phiếu;
- o Đối với trái phiếu có thời gian đáo hạn trên một (01) năm kể từ ngày định giá, trái phiếu chuyển đổi, giá của các chứng khoán đó được xác định bằng giá thị trường đối với chứng khoán niêm yết hoặc báo giá bởi (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát. Trường hợp các chứng khoán đó được giao dịch thỏa thuận và không có giá thị trường, giá các chứng khoán này được xác định theo các mô hình lý thuyết định giá trái phiếu phù hợp;
- o Đối với chứng khoán phái sinh, giá các chứng khoán này được xác định bằng giá thị trường đối với chứng khoán niêm yết hoặc báo giá bởi (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát. Trường hợp các chứng khoán đó được giao dịch thỏa thuận và không có giá thị trường, giá các chứng khoán này được xác định theo các mô hình lý thuyết định giá chứng khoán phái sinh phù hợp;
- o Đối với các loại tài sản khác của Quỹ như cổ tức, lãi nhận được, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn không quá 1 năm, và tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm kể từ ngày định giá, giá trị của các tài sản này được tính theo giá trị thực tế tại thời điểm xác định;
- o Trường hợp tài sản của Quỹ là bất động sản, giá trị tài sản này phải được định giá bởi một tổ chức định giá độc lập được sự đồng ý của ngân hàng giám sát và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận. Tổ chức định giá này không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát. Tài sản này phải được thẩm định và định giá định kỳ sáu (06) tháng một lần. Trường hợp xảy ra những sự kiện có thể ảnh hưởng đến giá trị của tài sản, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải thông báo với tổ chức định giá;
- o Đối với các khoản đầu tư mà phương pháp tính giá chưa được xác định trên đây sẽ được đánh giá theo giá trị đầu tư ban đầu (cost price) và cho đến khi các phương pháp trên có thể áp dụng;
- o Giá của các loại tài sản khác được xác định theo nguyên tắc định giá khoa học và khách quan khác đã được ngân hàng giám sát phê duyệt và Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
- Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến thời điểm xác định giá trị. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

Giá trị đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.

8.3 Phương pháp tính thu nhập và kế hoạch phân chia lợi nhuận của Quỹ

Cổ tức Quỹ được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua. Cổ tức Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện là số dương. Số tiền hoặc giá trị tài sản tương ứng để chia cổ tức tối thiểu là 50% lợi nhuận thực hiện trong năm. Cổ tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp, mới được nhận cổ tức quỹ.

Nếu xét thấy phù hợp, dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ, Ban đại diện Quỹ có thể quyết định tạm ứng cho Nhà đầu tư một số cổ tức Quỹ mà lợi nhuận hoặc Quỹ dự trữ khác của Quỹ đầu tư VFA cho phép. Việc tạm ứng này có thể được giải quyết 06 (sáu) tháng một lần hoặc một khoảng thời gian thích hợp (không quá 12 (mười hai) tháng) cho các nhà đầu tư ở mức đã ấn định.

9. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

Công ty quản lý quỹ VFM sẽ thực hiện việc lập các báo cáo và công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Các báo cáo và công bố thông tin này sẽ được lập theo quy định hiện hành và sẽ được Công ty quản lý quỹ VFM gửi đến UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM và đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ VFM theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và các báo cáo về hoạt động của Quỹ sẽ được Công ty quản lý quỹ VFM sao gửi đến các thành viên Ban đại diện Quỹ đầu tư VFA và được cung cấp miễn phí trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty quản lý quỹ VFM.

10. Địa chỉ liên lạc giải đáp thắc mắc cho các nhà đầu tư

- Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)

Lầu 10, Cao ốc Văn phòng Central Plaza, 17 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Tel: (84.8) 38251488 Fax: (84.8) 38251489

Email: info@vinafund.com Website: www.vinafund.com

- Chi nhánh Hà Nội:

Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Phòng 1208, Tầng 12, Tòa nhà Pacific Place, 83B Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Tel: (84.4) 3942 8168 Fax: (84.4) 3942 8169

V. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN QUỸ ĐẦU TƯ VFA

1. Thông tin về Công ty quản lý quỹ VFM

Công ty quản lý quỹ VFM được thành lập với tên gọi ban đầu là Công ty Liên doanh quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VietFund Management) theo Giấy phép số 01/GPĐT-UBCKNN ngày 15/7/2003 của UBCKNN, là công ty liên doanh đầu tiên tại Việt Nam chuyên về quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, và quản lý danh mục đầu tư, với các bên liên doanh sáng lập là Công ty Dragon Capital Management và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank).

Ngày 08/01/2009, UBCKNN chấp thuận việc chuyển đổi loại hình của Công ty quản lý quỹ VFM từ Công ty liên doanh thành Công ty cổ phần với tên gọi mới là Công ty Cổ phần quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VietFund Management) theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009, có hiệu lực kể từ ngày ký, với mức vốn điều lệ là 100 tỷ đồng.

Đến ngày 24/02/2010, UBCKNN chấp thuận việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VietFund Management) theo Giấy phép điều chỉnh số 63/UBCK-GP ngày 24/02/2010, có hiệu lực kể từ ngày ký, với mức vốn điều lệ mới là 109,6 tỷ đồng.

Công ty quản lý quỹ VFM hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Công ty quản lý quỹ VFM đặt trụ sở chính tại thành phố Hồ Chí Minh và chi nhánh tại Hà Nội, với tổng vốn điều lệ là 100 tỷ đồng do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) góp 51% tổng vốn điều lệ, Công ty Dragon Capital Management góp 48,5% tổng vốn điều lệ và Công ty Dragon Capital Markets (Europe) góp 0,5% tổng vốn điều lệ.

Hiện nay, Công ty quản lý quỹ VFM đang quản lý tổng tài sản gần 5.000 tỷ đồng với hơn 15.000 nhà đầu tư là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước thông qua các sản phẩm quỹ: Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam (VF1), Quỹ đầu tư tăng trưởng Việt Nam (VF2), Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VF4), Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam và một số nguồn vốn ủy thác khác.

1.1 Giới thiệu về đối tác sáng lập Công ty VFM

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)



Chính thức được thành lập và đi vào hoạt động vào ngày 21/12/1991, Sacombank xuất phát điểm là một ngân hàng nhỏ, ra đời trong giai đoạn khó khăn của đất nước với số vốn điều lệ ban đầu 03 tỷ đồng và hoạt động chủ yếu tại vùng ven TP.HCM.

Sau hơn 18 năm hoạt động, đến nay Sacombank trở thành một trong những Ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam với:

- 6.700 tỷ đồng vốn điều lệ, 9.498 tỷ đồng vốn tự có, 98.474 tỷ đồng tổng tài sản;
- Gần 330 điểm giao dịch tại 45/63 tỉnh thành trong cả nước, 01 Chi nhánh tại Lào và 01 Chi nhánh tại Campuchia;
- 6.180 đại lý thuộc 289 ngân hàng tại 80 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới;
- Hơn 7.400 cán bộ nhân viên trẻ, năng động và sáng tạo;
- Hơn 81.000 cổ đông đại chúng;
- Là Ngân hàng Việt Nam đầu tiên nhận được góp vốn và hỗ trợ kỹ thuật từ International Finance Corporation (IFC) trực thuộc Ngân hàng thế giới (World Bank);
- Là Ngân hàng đầu tiên niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Là Ngân hàng Việt Nam đầu tiên mở rộng mạng lưới hoạt động ra ngoài biên giới, thành lập Văn phòng đại diện tại Trung Quốc, Chi nhánh tại Lào và Campuchia;

- Là Ngân hàng tiên phong khai thác các mô hình ngân hàng đặc thù dành riêng cho phụ nữ (Chi nhánh 8 Tháng 3) và cho cộng đồng nói tiếng Hoa (Chi nhánh Hoa Việt). Sự thành công của các chi nhánh đặc thù là minh chứng thuyết phục về khả năng phân khúc thị trường độc đáo và sáng tạo của Sacombank;
- Từ năm 2004, Sacombank đã được các tổ chức tài chính quốc tế như IFC, FMO, ADB, Proparco... ủy thác các nguồn vốn có giá thành hợp lý để hỗ trợ các cá nhân, các doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam thông qua việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về minh bạch báo cáo tài chính, có chiến lược phát triển bền vững và năng lực quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro tốt, có mạng lưới chi nhánh rộng lớn và mục đích sử dụng vốn hợp lý;

Với những nỗ lực phát triển và sự đóng góp tích cực cho nền tài chính Việt Nam, Sacombank đã nhận được rất nhiều các bằng khen và giải thưởng có uy tín trong nước và quốc tế, điển hình như:

- "Ngân hàng có hoạt động kinh doanh ngoại hối tốt nhất Việt Nam 2010" do Global Finance bình chọn;
- "Ngân hàng có dịch vụ quản lý tiền mặt tốt nhất Việt Nam 2009" do The Asset Hong Kong bình chọn;
- "Ngân hàng bán lẻ tốt nhất Việt Nam 2009" (Best Retail Bank in Vietnam 2009) do The Asian Banker bình chọn.
- "Ngân hàng bán lẻ của năm tại Việt Nam 2007 và 2008" do Asian Banking & Finance bình chọn;
- "Ngân hàng nội địa tốt nhất Việt Nam 2008" do The Asset bình chọn;
- "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2008" do Global Finance bình chọn;
- "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2008" do Finance Asia bình chọn;
- "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam 2007" do Euromoney bình chọn;
- "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam về cho vay doanh nghiệp vừa và nhỏ 2007" do Cộng đồng các Doanh nghiệp vừa và nhỏ Châu Âu (SMEDF) bình chọn;
- "Ngân hàng có hoạt động ngoại hối tốt nhất Việt Nam năm 2007" do Global Finance bình chọn;
- Được đánh giá và xếp loại A (loại cao nhất) trong bảng xếp loại của Ngân hàng Nhà nước cho năm 2006 và xếp thứ 04 trong ngành tài chính ngân hàng tại Việt Nam do chương trình Phát triển Liên Hiệp Quốc UNDP đánh giá cho năm 2007;
- Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ về những thành tích dẫn đầu phong trào thi đua ngành ngân hàng trong năm 2007, 2008;
- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ dành cho các hoạt động từ thiện trong suốt các năm qua;
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2008 vì có những đóng góp tích cực vào các hoạt động kiểm chế lạm phát trong nền kinh tế;
- Cờ thi đua của Thống đốc NHNN Việt Nam về những thành tích dẫn đầu phong trào thi đua ngành ngân hàng trong năm 2008;
- Cờ thi đua của Thống đốc NHNN Việt Nam về những thành tích dẫn đầu phong trào thi đua ngành ngân hàng trong năm 2009;

Vào ngày 16/5/2008, Sacombank tạo nên một bước ngoặt mới trong lịch sử hình thành và phát triển Ngân hàng với việc công bố hình thành Tập đoàn Sacombank. Việc hình thành mô hình Tập đoàn là điều

kiện để phát triển các giải pháp tài chính trọn gói với chi phí hợp lý, nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho khách hàng đồng thời nâng cao sức mạnh trong quá trình hội nhập của Sacombank và nhóm các Công ty thành viên hoạt động trong các lĩnh vực tài chính và phi tài chính. Hiện nay, Tập đoàn Sacombank có sự góp mặt của các thành viên:

- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank), đóng vai trò hạt nhân điều phối hoạt động của Tập đoàn;

Dragon Capital Management Group



Công ty Dragon Capital (Dragon Capital Group – sau đây gọi tắt là DCG) là một công ty cung cấp các dịch vụ tài chính, chủ yếu tập trung vào thị trường vốn và là nhà đầu tư gián tiếp tiên phong tại thị trường chứng khoán tại Việt Nam. Từ khi thành lập vào năm 1994 đến nay, với vốn đầu tư ban đầu là 16.000.000 USD, Công ty Dragon Capital hiện là công ty quản lý quỹ lớn và giàu kinh nghiệm tại Việt Nam với tổng số tài sản trên 1.500.000.000 (một tỷ năm trăm triệu) USD.

VEIL là quỹ đầu tư đầu tiên và quan trọng nhất do DCG quản lý với tổng tài sản trên 500 triệu USD. VEIL luôn giữ vị trí quan trọng nhất của DCG, đồng thời cũng là quỹ tăng trưởng ấn tượng nhất tại Việt Nam. Mục tiêu chủ yếu của quỹ là đầu tư vào các công ty đại chúng, các công ty tư nhân Việt Nam hoặc những công ty liên quan đến Việt Nam. Vietnam Enterprise Investments Limited (VEIL) hiện là Quỹ đầu tư vào Việt Nam lớn nhất được niêm yết ở nước ngoài từ khi được thành lập năm 1995. Vốn thị trường của VEIL chiếm ½ giá trị của tổng vốn thị trường trong lĩnh vực này.

Với sự ra đời của những quỹ tiếp theo bao gồm Vietnam Growth Fund (VGF) và Vietnam Dragon Fund (VDF) với mục đích mang đến các cơ hội đầu tư vào các công ty niêm yết hoặc các công ty chuẩn bị niêm yết; quỹ tài sản chuyên biệt đầu tiên Vietnam Resource Investment (VRI) hướng tới các cơ hội đầu tư vào khoáng sản và tài nguyên thiên nhiên tại Việt Nam; Vietnam Debt Fund (VDeF), Quỹ đầu tiên chuyên biệt về thị trường nợ Việt Nam, với mục tiêu chính tập trung vào trái phiếu Chính Phủ và nợ doanh nghiệp (như trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi); Vietnam Property Fund (VPF), tập trung vào thị trường bất động sản Việt Nam với mục tiêu đầu tư trải rộng trên tất cả các lĩnh vực bất động sản và các đô thị hiện hữu, DCG đã phát triển thành một ngân hàng đầu tư hoạt động đa dạng, cung cấp cho khách hàng nhiều dịch vụ tài chính bao gồm quản trị doanh nghiệp, quản lý quỹ, đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp và thị trường vốn.

Bên cạnh việc quản lý các quỹ đầu tư nước ngoài, DCG đang nắm giữ 49% cổ phần trong phần vốn điều lệ của Vietfund Management (VFM) cùng với Ngân hàng Sacombank, ngân hàng thương mại cổ phần lớn nhất Việt Nam. VFM hiện quản lý 3 quỹ trong nước với tổng tài sản lên trên 200 triệu USD. DCG cũng có các dịch vụ quản lý tài khoản riêng cho một số khách hàng và dịch vụ đầu tư vào các loại tài sản như trái phiếu, địa ốc và tài nguyên thiên nhiên.

Ngoài ra, DCG còn cung cấp các sản phẩm tài chính về thị trường vốn trong các lĩnh vực như tư vấn, chứng khoán và nghiên cứu. DCG có một đội ngũ chuyên viên tài chính tận tâm với chuyên môn cao mang đến cho khách hàng nhiều dịch vụ tư vấn cũng như các giải pháp tái cơ cấu trong những lĩnh vực như (i) Niêm yết; (ii) Cổ phần hóa; (iii) Quản lý rủi ro; (iv) Hợp nhất & sáp nhập; (v) Quản trị doanh nghiệp và (vi) Tái cơ cấu doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Bộ phận Chứng khoán của DCG tham gia vào các hoạt động môi giới chứng khoán, tạo lập thị trường, bảo lãnh phát hành và phân phối chứng khoán. DCG cũng thực hiện các báo cáo nghiên cứu tiêu chuẩn về từng ngành và từng công ty, phục vụ bộ phận quản lý quỹ của DCG và các khách hàng hiện tại cũng như các khách hàng tiềm

năng. Các chuyên viên phân tích hiện đang theo dõi 100 công ty lớn nhất Việt Nam trong tất cả các ngành, trong đó tập trung nhiều vào 30 công ty đứng đầu tại Việt Nam.

Ngân hàng Thế giới hiện nắm giữ 10% cổ phần của DCG thông qua thể chế đầu tư của mình là Công ty Tài chính Quốc tế (IFC); Proparco, một đơn vị trực thuộc Cơ quan Phát triển Tài chính của Chính phủ Pháp chiếm 5% cổ phần còn lại. DCG hiện có hơn 90 nhân viên làm việc tại Tp. Hồ Chí Minh, Hà Nội và Anh quốc. Văn phòng tại Anh, Dragon Capital Markets (Europe) được Cơ quan Quản lý và Giám sát Dịch vụ Tài chính (FSA) cấp phép.

1.2 Giới thiệu về cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty quản lý quỹ VFM

- | | |
|-----------------------|----------------------------------|
| ▪ Ông Dominic Scriven | Chủ tịch HĐQT |
| ▪ Ông Trần Thanh Tân | Phó Chủ tịch, kiêm Tổng Giám đốc |
| ▪ Bà Huỳnh Quế Hà | Phó Chủ tịch |
| ▪ Bà Nguyễn Thị Bình | Thành viên HĐQT |
| ▪ Ông Tô Thanh Hoàng | Thành viên HĐQT |
| ▪ Ông Lê Hoàng Anh | Thành viên HĐQT |

Dưới đây là thông tin tóm tắt về Hội đồng Quản trị của Công ty quản lý quỹ VFM.

Ông Dominic Scriven

Chủ tịch

- Cử nhân danh dự ngành Luật & Xã hội học Trường Đại học Exeter (Anh Quốc).
- 20 năm kinh nghiệm trong đầu tư & phát triển thị trường vốn, trong đó có 18 năm ở châu Á, chủ yếu ở Hồng Kông và Việt Nam.
- Đồng sáng lập viên Công ty Dragon Capital năm 1994.
- Cổ đông chiến lược của một số công ty chứng khoán tại TP.HCM và thành viên HĐQT của một số ngân hàng & công ty niêm yết tại sàn giao dịch.
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty VFM từ năm 2003.

Ông Trần Thanh Tân

Phó Chủ tịch/Tổng Giám Đốc

- Thạc sĩ Quản trị Trường Université Libre de Bruxelles (ULB, Bỉ).
- Hơn 15 năm kinh nghiệm phân tích đầu tư, tư vấn cổ phần hóa, phát triển thị trường vốn, và đóng góp xây dựng & phát triển thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Đồng sáng lập viên Công ty Dragon Capital từ năm 1994.
- Tổng Giám Đốc Công ty VFM từ năm 2003.
- Thành viên thường trực CLB các công ty niêm yết.
- Chủ tịch Câu lạc bộ quản lý quỹ Việt Nam.
- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc công ty VFM từ tháng 10/2008 đến ngày 19/3/2010.
- Từ ngày 19/03/2010, Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc công ty VFM

Bà Huỳnh Quế Hà Phó Chủ tịch	▪ Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Pacific Western (Hoa Kỳ). ▪ Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phát triển kinh doanh & quản lý doanh nghiệp. ▪ Cổ đông sáng lập Ngân hàng TMCP Sacombank từ năm 1995. ▪ Phó Chủ tịch thứ 1 của Ngân hàng TMCP Sacombank từ năm 2003. ▪ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty LD Thẻ Sacombank – ANZ. ▪ Phó Chủ tịch HĐQT Công ty VFM từ tháng 10/2008.
Bà Nguyễn Thị Bình Thành viên	▪ Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh tại Học viện Raffles Singapore. ▪ Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, chứng khoán, quản lý nợ & khai thác tài sản. ▪ Tổ trưởng Tổ chuyên trách các công ty thành viên, điều phối hoạt động hợp tác giữa các thành viên trong tập đoàn Sacombank. ▪ Thành viên HĐQT công ty VFM từ tháng 10/2008.
Ông Tô Thanh Hoàng Thành viên	▪ Cử nhân Quản trị kinh doanh Trường Đại học Thương mại. ▪ Có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán và kinh doanh tiền tệ. ▪ Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán và Quản lý rủi ro Tập đoàn. ▪ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khối tiền tệ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín. ▪ Chủ tịch Công ty Vàng bạc đá quý Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín. ▪ Chủ tịch Công ty Kiều hối Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín. ▪ Thành viên HĐQT Công ty VFM từ tháng 02/2009.
Ông Lê Hoàng Anh Thành viên	▪ Tiến sĩ kinh tế, Budapest Universities of Economic Sciences, Hungary ▪ Nhiều năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực phân tích tài chính cấp cao tại các tổ chức nước ngoài ▪ Giám đốc Dragon Capital Group ▪ Thành viên Ban đại diện Quỹ đầu tư VF4, Thành viên Hội đồng đầu tư VFM ▪ Thành viên HĐQT công ty Cổ phần Điện lực Khánh hoà và Công ty Global Cybersoft Inc. ▪ Thành viên HĐQT công ty VFM từ tháng 03/2010.

1.3 Giới thiệu về cơ cấu Ban điều hành Công ty quản lý quỹ VFM

- | | |
|-------------------------|---|
| ▪ Ông Trần Thanh Tân | Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc (xem phần giới thiệu ở mục 1.2) |
| ▪ Ông Phạm Khánh Linh | Phó Tổng Giám đốc |
| ▪ Bà Đoàn Phạm Hồng Đức | Phó Tổng Giám đốc |
| ▪ Bà Lương Thị Mỹ Hạnh | Phó Tổng Giám đốc Khối Đầu tư |
| ▪ Bà Lê Thị Thành Tâm | Giám đốc Tài chính |
| ▪ Ông Trần Anh Tuấn | Giám đốc Nghiên cứu |
| ▪ Ông Ngô Đức Vũ | Giám đốc Đầu tư |

Dưới đây là thông tin tóm tắt về Ban Điều hành của công ty quản lý quỹ VFM.

Ông Phạm Khánh Linh Phó Tổng Giám Đốc	▪ Thạc sĩ Tài chính – Kế toán Trường Đại học Swinburne (Úc). ▪ Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực phát triển kinh doanh, đầu tư chứng khoán. ▪ Nguyên Giám Đốc Giao dịch & phát triển thị trường tại Công ty Chứng khoán Ngân hàng Á Châu (ACBS). ▪ Giám Đốc Phát triển Kinh doanh Công ty VFM từ năm 2003. ▪ Phó Tổng Giám Đốc phụ trách phát triển kinh doanh Công ty VFM từ năm 2008.
Bà Đoàn Phạm Hồng Đức Phó Tổng Giám Đốc	▪ Cao học Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Liverpool John Moores, Anh Quốc (MBA Diploma). ▪ Nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính, ngân hàng và quản lý. ▪ Trưởng phòng tài trợ thương mại Hội sở Sacombank từ năm 2003. ▪ Giám đốc chi nhánh Sacombank Quận 4 từ tháng 4 năm 2007. ▪ Phó Tổng Giám Đốc công ty VFM từ tháng 01/2009.
Bà Lương Thị Mỹ Hạnh Phó Tổng Giám Đốc Khối Đầu tư	▪ Cử nhân Quản trị Kinh doanh Trường Đại học Kinh tế TP.HCM. ▪ 10 năm kinh nghiệm ngành tài chính, quản lý quỹ, đầu tư chứng khoán. ▪ Kiểm toán viên cao cấp tại Công ty KPMG. ▪ Trưởng phòng Quản lý Danh mục đầu tư tại Công ty VFM từ năm 2005. ▪ Giám Đốc Đầu tư Công ty VFM từ năm 2008. ▪ Phó Tổng Giám đốc Khối Đầu tư Công ty VFM từ T1/2010.
Bà Lê Thị Thành Tâm Giám Đốc Tài Chính	▪ Cử nhân Tài chính – Kế toán Trường Đại học Tài chính Kế toán TP.HCM. ▪ Thành viên Hiệp hội Kế toán công chứng Vương Quốc Anh ACCA. ▪ Giảng viên chương trình Kế toán viên Anh Quốc ACCA. ▪ Hơn 13 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán. ▪ Giám Đốc Tài chính Công ty VFM từ cuối năm 2008.

Ông Trần Anh Tuấn
Giám Đốc Nghiên cứu

- Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng Trường Đại học Kinh tế TP.HCM.
- Hơn 12 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng & tư vấn đầu tư.
- Trưởng phòng Quản lý Danh mục đầu tư tại Công ty VFM từ năm 2005.
- Giám Đốc Đầu Tư của Công ty VFM năm 2007.
- Giám Đốc Nghiên Cứu của Công ty VFM từ năm 2008.

Ông Ngô Đức Vũ
Giám đốc Đầu tư

- Cao học Quản trị tài chính tại trường Quản lý Châu Âu ESCP-EAP, Paris,
- MBA của trường Quản lý, Viện Công nghệ Châu Á (AIT), Thái Lan
- Chứng chỉ hành nghề chứng khoán do UBCKNN cấp năm 2006
- Hơn 5 năm kinh nghiệm về kế toán tài chính tại các tổ chức của Liên minh Châu Âu và chính phủ Đan Mạch.
- Giám đốc chi nhánh Hà Nội của Công ty VFM năm 2008
- Giám đốc Đầu tư Công ty VFM từ T1/2010

1.4 Giới thiệu về Hội đồng cố vấn đầu tư của Công ty quản lý quỹ VFM (thành viên tiêu biểu)

- Ông Trần Thanh Tân Chủ tịch Hội Đồng Đầu tư (xem phần giới thiệu ở mục 1.2)
- Ông Lê Hoàng Anh Phó Chủ tịch Hội Đồng Đầu tư (xem phần giới thiệu ở mục 1.2)
- Ông Dan Svensson Thành viên
- Ông Lê Anh Tuấn Thành viên
- Bà Lương Thị Mỹ Hạnh Thành viên (xem phần giới thiệu ở mục 1.3)

Dưới đây là thông tin tóm tắt về Hội đồng cố vấn đầu tư của công ty quản lý quỹ VFM.

Ông Dan Svensson
Thành viên

- Cử nhân Kinh tế, Trường Đại học Cambridge, Vương Quốc Anh
- Cao học quản trị kinh doanh chuyên ngành tài chính trường Đại học Orebro, Thụy Điển.
- Học bổng MBA Fullbright, tại trường Đại học Berkeley California, USA
- Hơn 10 năm kinh nghiệm trong ngành quản lý quỹ, đầu tư chứng khoán.
- Giám đốc phụ trách danh mục đầu tư tại Công ty Dragon Capital Ltd từ năm 2000.
- Cử nhân Toán, Thống kê, hoá học tại trường Đại học Uppsala/Umea, Thụy Điển
- Trợ lý Giám đốc thị trường vốn của Công ty Swedish Export Credit Corporation, Thụy Điển từ năm 1987 - 1989
- Trợ lý Giám đốc phụ trách Nợ ngoài quốc gia của văn phòng Nợ Quốc Gia Thụy Điển vào năm 1989 – 1992
- Chuyên viên tài chính của Ngân Hàng European Phát triển và xây dựng, Luân Đôn vào năm 1992 – 1995

	▪ Chuyên viên chứng khoán phái sinh của Industrial Bank of Japan, Luân Đôn vào năm 1995 ▪ Chuyên viên thực thi hệ thống Quản trị rủi ro của Văn Phòng Nợ Quốc Gia Thụy Điển vào năm 1995 – 1997 ▪ Chuyên viên giao dịch chứng khoán phái sinh, và nghiên cứu mô hình Basel II credit risk và phân tích định lượng (quantitative) tại Svenska Handelsbanken, Thụy Điển vào năm 1997 – 2006 ▪ Giám đốc tại Dragon Capital Group Ltd từ năm 2006.
Ông Lê Anh Tuấn Thành viên	▪ Cử nhân kinh tế của Đại học Kinh Tế Tp HCM vào năm 2000 ▪ Cao học Quản trị Kinh doanh (MBA) ngành Tài chính tại Đại học Willamette, USA ▪ Tiến sĩ kinh tế danh dự Đại học Bang Pennsylvania, USA vào năm 2008 ▪ Chuyên viên phân tích tại Merrill Lynch, OR từ năm 2003 – 2004 ▪ Giám đốc tại Công ty Dragon Capital Group Ltd từ năm 2008

1.5 Giới thiệu đội ngũ phụ trách quản lý của Quỹ đầu tư VFA

- Bà Lương Thị Mỹ Hạnh Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư (xem phần giới thiệu ở mục 1.3)
- Ông Ngô Đức Vũ Trợ lý quản lý danh mục đầu tư (xem phần giới thiệu ở mục 1.3)
- Bà Phan Thị Thu Thảo Trợ lý quản lý danh mục đầu tư
- Bà Nguyễn Thị Thu Hằng Trợ lý pháp lý

Dưới đây là thông tin tóm tắt về Đội ngũ phụ trách quản lý của Quỹ đầu tư VFA.

Bà Phan Thị Thu Thảo Trợ lý quản lý danh mục	▪ Cử nhân chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán trường Đại học Kinh tế Quốc Dân ▪ 2 năm kinh nghiệm làm việc tại công ty KPMG Vietnam Ltd. ▪ 3 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư chứng khoán và quản lý quỹ. ▪ Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư tại Công ty VFM từ tháng 1/2010.
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng Trợ lý pháp lý	▪ Cử nhân Luật Thương Mại trường Đại học Luật – TP.HCM ▪ Tốt nghiệp trường Học viện các chức danh Tư pháp. ▪ 4 năm kinh nghiệm làm việc tại Viện Kiểm Sát Nhân dân TP.HCM ▪ 1 năm kinh nghiệm làm việc tại Công ty Bất động sản Thanh Niên ▪ Trợ lý pháp lý kiêm Kiểm soát nội bộ tại Công ty VFM từ tháng 3/2008 đến nay.

Ngoài ra, còn có sự tham gia của các chuyên viên phân tích cao cấp trong việc nghiên cứu, phân tích các khoản đầu tư, các loại chứng khoán nhằm tối ưu hóa danh mục đầu tư.

2. Tình hình hoạt động của Công ty quản lý quỹ VFM

Được thành lập vào ngày 15/07/2003 theo giấy phép thành lập số 01/GPĐT-UBCKNN do UBCKNN cấp, công ty quản lý quỹ VFM trở thành công ty quản lý quỹ đầu tiên ở Việt Nam với dịch vụ quản lý quỹ đầu tư, tư vấn đầu tư và tư vấn tài chính, với tổng vốn đầu tư ban đầu là 16 tỷ đồng. Năm 2006, Công ty quản lý quỹ VFM đã tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng được góp vốn từ Ngân hàng Sacombank và Công ty Dragon Capital Management. Đến ngày 24/02/2010, UBCKNN chấp thuận việc tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VietFund Management) theo Giấy phép điều chỉnh số 63/UBCK-GP ngày 24/02/2010, có hiệu lực kể từ ngày ký, với mức vốn điều lệ mới là 109,6 tỷ đồng. Năm 2009, lợi nhuận sau thuế của công ty VFM là 29 tỷ đạt 33.6% tổng thu nhập, tăng 26% so với năm 2008, dẫn tới tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) trong năm 2009 là 15,4%, tăng 8.7% so với 2008 (dựa theo Báo cáo trước hợp nhất).

Hiện nay, Công ty quản lý quỹ VFM mở rộng thêm dịch vụ mới là quản lý danh mục đầu tư và tính đến nay, tổng tài sản Công ty quản lý quỹ VFM đang quản lý khoảng gần 5.000 tỷ đồng.

Các quỹ do công ty VFM đang quản lý:

- Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1):

Quỹ đầu tư VF1 là quỹ công chúng đầu tiên do công ty VFM quản lý với tổng vốn huy động ban đầu là 300 tỷ đồng. Sau 2 năm hoạt động có lãi, Quỹ đầu tư VF1 đã tăng vốn điều lệ lần 1 từ 300 tỷ lên 500 tỷ đồng vào năm 2006 và tiếp tục tăng vốn điều lệ lần 2 thành công từ 500 tỷ lên 1.000 tỷ đồng vào năm 2007.

- Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VF2):

Quỹ VF2 là quỹ thành viên đầu tiên được thành lập vào tháng 12/2006 với sự tham gia góp vốn của 15 đối tác lớn trong ngành tài chính, ngân hàng và công ty niêm yết lớn, đặc biệt là tổ chức tài chính của chính phủ Hà Lan – FMO. Quỹ VF2 có số vốn huy động ban đầu là 400 tỷ đồng và đã tăng vốn điều lệ lên thành 963,9 tỷ đồng vào tháng 12 năm 2006.

- Quỹ đầu tư Doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam (VF4):

Quỹ đầu tư VF4 là quỹ công chúng thứ hai do công ty VFM quản lý với tổng huy động ban đầu là 806,46 tỷ đồng trong tổng vốn điều lệ là 8.000 tỷ đồng, hoạt động trong vòng 10 năm.

- Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA):

Đây là quỹ công chúng thứ ba do công ty VFM huy động, đã giải ngân và đang thực hiện hoạt động đầu tư. Quỹ đầu tư VFA được UBCKNN cấp phép thành lập với số vốn ban đầu là 240.437.600.000 (hai trăm bốn mươi tỷ bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm ngàn) đồng, hoạt động trong vòng 05 năm.

- Dịch vụ quản lý danh mục đầu tư:

Trong thời gian đầu thành lập công ty, công ty VFM đã thực hiện việc quản lý danh mục đầu tư cho ngân hàng Sài Gòn Thương Tín với quy mô 50 tỷ. Và tính đến nay, công ty VFM đang quản lý giá trị ủy thác ban đầu hơn 75 tỷ đồng cho các khách hàng.

Các thông tin về hoạt động của Công ty quản lý quỹ VFM trong quá khứ không có hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty trong tương lai.

Bản cáo bạch không được cung cấp vì mục đích riêng, theo xu hướng thổi phồng các thành công và che đậy thất bại đối với các thông tin về tình hình hoạt động, kinh nghiệm quản lý trong quá khứ cũng như hiện tại của Công ty quản lý quỹ, tình hình hoạt động trong quá khứ cũng như hiện tại của các quỹ khác do Công ty quản lý quỹ đang quản lý.

3. Thông tin về Ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát của Quỹ đầu tư VFA sẽ là Ngân Hàng Far East National Bank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Giấy Chứng nhận số 21/QPCK – GCN do UBCKNN cấp ngày 27/7/2007

Giấy Chứng nhận số 66/GCNTVLK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán cấp ngày 28/9/2007

Địa chỉ: Tòa nhà Saigon Riverside Office Center, 2A-4A, Tôn Đức Thắng Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8) 3822 0566

Fax: (84-8) 83827 5307

Website: www.fareastnationalbank.com

Ngân hàng Far East National Bank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh là Ngân hàng giám sát chính thức cho Quỹ đầu tư VFA khi được Đại hội Nhà đầu tư thông qua ngày 15/4/2010, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ (đính kèm theo Bản cáo bạch này là Hợp đồng giám sát ở Phụ lục số 05).

4. Thông tin về Công ty kiểm toán

Hàng năm, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ đề xuất ít nhất 02 Công ty kiểm toán để trình Đại hội nhà đầu tư lựa chọn. Công ty kiểm toán được lựa chọn sẽ thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ đầu tư VFA, để đảm bảo tính chính xác các số liệu báo cáo cho Nhà đầu tư.

Công ty kiểm toán dự kiến của Quỹ đầu tư VFA sẽ là Công ty Kiểm toán Ernst & Young hoặc Công ty KPMG hoặc Công ty Price WaterCooperHouse (PWC).

Công ty Kiểm toán Ernst & Young

Địa chỉ: Lầu 8, Saigon Riverside Office Center, 2A-4A Tôn ĐứcThắng, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: +84 8 824 5252

Fax: +84 8 824 5250

Website: www.ey.com/vn

Công ty kiểm toán KPMG

Địa chỉ: Lầu 10, Toà nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : +84 8 3821 9266

Fax: +84 8 821 9267

Website: www.kpmg.com.vn

Công ty kiểm toán Price WaterCooperHouse (PWC)

Địa chỉ: Lầu 3, Toà nhà Saigon Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : +84 8 3823 0796

Fax: 84 8 3825 1947

Website: www.pwc.com/vn

5. Thông tin về Công ty tư vấn luật

Nhằm đảm bảo cho hoạt động của Quỹ đầu tư VFA tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, sau khi thành lập và trong quá trình hoạt động, Quỹ đầu tư VFA đã chọn Công ty Luật TNHH Quốc tế Việt Nam (VILAF) và hoạt động tư vấn của VILAF sẽ được thực hiện theo từng trường hợp cụ thể khi được Công ty VFM yêu cầu (đính kèm theo Bản cáo bạch này là Thỏa thuận tư vấn luật ở Phụ lục số 05).

Địa chỉ: Phòng 505 – 507, Sài Gòn Tower, 29 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8) 38277 300

Fax: (84-8) 838277 303

Website: www.vilaf.com.vn

VI. NIÊM YẾT CHỨNG CHỈ QUỸ ĐẦU TƯ VFA

1. Các thông tin chung về niêm yết chứng chỉ quỹ

- Tên chứng khoán: Quỹ Đầu tư Năng Động Việt Nam
- Loại chứng khoán: Chứng chỉ quỹ đại chúng dạng đóng
- Mệnh giá: 10.000 (Mười nghìn) VNĐ
- Tổng số chứng khoán niêm yết: 24,043,760 (Hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi ngàn bảy trăm sáu mươi) đơn vị quỹ
- Phương pháp tính giá: Dựa trên mệnh giá cộng thêm phí phát hành chứng chỉ quỹ VFA.
- Giá niêm yết dự kiến: 10.300 đồng/chứng chỉ quỹ

2. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về việc uỷ quyền cho Công ty quản lý quỹ VFM về việc tiến hành các thủ tục niêm yết

Việc niêm yết chứng chỉ quỹ trên Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM đã được Đại hội Nhà đầu tư lần thứ nhất của Quỹ đầu tư VFA thông qua vào ngày 15/4/2010.

Căn cứ vào Điều 7 Nghị quyết số 02/VFA-2010/NQĐH ngày 15/4/2010 của Đại hội Nhà đầu tư thành lập Quỹ đầu tư Năng Động Việt Nam (VFA) – Công ty quản lý quỹ VFM được Đại hội Nhà đầu tư uỷ quyền tiến hành các thủ tục niêm yết chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư VFA trên Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM (Nghị quyết số 02/VFA-2010/NQĐH ngày 15/4/2010 được đính kèm với Bản cáo bạch này tại Phụ lục số 02).

3. Số lượng chứng chỉ quỹ bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành

Tổng số lượng chứng chỉ quỹ của Ban đại diện Quỹ đầu tư VFA bị hạn chế chuyển nhượng là 5.770.000 (năm triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn) chứng chỉ quỹ theo Điều 8, Điều 10 của Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ. Trong đó, các thành viên Ban đại diện Quỹ đầu tư VFA cam kết nắm giữ 100% số chứng chỉ quỹ do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số chứng chỉ quỹ trong thời gian 6 tháng tiếp theo.

VII. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường Việt Nam thì tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ VFA đối với người nước ngoài không vượt quá 49% vốn điều lệ của Quỹ.

VIII. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN (thuế thu nhập và các thuế khác liên quan đến chứng khoán niêm yết)

Được quy định trong các văn bản pháp lý sau:

Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007.

Thông tư số 84/2008/TT-BTC ngày 30/9/2008 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/9/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

Thông tư số 134/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam.

IX. CAM KẾT

Công ty VFM cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

X. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

1. Phụ lục số 01: Điều lệ quỹ đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua ngày 15/4/2010
2. Phụ lục số 02: Nghị quyết số 01/VFA-2010/NQĐH ngày 15/4/2010 của Đại hội Nhà đầu tư lần thứ nhất
3. Phụ lục số 03: Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đầu tư VFA, 14/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 02/4/2010.
4. Phụ lục số 04: Cam kết của Ban đại diện về việc thông qua Hợp đồng giám sát tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất.
5. Phụ lục số 05: Hợp đồng giám sát và Thỏa thuận tư vấn luật.
6. Phụ lục số 06: Báo cáo tài chính tháng 5/2010, tháng 6/2010 và các báo cáo tài chính tuần gần nhất của Quỹ đầu tư VFA
7. Phụ lục số 07 : Cam kết của Ban đại diện đề xuất chỉnh sửa Điều lệ theo yêu cầu của bên Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM
8. Phụ lục số 8: Giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến chứng chỉ quỹ niêm yết:
 - Luật Doanh nghiệp do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 11 năm 2005;
 - Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007;
 - Nghị định 01/2010/NĐ-CP hướng dẫn về chào bán cổ phần riêng lẻ;
 - Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
 - Nghị định 36/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
 - Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ;
 - Quyết định số 125/2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính;
 - Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

- Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy chế thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường Việt Nam;
- Quyết định số 121/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính ban hành Quy chế hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam;
- Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán;
- Thông tư số 09/2010/TT-BTC hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan.

11. Địa chỉ cung cấp Bản cáo bạch:

- **Trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)

Lầu 10, Cao ốc Văn phòng Central Plaza, 17 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM, Việt Nam

Tel: (84.8) 38251488 Fax: (84.8) 38251489

Email: info@vinafund.com Website: www.vinafund.com

- **Chi nhánh Hà nội:**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam

Phòng 1208, Tầng 12, Tòa nhà Pacific Place, 83B Lý Thường Kiệt, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

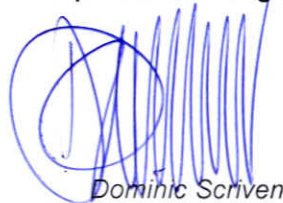
Tel: (84.4) 3942 8168 Fax: (84.4) 3942 8169



Tổng Giám đốc Công ty VFM

Trần Thanh Tân

Chủ tịch HĐQT Công ty VFM

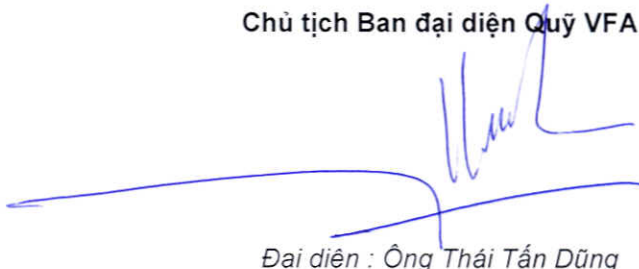

Dominic Scriven

Giám đốc tài chính Công ty VFM



Lê Thị Thành Tâm

Chủ tịch Ban đại diện Quỹ VFA


Đại diện : Ông Thái Tấn Dũng

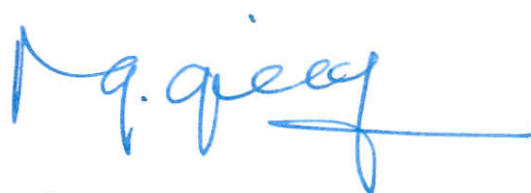
Thành viên Ban đại diện Quỹ VFA



Ông Phan Ngọc Diệp

(Đại diện: Công ty CP Đầu tư & Phát triển đô thị & KCN Sông Đà)

Thành viên Ban đại diện Quỹ VFA



Ông Nguyễn Trường Giang

(Đại diện: Công ty CP Bảo hiểm Bưu điện)

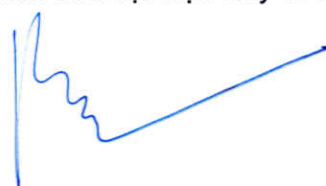
Thành viên Ban đại diện Quỹ VFA



Ông Nguyễn Mạnh Hải

(Đại diện: Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex)

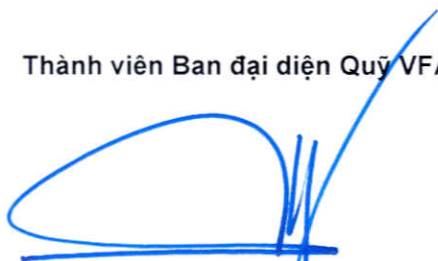
Thành viên Ban đại diện Quỹ VFA



Ông Bùi Nguyên Quỳnh

(Đại diện: Công ty Tài chính CP Xí măng)

Thành viên Ban đại diện Quỹ VFA



Ông Vũ Trung Thành

(Đại diện: Công ty CPCK Ngân hàng Công Thương Việt Nam)

Thành viên Ban đại diện Quỹ VFA



Ông Lê Anh Tuấn

Ngân hàng Giám sát

Tổng giám đốc



Ông Ricky Chen

BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT
QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM (VFA)

QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM (VFA)

- QUỸ ĐẦU TƯ VFA -

---o0o---



ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

TP. Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2010

MỤC LỤC

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ	4
2. CÁC ĐỊNH NGHĨA.....	5
CHƯƠNG I CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	8
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ	8
Điều 2. Mục tiêu đầu tư của Quỹ.....	8
Điều 3. Thời hạn hoạt động của Quỹ	8
Điều 4. Nguyên tắc tổ chức.....	8
Điều 5. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ Quỹ chào bán.....	8
Điều 6. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ	8
Điều 7. Công ty quản lý quỹ	9
Điều 8. Ngân hàng giám sát.....	9
CHƯƠNG II CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	9
Điều 9. Mục tiêu đầu tư	9
Điều 10. Chiến lược đầu tư	9
Điều 11. Hạn chế đầu tư	11
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư	11
CHƯƠNG III NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ	14
Điều 13. Nhà đầu tư	14
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư	14
Điều 15. Sổ đăng ký nhà đầu tư.....	15
Điều 16. Chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ	15
Điều 17. Thừa kế chứng chỉ Quỹ	15
Điều 18. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ.....	16
CHƯƠNG IV ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	16
Điều 19. Đại hội nhà đầu tư thường niên.....	16
Điều 20. Đại hội Nhà đầu tư bất thường	16
Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư	17
Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư	17
Điều 23. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư	18
CHƯƠNG V BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	18
Điều 24. Ban đại diện Quỹ.....	18
Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ.....	19
Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ	19
Điều 27. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ	20
Điều 28. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ.....	20
Điều 29. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ	20
Điều 30. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ	21
CHƯƠNG VI CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	21
Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ	21
Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ	21
Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ	22
Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ.....	23
CHƯƠNG VII NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	24

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát	24
Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát	24
Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát	24
CHƯƠNG VIII KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	25
Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán	25
Điều 39. Năm tài chính	25
Điều 40. Chế độ kế toán.....	25
Điều 41. Báo cáo tài chính	25
Điều 42. Báo cáo khác	25
CHƯƠNG IX PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ	25
Điều 43. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ	25
Điều 44. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ	26
CHƯƠNG X PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG	27
Điều 45. Phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ	27
CHƯƠNG XI GIẢI THỂ, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ	27
Điều 46. Các điều kiện giải thể Quỹ	27
Điều 47. Thanh lý tài sản Quỹ khi giải thể.....	27
Điều 48. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập Quỹ	28
CHƯƠNG XII PHÍ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	28
Điều 49. Phí phát hành chứng chỉ Quỹ đóng	28
Điều 50. Thu nhập của quỹ	28
Điều 51. Phí quản lý quỹ	28
Điều 52. Phí lưu ký và giám sát	28
Điều 53. Chi phí khác	28
Điều 54. Cổ tức quỹ.....	29
Điều 55. Thưởng hoạt động	29
CHƯƠNG XIII GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH	30
Điều 56. Kiểm soát xung đột lợi ích	30
CHƯƠNG XIV CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ	30
Điều 57. Công bố thông tin.....	30
Điều 58. Thay đổi điều lệ.....	30
Điều 59. Đăng ký điều lệ	30
Điều 60. Điều khoản thi hành	31
PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	32
PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	33
PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT.....	34
PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THƯỞNG HOẠT ĐỘNG.....	35

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA) và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2007;
- Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Nghị định 36/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính Phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ;
- Quyết định số 125/2008/QĐ-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài Chính về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính;
- Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy chế thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường Việt Nam;
- Quyết định số 121/2008/QĐ-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính ban hành Quy chế hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 88/2009/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam;
- Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán;
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác.

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

“Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam”	(Sau đây gọi tắt là Quỹ đầu tư VFA) là quỹ đầu tư chứng khoán thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, có mức vốn góp của các nhà đầu tư ban đầu là 240.437.600.000 (hai trăm bốn mươi tỷ bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm ngàn) đồng Việt Nam được thành lập theo Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/6/2006 và các văn bản pháp luật có liên quan, chịu sự quản lý về mặt hành chính của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
“Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam – VietFund Management (VFM)”	(Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ VFM) là một công ty cổ phần với cổ đông sáng lập là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management Limited, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN, với lĩnh vực hoạt động là quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Công ty quản lý quỹ VFM được nhà đầu tư ủy thác quản lý Quỹ đầu tư VFA. Công ty quản lý quỹ được nhà đầu tư ủy thác quản lý quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Chương VI của Điều lệ này.
“Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Sacombank”	(Sau đây gọi tắt là Sacombank) là ngân hàng thương mại cổ phần, được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 0301103908 ngày 13/01/1992 cấp bởi Sở Kế hoạch đầu tư TP. HCM, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.
“Dragon Capital Management Limited”	(Sau đây gọi tắt là DCM) là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật của British Virgin Islands thuộc Dragon Capital Group, là cổ đông sáng lập của Công ty quản lý quỹ VFM.
“Ngân hàng giám sát”	Là Ngân Hàng Far East National Bank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh thành lập theo Giấy phép thành lập số 03/NHNN-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 20/5/2004 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 21/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 27/7/2007, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ này.
“Công ty kiểm toán”	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ đầu tư VFA, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ đầu tư VFA và nằm trong Danh sách Công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định.
“Điều lệ quỹ”	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). Điều lệ quỹ được Đại hội nhà đầu tư thông qua. Trong lần huy động quỹ đầu tiên, điều lệ được soạn thảo phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.
“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng chỉ quỹ của Quỹ
“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ VFM và ngân hàng giám sát của Quỹ đầu tư VFA.
“Quỹ đầu tư chứng khoán dạng đóng”	(Sau đây gọi tắt là quỹ đóng) Là Quỹ đại chúng mà chứng chỉ quỹ đã chào bán ra công chúng không được mua lại theo yêu cầu của nhà đầu tư;

“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA.
“Nhà đầu tư ưu đãi”	Là Nhà đầu tư được tham gia mua chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng với giá phát hành ưu đãi được thông báo cụ thể theo Bảng Thông báo phát hành sau khi Quỹ đầu tư VFA được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng. Bao gồm những nhà đầu tư sau: + Nhà đầu tư đang nắm giữ chứng chỉ Quỹ đầu tư Chứng khoán Việt Nam (VF1) vào thời điểm phát hành ra công chúng chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA + Nhà đầu tư đang nắm giữ chứng chỉ Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4) vào thời điểm phát hành ra công chúng chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA + Nhà đầu tư đang nắm giữ chứng chỉ Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VF2) vào thời điểm phát hành ra công chúng chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA. + Nhà đầu tư đăng ký mua trên 5.000 (năm ngàn) đơn vị Quỹ đầu tư VFA.
“Đại hội nhà đầu tư”	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ đầu tư VFA. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ đầu tư VFA.
“Ban đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ đầu tư VFA, Công ty quản lý quỹ VFM và Ngân hàng giám sát.
“Vốn điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền Việt Nam đồng do tất cả Nhà đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ này.
“Đơn vị Quỹ”	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều đơn vị bằng nhau với mệnh giá của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/ đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA”	(Sau đây gọi là Chứng chỉ) là loại chứng khoán do Công ty quản lý quỹ VFM đại diện cho Quỹ đầu tư VFA phát hành, xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư đối với tài sản hoặc vốn của Quỹ đầu tư VFA theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị Quỹ của nhà đầu tư đó trong vốn điều lệ của Quỹ đầu tư VFA.
“Giá phát hành”	Là giá của mỗi đơn vị quỹ được phát hành lần đầu tương đương mệnh giá của đơn vị quỹ cộng với phí phát hành.
“Phí phát hành”	Là phí mà Quỹ đầu tư VFA phải trả cho Công ty quản lý quỹ VFM để trang trải những chi phí cho việc phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng. Phí này được cộng vào mệnh giá một chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA và thu khi phát hành và không vượt quá mức tối đa là 3% mệnh giá chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA.
“Phí quản lý quỹ”	Là phí phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều 51 của Điều lệ này.
“Thưởng hoạt động”	Là khoản thưởng được Quỹ đầu tư VFA trả cho Công ty quản lý quỹ VFM ngoài phí quản lý quỹ. Thưởng hoạt động được trình bày chi tiết tại Điều 55 và Phụ lục 4 của Điều lệ này.

“Cổ tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội Nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư.
“Ngày đóng Quỹ”	Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho Quỹ đầu tư VFA theo quy định của pháp luật hiện hành
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ đầu tư VFA sẽ được tính từ ngày Quỹ đầu tư VFA được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.
“Giá trị tài sản ròng của Quỹ”	Là tổng giá trị các tài sản của Quỹ trừ đi tổng giá trị nợ phải trả của Quỹ.
“Thời điểm định giá”	Là ngày làm việc cuối cùng mà Công ty quản lý quỹ VFM xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA.
“Người có liên quan”	Theo khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán do Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006.
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong luật chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Chương I

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

Tên Quỹ đại chúng:	Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)
Tên tiếng Anh:	Vietnam Active Fund
Tên viết tắt:	Quỹ đầu tư VFA
Địa chỉ liên hệ:	Lầu 10, Cao ốc Văn phòng Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại:	+84 -8 38 251 488
Fax:	+84- 8 38 251 489
Website:	www.vinafund.com

Điều 2. Mục tiêu đầu tư của Quỹ

Mục tiêu chính của Quỹ đầu tư VFA là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam, song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi, dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following).

Điều 3. Thời hạn hoạt động của Quỹ

1. Thời hạn hoạt động của Quỹ đầu tư VFA là 05 (năm) năm tính từ ngày hoàn tất việc huy động vốn và chính thức đăng ký lập Quỹ với cơ quan có thẩm quyền.
2. Thời hạn hoạt động của Quỹ có thể được gia hạn thêm do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và được sự chấp thuận của UBCKNN.
3. Khi có sự thay đổi về thời hạn hoạt động của Quỹ, điều khoản này sẽ được thay đổi tương ứng.

Điều 4. Nguyên tắc tổ chức

1. Quỹ đầu tư VFA là quỹ công chúng dạng đóng, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29 tháng 6 năm 2006, và hệ thống luật pháp hiện hành và các quy định trong bản Điều lệ này.
2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ đầu tư VFA không có nghĩa vụ phải mua lại chứng chỉ quỹ đã được phát hành cho nhà đầu tư.
3. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ đầu tư VFA là Đại hội Nhà đầu tư.
4. Ban đại diện Quỹ đầu tư VFA sẽ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ đầu tư VFA, Công ty quản lý quỹ VFM và Ngân hàng giám sát.
5. Công ty quản lý quỹ VFM do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ.

Điều 5. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ Quỹ chào bán

1. Tổng vốn của Quỹ đầu tư VFA do vốn đóng góp của nhà đầu tư tạo thành. Việc góp vốn có thể thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Quỹ đầu tư VFA mở tại ngân hàng giám sát.
2. Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ đầu tư VFA là 240.437.600.000 (hai trăm bốn mươi tỷ bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm ngàn) đồng Việt Nam. Số vốn này được chia thành 24.043.760 (hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm sáu mươi) đơn vị quỹ. Mệnh giá của mỗi đơn vị quỹ là 10.000 đồng.
3. Việc tăng hay giảm vốn huy động của Quỹ đầu tư VFA phải do Đại hội Nhà đầu tư quyết định và được UBCKNN chấp thuận.
4. Khi có sự thay đổi về vốn của Quỹ đầu tư VFA, điều khoản này sẽ thay đổi tương ứng.

Điều 6. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ

1. Quỹ đầu tư VFA chỉ định Công ty quản lý quỹ VFM làm đại diện huy động vốn và phát hành thêm chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA nhằm tăng vốn điều lệ của Quỹ. Việc phát hành thêm chứng chỉ quỹ nhằm tăng vốn điều lệ phải được sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư, UBCKNN. Phương án phát hành chi tiết phải được Đại hội nhà đầu tư lần gần nhất phê duyệt.

2. Người có liên quan của Công ty quản lý quỹ VFM, người hành nghề quản lý quỹ tại Công ty quản lý quỹ VFM và người làm việc tại Công ty quản lý quỹ VFM chỉ được mua, bán các chứng chỉ quỹ VFA thông qua hệ thống giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM khi chứng chỉ quỹ VFA đã được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM Trong đợt phát hành lần đầu của Quỹ VFA để huy động vốn thì người có liên quan của Công ty quản lý quỹ VFM, người hành nghề quản lý quỹ tại Công ty quản lý quỹ VFM và người làm việc tại Công ty quản lý quỹ VFM không được tham gia mua chứng chỉ quỹ VFA.

Điều 7. Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ VFM là một Công ty Cổ phần với cổ đông sáng lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Dragon Capital Management, được thành lập theo Giấy phép số 45/UBCK-GP ngày 08/01/2009 của UBCKNN. Công ty quản lý quỹ VFM là Công ty quản lý quỹ chính thức của Quỹ đầu tư VFA. Công ty hoạt động dưới sự điều chỉnh của Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

Công ty quản lý quỹ VFM có trụ sở chính tại:

Lầu 10, Cao ốc Văn phòng Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-8)-38251488 Fax: (84-8)-38251489

Website: www.vinafund.com

Và chi nhánh tại:

Phòng 1208, Tầng 12, Tòa nhà Pacific Place, 83B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3942 8168 Fax: (84-4) 3942 8169

Điều 8. Ngân hàng giám sát

Là Ngân hàng Far East National Bank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh thành lập theo Giấy phép thành lập số 03/NHNN-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 20/5/2004 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 21/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 27/7/2007, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ.

Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng giám sát được quy định tại Chương VII của Điều lệ này.

Ngân hàng Far East National Bank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh có trụ sở tại:

Toà nhà Trung tâm Văn phòng Sài Gòn Riverside, số 2A-4A, Tôn Đức Thắng, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 38 220 566 Fax: (84-8) 38 220 560

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 9. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ đầu tư VFA là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following) nhằm mang lại lợi nhuận ròng cho quỹ song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi.

Điều 10. Chiến lược đầu tư

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, Quỹ đầu tư VFA sử dụng mô hình đầu tư theo xu hướng thị trường (trend following). Mô hình đầu tư theo xu hướng thị trường ứng dụng phương pháp định lượng như sử dụng các mô hình thống kê một khối lượng lớn dữ liệu trên hệ thống máy vi tính để nắm bắt chính xác các xu hướng trung và dài hạn xuất hiện trên các thị trường khác nhau. Nói một cách cụ thể, mô hình này đầu tư dựa trên cơ chế như sau: mua khi thị trường có xu hướng tăng và bán khống khi thị trường có xu hướng giảm. Vì bán khống (short sell) chưa được thực hiện ở thị trường Việt Nam, chiến lược đầu tư theo xu hướng mà Quỹ đầu tư VFA sử dụng không thể tìm kiếm lợi nhuận khi thị trường đi vào xu hướng giảm. Tuy nhiên, chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường mà Quỹ đầu tư VFA đề ra vẫn có khả năng tạo ra lợi nhuận ở cả hai xu hướng thị trường (xu hướng lên và xu hướng xuống) trong tương lai khi luật cho phép nghiệp vụ bán khống được thực hiện. Chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường không tìm cách dự đoán thị trường mà thay vào đó là giải ngân khi thị trường đã xuất hiện các xu thế rõ ràng và thoát khỏi thị trường (exit) khi các xu thế trên đã kết thúc hoặc đảo chiều. Hơn nữa, phương pháp đầu tư này có mức lợi nhuận không tương quan với phương pháp đầu tư truyền

thống (“buy and hold”) vì chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường thực hiện bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi.

a. Cơ cấu tài sản:

Quỹ đầu tư VFA sẽ phân bổ tài sản giữa chứng khoán niêm yết và tiền mặt hoặc tài sản khác tương đương tiền theo tỷ trọng khác nhau ở các thời điểm khác nhau tùy thuộc vào dự báo mua/bán tương ứng điều kiện thị trường. Trong cơ cấu chứng khoán niêm yết, Quỹ đầu tư VFA sẽ đầu tư vào rổ cổ phiếu đại diện cho VN-Index vì thế sẽ có biến động gần giống với biến động của VN-Index.

Do đặc thù cần đầu tư vào các loại tài sản có thanh khoản cao, Quỹ đầu tư VFA thực hiện đầu tư vào các loại tài sản sau:

- Chứng khoán niêm yết;
- Trái phiếu niêm yết, bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu công ty;
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm chứng chỉ tiền gửi tại tổ chức tín dụng, tín phiếu kho bạc và thương phiếu với thời gian đáo hạn tính từ ngày phát hành không quá một (01) năm;
- Các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

Hiện tại, do điều kiện thị trường Việt Nam chưa phát triển các thị trường khác như thị trường lãi suất, thị trường ngoại hối, thị trường hàng hóa v.v, nên Quỹ đầu tư VFA sẽ không đầu tư vào các loại tài sản khác ngoại trừ chứng khoán niêm yết trong tương lai gần. Tuy nhiên, Quỹ đầu tư VFA vẫn đề ngỏ khả năng đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết cũng như các loại tài sản khác nếu thị trường các tài sản đó được cho phép bởi Luật và đáp ứng được yêu cầu về chất lượng cũng như thanh khoản.

b. Lĩnh vực đầu tư:

Với chiến lược đầu tư vào rổ cổ phiếu đại diện cho VN-Index, cơ cấu danh mục đầu tư theo ngành nghề của Quỹ đầu tư VFA chủ yếu dựa trên cơ cấu ngành nghề của các cổ phiếu có vốn hóa thị trường lớn. Do hầu hết các tổng công ty nhà nước cổ phần hóa và các công ty tư nhân lớn có mức vốn điều lệ lớn, ảnh hưởng nhiều đến vốn hóa thị trường và tỷ trọng của các cổ phiếu hiện tại đang niêm yết khi các công ty mới này lên niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Tùy theo tiến độ niêm yết của các tổng công ty nhà nước cổ phần hóa và các công ty tư nhân lớn, cơ cấu đầu tư của Quỹ sẽ thay đổi.

Dự kiến lĩnh vực đầu tư của VFA sẽ chia thành 12 nhóm ngành nghề với tỷ trọng phân được chia làm 2 giai đoạn dựa trên tiến độ cổ phần hóa và niêm yết dự kiến của các công ty lớn.

Giai đoạn từ năm 2010 – năm 2012:

- Ngân hàng - Dịch vụ tài chính: 30%
- Thực phẩm - Nước giải khát: 5%
- Vật liệu - Khai khoáng: 10%
- Cơ sở hạ tầng - Bất động sản: 20%
- Tiềm ích công cộng: 5%
- Năng lượng: 7%
- Bán lẻ: 7%
- Hàng tiêu dùng: 3%
- Bảo hiểm: 5%
- Hàng hóa công nghiệp: 4%
- Dược phẩm: 1%
- Vận tải: 3%

Giai đoạn từ năm 2012 – năm 2015

- Ngân hàng - Dịch vụ tài chính: 30%

- Thực phẩm - Nước giải khát: 10%
- Vật liệu - Khai khoáng: 10%
- Cơ sở hạ tầng - Bất động sản: 15%
- Tiện ích công cộng: 2%
- Năng lượng: 3%
- Bán lẻ: 3%
- Hàng tiêu dùng: 1%
- Bảo hiểm: 1%
- Hàng hóa công nghiệp: 2%
- Vận tải: 3%
- Viễn thông: 20%

Điều 11. Hạn chế đầu tư

Công ty quản lý quỹ chỉ được đầu tư vốn của Quỹ đầu tư VFA vào chứng khoán hoặc tài sản khác phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật, do đó Quỹ đầu tư VFA sẽ có những hạn chế sau:

1. Căn cứ vào quy mô của Quỹ đầu tư VFA

- Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Không được đầu tư quá 30% tổng tài sản của quỹ vào các công ty trong cùng một tập đoàn hay một nhóm công ty có quan hệ sở hữu lẫn nhau;
- Không được đầu tư quá 10% tổng tài sản của quỹ vào bất động sản;
- Không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào;
- Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản quỹ vào cổ phiếu các tổ chức phát hành riêng lẻ hoặc các tài sản tài chính khác;
- Quỹ đầu tư VFA sẽ không dùng các khoản vay để tài trợ các dự án đầu tư, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết. Tuy nhiên trong mọi trường hợp tổng vay ngắn hạn sẽ không vượt quá 5% tổng giá trị tài sản ròng và thời hạn vay tối đa là 30 ngày.

2. Căn cứ vào quy mô của khoản đầu tư

- Không đầu tư quá 15% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- Không đầu tư vào chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA hoặc vào chứng chỉ, vốn góp của Quỹ đầu tư chứng khoán khác;
- Không được sử dụng tài sản của Quỹ đầu tư VFA để góp vốn liên doanh, liên kết hoặc đầu tư vào chính Công ty quản lý quỹ VFM, đầu tư vào tổ chức kinh tế là người có liên quan của Công ty quản lý quỹ VFM, tổ chức kinh tế là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc Công ty quản lý quỹ VFM, người hành nghề quản lý quỹ tại Công ty quản lý quỹ VFM.

3. Cơ cấu đầu tư của Quỹ đầu tư VFA được phép sai lệch nhưng không quá 15% so với những hạn chế đầu tư. Các sai lệch phải là kết quả của việc tăng giá thị trường của tài sản đầu tư, việc thay đổi giá trị do thực hiện các quyền ưu đãi của tài sản đầu tư và các thanh toán hợp pháp của Quỹ. Công ty quản lý quỹ VFM có nghĩa vụ báo cáo UBCKNN về các sai lệch trên. Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh, Công ty quản lý quỹ VFM phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để bảo đảm các hạn mức đầu tư quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Quỹ đầu tư VFA phân tích và xác định xu hướng thị trường và đưa ra tín hiệu mua bán dựa trên những thuật toán đã được lập trình xuất phát từ:

- (i) các chỉ báo mua bán
- (ii) hệ thống quản lý rủi ro (risk management) và

(iii) hệ thống phân bổ tài sản (money management).

Những yếu tố trên được kết hợp một cách khoa học nhằm tạo nên một hệ thống mua bán chuyên nghiệp và thống nhất. Cơ chế mua bán theo xu hướng này được dự trù sẽ tạo ra 3 đến 4 tín hiệu mua bán trong một năm trên chỉ số thị trường (VN-Index) hơn là tập trung tạo ra những tín hiệu mua bán của từng loại chứng khoán cụ thể. Vì thế, danh mục của Quỹ đầu tư VFA sẽ là rổ chứng khoán có biến động gần giống như biến động của VN-Index.

Yếu tố đầu tiên của mô hình đầu tư theo xu hướng được lập trình trước để tự động đưa ra:

- (i) những chỉ báo mua để giải ngân vào thị trường chỉ sau khi xu hướng đi lên được xác định và
- (ii) những chỉ báo bán để thực hiện hóa lợi nhuận khi xu hướng ban đầu kết thúc hoặc đảo chiều.

Hệ thống phân bổ tài sản (money management) của mô hình quyết định quy mô phân bổ tài sản đầu tư của các mua bán trên để tối đa mức tăng trưởng vốn đầu tư và giảm thiểu rủi ro giảm giá trị tài sản trong dài hạn. Lý thuyết thông tin (The Information Theory) được ứng dụng trong hệ thống phân bổ tài sản và hệ thống quản lý rủi ro của Quỹ đầu tư VFA.

Hệ thống quản lý rủi ro của mô hình quyết định:

- (i) cơ chế cắt lỗ (cut-loss) khi mô hình đưa ra tín hiệu mua sai để hạn chế lỗ và
- (ii) cơ chế tái đầu tư (re-entry) khi mô hình đưa ra tín hiệu cắt lỗ (cut-loss) sai để không bỏ lỡ xu hướng tiếp theo.

Hơn nữa, Quỹ đầu tư VFA còn sử dụng mô hình tối ưu hóa các tham biến (parameter) để (1) các tín hiệu mua bán tiệm cận hơn với đỉnh và đáy của thị trường, (2) ngăn chặn các chỉ báo đưa ra quá nhiều tín hiệu giả (whipsaw) và (3) tạo ra cơ chế cắt giảm quy mô đầu tư trong trường hợp xuất hiện các chỉ báo kỹ thuật “phản vệ” (technical counter indicator). Phương pháp tối ưu hóa được ứng dụng từ lý thuyết Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence- Machine Learning).

Mô hình đầu tư theo xu hướng mà Quỹ đầu tư VFA thực hiện sử dụng dữ liệu quá khứ để phân tích và kiểm tra tính hiệu quả của hệ thống và khả năng sinh lợi nhuận ở các điều kiện thị trường khác nhau. Sự phân tích và kiểm tra tính hiệu quả được thực hiện trên mẫu dữ liệu chính (in sample data) và mẫu dữ liệu khác (out of sample data). Trong khi thực hiện việc kiểm tra (back-testing), phí giao dịch (transaction cost) và mức trượt giá (slippage) do ảnh hưởng của tính thanh khoản của thị trường, cũng được đưa vào nhằm bảo đảm độ thiết thực của mô hình.

Quỹ đầu tư VFA thực hiện phương thức kiểm tra đơn vị (unit testing) trên mỗi chiến lược mua bán riêng lẻ. Quỹ đầu tư VFA được chia thành từng danh mục nhỏ theo từng chiến lược đầu tư khác nhau.

a. Các chỉ báo Mua/Bán:

Các chỉ báo sau đây được kiểm tra và thử nghiệm để tìm kiếm những tín hiệu mua bán chính xác và thiết thực trên những điều kiện thị trường khác nhau: các chỉ báo phân tích kỹ thuật về giá (price indicator), về khối lượng giao dịch (volume indicator), về độ biến động của thị trường (volatility indicator) và các chỉ báo của phân tích cơ bản (fundamental analysis indicator) dựa trên lãi suất. Dưới đây là các chỉ báo mua/bán, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- **Các chỉ báo về giá cả (Price indicator):** Chỉ báo này dựa trên nguyên tắc thị trường phản ánh tất cả hoạt động của nó trên giá cả. Một số mô hình mua bán triển vọng đã được nghiên cứu:
 - **Mô hình đường trung bình động (moving average):** Đường trung bình động sử dụng dãy dữ liệu để làm giảm độ dao động trong ngắn hạn của giá và chỉ báo những xu hướng về giá dài hạn. Mô hình này cho tín hiệu mua khi đường trung bình động ngắn hạn cắt đường trung bình động dài hạn theo hướng đi lên hoặc khi giá cắt đường trung bình động theo hướng đi lên. Tín hiệu bán xuất hiện theo hướng ngược lại.
 - **Mô hình dựa trên độ dốc của đường hồi quy (regression slope based indicator):** Độ dốc đường hồi quy của đường trung bình động- nói cách khác, tốc độ tăng hoặc giảm của thị trường- được dùng để bắt đà đi lên/ xuống của thị trường (momentum). Chỉ báo này có thể dùng để đo lường “sức khỏe” của thị trường. Ví dụ như thị trường có thể đang ở xu hướng đi lên nhưng tốc độ tăng giảm lại có thể chỉ báo xu hướng đi lên sắp kết thúc và quay đầu.
 - **Mô hình Parabolic SAR:** Chỉ báo này sử dụng giá trị cao nhất đạt được của giá trong xu hướng lên hoặc giá trị thấp nhất của giá trong xu hướng xuống của thị trường. Tại mỗi bước giá của thị trường, chỉ số SAR mới được tính dựa trên chỉ số SAR của 1 ngày trước đó. Khi giá cổ phiếu tăng/ giảm, SAR cũng sẽ tăng/ giảm với tốc độ tăng dần theo thời gian. Vì thế, mô hình

này sẽ cho tín hiệu mua khi SAR xuất hiện thấp hơn giá và bán khi SAR xuất hiện cao hơn mức giá của thị trường.

- Mô hình dựa trên kênh giá Donchian: Giá cao nhất của giá cao trong ngày trong một khoảng thời gian nhất định trong quá khứ (highest high) và giá thấp nhất của giá thấp trong ngày trong một khoảng thời gian nhất định trong quá khứ (lowest low) tạo nên ngưỡng chặn trên và dưới của giá cổ phiếu. Nếu giá vượt lên trên hoặc xuống dưới kênh giá này thì mô hình sẽ cho tín hiệu mua hoặc bán.
- **Các chỉ báo về khối lượng giao dịch (Volume indicator)**: Đây là các chỉ báo cơ bản thứ 2 để phân tích xu hướng thị trường. Dưới đây là một số mô hình cơ bản dựa trên các chỉ số này:
 - Mô hình dựa trên đường trung bình động của khối lượng giao dịch: Nguyên tắc cơ bản của mô hình này là khối lượng giao dịch sẽ tăng dần theo sự gia tăng về giá và đỉnh của khối lượng giao dịch có thể dự báo xu hướng tăng sắp kết thúc. Mô hình đưa ra tín hiệu mua khi tốc độ tăng của đường trung bình động của khối lượng giao dịch dương và bán khi chỉ số này âm.
 - Mô hình dựa trên chỉ báo về độ rộng của thị trường: là số cổ phiếu tăng giá/ số cổ phiếu giảm giá trong vòng 60 ngày quá khứ để chỉ thị “sức khỏe” của thị trường. Chẳng hạn, thị trường vẫn đang trong xu thế tăng nhưng hơn 50% số cổ phiếu giảm giá chỉ báo xu thế tăng giá có thể sẽ chậm lại. Mô hình cho tín hiệu mua khi chỉ số này vượt xa 1 và bán khi chỉ số này tiệm cận 0.
- **Các chỉ báo về độ biến động (Volatility indicator)**: độ biến động về giá cung cấp thêm thông tin để xác định các diễn biến của giá ngoài khối lượng giao dịch. Một số mô hình tiêu biểu dựa trên các chỉ báo này là:
 - Mô hình dây Bollinger: chỉ báo này đưa ra các ngưỡng cao và thấp tương đối để tìm ra độ biến động cực đại tương đối và xác nhận xu hướng. Có 2 mô hình được nghiên cứu sử dụng dây Bollinger là (1) mô hình chỉ báo xác nhận (confirmation signal) và (2) mô hình chỉ báo đảo chiều (reversal signal). Trong mô hình đầu tiên, mô hình chỉ tín hiệu mua (bán) khi giá cổ phiếu vượt dây Bollinger trên (dưới) và độ rộng của dây tăng dần. Trong mô hình chỉ báo đảo chiều, mua (bán) khi giá vượt ra ngoài dây Bollinger dưới và độ rộng của dây giảm dần.
 - Mô hình dựa trên biến động quá khứ của giá (Historical Volatility): có 2 mô hình được nghiên cứu sử dụng chỉ báo về độ biến động quá khứ: mô hình biến động tương đối và mô hình biến động tuyệt đối. Với mô hình đầu tiên, khi độ biến động trong ngắn hạn có mức rất thấp so với độ biến động dài hạn thì thị trường có khả năng tăng hoặc giảm cao. Vì thế, mô hình này được kết hợp với hệ thống báo hiệu xu hướng khác. Đối với mô hình dựa trên biến động tương đối, hệ thống chỉ đưa ra tín hiệu mua vì thế cần phải được kết hợp với các chỉ báo bán khác để tạo ra một mô hình hoàn chỉnh. Tín hiệu mua từ mô hình này có thể được diễn giải như sau: “Nếu độ biến động quá khứ cao hơn một mức được định sẵn trong một khoảng thời gian và rút xuống thấp hơn mức độ đó thì mua”.
- **Chỉ báo cơ bản (fundamental analysis indicator)**: Mô hình định lượng của Quỹ đầu tư VFA kết hợp các chỉ báo phân tích kỹ thuật và chỉ báo phân tích cơ bản về vĩ mô trong hệ thống. Quỹ đầu tư VFA sử dụng sự chênh lệch giữa lãi suất ngắn hạn và lãi suất qua đêm và sự chênh lệch giữa lãi suất dài hạn và lãi suất ngắn trong mô hình của mình. Chỉ báo đầu tiên chỉ thị độ thanh khoản của hệ thống ngân hàng và có mối tương quan nghịch (negative relationship) với thị trường chứng khoán. Chỉ báo thứ hai dựa trên tính chất của đường cong lợi suất (yield curve), phản ánh kỳ vọng dài hạn của nhà đầu tư về nền kinh tế, và vì thế có mối tương quan thuận (positive relationship) với thị trường chứng khoán...

b. Hệ thống phân bổ tài sản (Money management) và quản lý rủi ro (Risk management)

Quỹ đầu tư VFA đặc biệt chú trọng đến nghiên cứu sâu về các công cụ quản lý rủi ro và phân bổ tài sản, những yếu tố tạo nên sự khác biệt lớn cho sự tăng trưởng dài hạn của NAV dựa trên ảnh hưởng rất lớn của hiệu ứng lãi kép. Với hệ thống quản lý rủi ro và phân bổ tài sản hợp lý, tốc độ tăng trưởng của tài sản được tối đa hóa và đồng thời giảm thiểu được biến động.

- **Hệ thống phân bổ tài sản**: Quyết định quy mô đầu tư cho mỗi mô hình định lượng dựa trên xác suất sinh lời của mô hình để cân bằng giữa mục tiêu tối đa hóa tăng trưởng dài hạn (capital growth) và giảm thiểu rủi ro phá sản (risk ruin). Quỹ đầu tư VFA sử dụng lý thuyết thông tin (Information theory), được phát kiến bởi nhà nghiên cứu của công ty Bell Labs, Claude Shannon, nhằm tăng cường độ tin cậy của các cuộc liên lạc điện thoại thường và điện thoại di động. Trong lý thuyết này, một trong những yếu tố đo lường quan trọng của thông tin là “entropy”, được tính bằng số bit trung bình cần

thiết cho mỗi cuộc liên lạc. Nếu độ tin cậy của thông tin càng cao, thì entropy - hay số bit trung bình cần thiết cho mỗi cuộc liên lạc - càng thấp và ngược lại. Nói cách khác, độ tin cậy của thông tin càng cao thì lượng thông tin cần thiết trên mỗi kênh thông tin càng cao, vì thế cần ít kênh thông tin hơn (chẳng hạn số bit cần thiết để truyền tải thông tin sẽ ít hơn). Lý thuyết của Shannon cũng chú ý đến “equivocation” - xác suất thông điệp của thông tin đưa ra là sai - và tìm ra cách để loại trừ equivocation ra khỏi kênh thông tin để xác định lượng thông tin chính xác. Thông tin trên thị trường chứng khoán cũng có những equivocation vì độ chính xác của thông tin cũng xảy ra theo xác suất vì thông tin chính xác về thị trường có thể chưa được biết đến một cách đầy đủ. Trong trường hợp của Quỹ đầu tư VFA, mỗi mô hình định lượng đều có xác suất thành công khác nhau, hay mức độ tin cậy khác nhau. Vì thế, lý thuyết thông tin được ứng dụng trong việc phân bổ tài sản ở khía cạnh lý thuyết này báo cho chúng ta biết chính xác làm sao sử dụng độ tin cậy của các mô hình định lượng để phân bổ tài sản vào các mô hình mua bán này.

- **Hệ thống quản lý rủi ro:** Hệ thống này đưa ra các cơ chế cắt lỗ (cut-loss) để giảm khả năng toàn bộ danh mục phát sinh lỗ khi mô hình xuất hiện các tín hiệu mua không thành công (whipsaw) hoặc khi có khủng hoảng. Bên cạnh đó, cơ chế tái gia nhập thị trường (re-enter) cũng được thiết lập để giảm khả năng mua giá cao hơn nhiều so với giá mua ban đầu trước khi tín hiệu cắt lỗ giả xuất hiện. Mặt khác, cơ chế quản lý rủi ro cũng xây dựng các chỉ báo “phản vệ” (technical counter indicator) nhằm xác định thời điểm cắt giảm quy mô đầu tư trong điều kiện thị trường không thuận lợi. Hệ thống này được thiết lập thông qua phương pháp tối ưu hóa dựa trên phương thức Trí tuệ nhân tạo (Artificial intelligence - Machine learning) nói chung và thuật toán tiến hóa (Evolutionary algorithms) nói riêng. Thuật toán tiến hóa mô phỏng thuyết tiến hóa sinh học để tìm ra các đáp án tốt nhất cho các vấn đề có độ phức tạp cao. Yếu tố quyết định của phương pháp này chính là khả năng thích ứng khi điều kiện thị trường thay đổi.

*** Hạn chế của mô hình Quỹ đầu tư VFA**

Mô hình đầu tư theo xu hướng có khả năng thua lỗ khi xuất hiện nhiều tín hiệu giả (whipsaw). Tín hiệu mua giả (Buy whipsaw) xảy ra khi các chỉ báo đưa ra tín hiệu mua, thị trường có những biểu hiện của xu hướng đi lên nhưng sau đó quay đầu đến mức cắt lỗ làm Quỹ phải thanh toán hoàn toàn danh mục. Mặt khác, tín hiệu cắt lỗ giả (cut-loss whipsaw) xuất hiện khiến Quỹ thoát hoàn toàn khỏi thị trường nhưng thị trường lại bắt đầu một xu hướng tăng thật sự. Những tín hiệu giả có thể làm cho lợi nhuận của Quỹ thấp hơn lợi nhuận của Quỹ đầu tư theo phương pháp truyền thống (Buy and Hold) nếu mô hình đưa ra tín hiệu giả trong giai đoạn đầu. Một trong những phương pháp để giảm thiểu tín hiệu giả và bảo đảm mức tăng trưởng bền vững là phương pháp kết hợp nhiều chỉ báo khác nhau mà Quỹ đầu tư VFA sẽ áp dụng.

Một hạn chế khác là nguồn dữ liệu hạn chế của thị trường chứng khoán Việt Nam non trẻ, trong khi mô hình định lượng cần được khai thác trên khối lượng thông tin lớn.

Chiến lược đầu tư theo xu hướng được triển khai tối ưu khi sử dụng một hoặc hai mô hình đơn giản trên nhiều loại thị trường khác nhau. Điều này không khả thi đối với thị trường Việt Nam. Một phương pháp thay thế là đa dạng hóa các mô hình mua bán hiệu quả khác nhau và áp dụng vào một thị trường. Quỹ đầu tư VFA thực hiện phương pháp này qua việc đào sâu nghiên cứu nhiều loại chỉ báo khác nhau và đặt hệ thống phân bổ tài sản và quản lý rủi ro lên hàng đầu.

Chương III

NHÀ ĐẦU TƯ, SỞ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VFA bao gồm là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất là 2.000 (hai ngàn) đơn vị Quỹ và không có giới hạn sở hữu tối đa trong mức tổng vốn phát hành. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì với Quỹ đầu tư ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
2. Nhà đầu tư là pháp nhân bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư là pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử này được thực hiện bằng văn bản và gửi đến Công ty quản lý quỹ. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư pháp nhân ký.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền:

- a) Được chia cổ tức hoặc lợi nhuận của Quỹ theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư dựa trên cơ sở quy định tại Điều 54 của Điều lệ này.
- b) Được chuyển nhượng hoặc bán chứng chỉ Quỹ VFA theo quy định tại Điều 16 của Điều lệ này.
- c) Được chia số tài sản còn lại khi Quỹ thanh lý, giải thể hay phá sản, tương ứng với số đơn vị Quỹ nhà đầu tư sở hữu (nếu còn).
- d) Nhận đầy đủ các thông tin thường xuyên định kỳ hoặc bất thường về tình hình hoạt động của Quỹ và báo cáo định kỳ về giá trị tài sản ròng của Quỹ.
- e) Được quyền mua thêm chứng chỉ quỹ phát hành thêm khi Quỹ tăng vốn điều lệ, theo tỷ lệ tương ứng với số đơn vị chứng chỉ Quỹ mà nhà đầu tư hiện sở hữu căn cứ theo Danh sách nhà đầu tư sở hữu chứng chỉ Quỹ do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp.
- f) Được ứng cử và bầu vào Ban đại diện Quỹ đầu tư VFA khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 25 của Điều lệ này.
- g) Quyết định cùng với Đại hội Nhà đầu tư các vấn đề quan trọng liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ theo Điều 21 của Điều lệ này.

2. Nhà đầu tư có nghĩa vụ:

- a) Tuân thủ Điều lệ Quỹ, chấp hành quyết định của Đại hội Nhà đầu tư.
- b) Thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA như đã cam kết theo thời gian quy định và chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số vốn đã góp.
- c) Thực hiện đúng theo những quy định trong Điều lệ này.
- d) Chịu lỗ tương ứng với phần vốn góp (nếu có).

Điều 15. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ VFM lập, lưu trữ và cập nhật kịp thời sổ đăng ký nhà đầu tư từ khi Quỹ đầu tư VFA hoàn tất đợt chào bán ra công chúng lần đầu. Sổ đăng ký nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VFA có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai.

Sổ đăng ký nhà đầu tư phải có các nội dung sau:

- a) Tên Quỹ đầu tư VFA;
 - b) Số Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ, tổng giá trị vốn huy động, thời hạn hoạt động của quỹ;
 - c) Tên, số giấy phép, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
 - d) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, loại chứng chỉ quỹ được quyền chào bán;
 - e) Danh sách nhà đầu tư, địa chỉ liên lạc, số lượng và tỷ lệ sở hữu chứng chỉ quỹ, ngày đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ;
 - f) Ngày lập Sổ đăng ký nhà đầu tư.
2. Sổ đăng ký nhà đầu tư được lưu trữ tại trụ sở Công ty quản lý quỹ VFM và thông báo bằng văn bản cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng giám sát biết.

Điều 16. Chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ

1. Việc chuyển nhượng chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
3. Việc chuyển nhượng của thành viên Ban đại diện quỹ được quy định tại Điều 24, Điều 26 của Điều lệ này

Điều 17. Thừa kế chứng chỉ Quỹ

1. Việc thừa kế chứng chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về việc thừa kế. Quỹ đầu tư VFA chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Công ty quản lý quỹ sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.
3. Việc chuyển nhượng quyền sở hữu chứng chỉ quỹ do việc thừa kế sẽ tuân theo qui trình chuyển nhượng quyền sở hữu chứng khoán của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán và chi nhánh Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán.

Điều 18. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của Quỹ

1. Trong trường hợp Quỹ đầu tư VFA đầu tư bị thua lỗ và có thể dẫn đến phá sản, Ban đại diện Quỹ phải họp xem xét nguyên nhân thua lỗ để quy kết trách nhiệm. Nếu Quỹ bị tổn thất hoặc thua lỗ do yếu tố khách quan, bất khả kháng, sự kiện vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, bệnh dịch, bạo loạn, những đợt khủng hoảng, biến động lớn của toàn bộ thị trường mà những biến động này là kết quả của những tác động, ảnh hưởng tài chính dây chuyền mang tính quốc tế và khu vực,... thì nhà đầu tư phải gánh chịu khoản lỗ tương ứng với tỷ lệ góp vốn của họ và sẽ không nhận cổ tức quỹ trong giai đoạn đó. Trong trường hợp đó, Ban Đại Diện Quỹ sẽ xem xét và đề xuất lên Đại hội Nhà đầu tư một trong những giải pháp sau:
 - (i) Giữ nguyên mức vốn Điều lệ;
 - (ii) Ghi giảm vốn và phải đăng ký lại mức tổng vốn mới;
2. Việc tăng hay giảm vốn Điều lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được sự chấp thuận của Đại hội nhà đầu tư và UBCKNN.
3. Công ty quản lý quỹ VFM phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ đầu tư VFA do nhân viên của Công ty quản lý quỹ VFM hoặc Công ty quản lý quỹ VFM không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường phải được nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm tổn thất chấp thuận.

Chương IV

ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 19. Đại hội nhà đầu tư thường niên

1. Đại hội Nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ đầu tư VFA. Tất cả các nhà đầu tư có tên trong Danh sách đăng ký nhà đầu tư vào ngày chốt quyền tham dự đại hội do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán cung cấp, đều có quyền tham dự Đại hội.
2. Đại hội Nhà đầu tư thường niên do Ban đại diện Quỹ, Công ty quản lý quỹ triệu tập và được tổ chức trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính.
3. Đại hội Nhà đầu tư thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Thời gian tối đa giữa hai kỳ đại hội cách nhau không quá 15 tháng.
4. Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên do công ty quản lý quỹ triệu tập và tổ chức trong vòng hai mươi lăm (25) ngày sau khi hoàn tất đợt chào bán.
5. Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư thường niên và Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên do Quỹ thanh toán.

Điều 20. Đại hội Nhà đầu tư bất thường

1. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ, Ngân hàng giám sát hoặc nhà đầu tư/nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ quỹ liên tục trong vòng ít nhất 6 tháng, được triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường trong những trường hợp sau đây:
 - a) Xem xét sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch, Hợp đồng giám sát;
 - b) Xem xét thay đổi định hướng trong chính sách đầu tư, phương án phân phối lợi nhuận, mục tiêu đầu tư của Quỹ và giải thể Quỹ;
 - c) Xem xét thay thế công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá sản, theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật;
 - d) Xem xét điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ Quỹ cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
 - e) Xem xét việc giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ theo đúng quy định của Điều lệ này;
 - f) Số lượng thành viên Ban đại diện quỹ còn lại dưới 03 (ba) thành viên.
2. Nhà đầu tư/nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ quỹ liên tục trong vòng ít nhất 06 tháng yêu cầu triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường bằng một Văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký đầy đủ của các nhà đầu tư liên quan;

- Việc tổ chức Đại hội nhà đầu tư bất thường theo yêu cầu triệu tập của nhà đầu tư/nhóm nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 10% vốn điều lệ quỹ liên tục trong vòng ít nhất 06 tháng quy định tại khoản 1 Điều này phải được Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận được Văn bản kiến nghị triệu tập hợp lệ. Chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, bên triệu tập họp phải thông báo công khai cho nhà đầu tư về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường.
- Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ, Ngân hàng giám sát phải tổ chức Đại hội Nhà đầu tư bất thường do mình triệu tập theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có thông báo về việc triệu tập Đại hội Nhà đầu tư bất thường. Chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư, bên triệu tập họp phải thông báo công khai cho nhà đầu tư về việc triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư.
- Chi phí của Đại hội Nhà đầu tư bất thường do Quỹ thanh toán, trừ trường hợp Đại hội được tổ chức theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này thì chi phí tổ chức Đại hội bất thường do bên yêu cầu triệu tập chịu trách nhiệm thanh toán.

Điều 21. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội nhà đầu tư

Đại hội Nhà đầu tư có các quyền hạn sau:

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hoặc thành viên của Ban đại diện Quỹ;
- Quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ;
- Xem xét điều chỉnh mức phí trả cho Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
- Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện Quỹ mà những vi phạm này gây tổn thất nghiêm trọng cho Quỹ;
- Quyết định chỉnh sửa, bổ sung Điều lệ Quỹ, hợp đồng giám sát, quyết định việc niêm yết chứng chỉ quỹ đóng;
- Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ và giải thể quỹ;
- Quyết định việc phát hành thêm chứng chỉ quỹ nhằm tăng vốn điều lệ của Quỹ, phương án phát hành và sử dụng vốn thu được từ việc phát hành;
- Quyết định thay đổi Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá sản, theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định của pháp luật;
- Yêu cầu Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội Nhà đầu tư;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm về tài sản và hoạt động của Quỹ;
- Thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ.
- Quyết định giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ theo đúng quy định của Điều lệ này;

Điều 22. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội nhà đầu tư

- Thời gian, chương trình và nội dung dự kiến của Đại hội Nhà đầu tư phải được thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) cho nhà đầu tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước khi tiến hành Đại hội.
- Cuộc họp Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất 51% vốn điều lệ Quỹ. Hình thức tham dự Đại hội có thể là trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền.
- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội Nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
- Đại hội Nhà đầu tư có thể được tổ chức dưới hình thức họp tập trung hoặc không tập trung bằng cách lấy ý kiến bằng văn bản.
- Đại hội Nhà đầu tư sẽ do Chủ tịch Ban đại diện Quỹ chủ trì, nếu Chủ tịch vắng mặt thì Phó Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc bất kỳ người nào khác do Đại hội nhà đầu tư bầu ra sẽ chủ trì.

6. Tất cả cuộc họp của Đại hội Nhà đầu tư phải được lập thành biên bản và lưu giữ ở trụ sở chính của Công ty quản lý quỹ.

Điều 23. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư

1. Mỗi đơn vị quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán, công ty luật, tổ chức định giá bất động sản (nếu có) cung cấp dịch vụ cho Quỹ được quyền tham gia Đại hội Nhà đầu tư nhưng không được biểu quyết.
2. Đại hội Nhà đầu tư thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi đáp ứng các điều kiện sau đây:
 - a. Được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác chấp thuận;
 - b. Đối với quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ, giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ, thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham dự Đại hội và các nhà đầu tư tham gia biểu quyết thông qua các hình thức khác được chấp thuận.
4. Trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội Nhà đầu tư được thông qua nếu được số nhà đầu tư đại diện cho ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết của các nhà đầu tư tham gia biểu quyết chấp thuận.
5. Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là:
 - (a) Thông qua việc điều chỉnh tăng mức phí ngoài phạm vi đã được quy định tại Điều lệ này cho Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát;
 - (b) Thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của Quỹ;
 - (c) Giải thể, sáp nhập, hợp nhất Quỹ, thay đổi Công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát.
6. Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát có trách nhiệm đảm bảo rằng mọi quyết định của Đại hội Nhà đầu tư là phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ.
7. Trong vòng bảy (07) ngày sau khi kết thúc Đại hội Nhà đầu tư, Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lập Biên bản và Nghị quyết Đại hội và gửi cho UBCKNN.
8. UBCKNN có quyền yêu cầu thay đổi nội dung các quyết định trong Nghị quyết Đại hội trong trường hợp nội dung các quyết định này trái với quy định của pháp luật.

Chương V

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 24. Ban đại diện Quỹ

1. Ban đại diện Quỹ đầu tư VFA do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra, đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư.
2. Ban đại diện Quỹ đầu tư VFA có từ 05 (năm) đến 09 (chín) thành viên, trong đó có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban đại diện quỹ là thành viên độc lập (không phải là người có liên quan) của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát.
3. Ban đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là 03 (ba) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội Nhà đầu tư tiếp theo.
4. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên Ban đại diện quỹ không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ.
5. Khi Quỹ đăng ký niêm yết, các thành viên Ban đại diện Quỹ tại thời điểm này phải cam kết hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hiện hành. Cam kết hạn chế chuyển nhượng này có giá trị pháp lý trong suốt thời gian hạn chế chuyển nhượng luật định, kể cả trường hợp thành viên Ban đại diện quỹ đó không còn đương nhiệm. Các quy định về hạn chế chuyển nhượng này chỉ có hiệu lực đối với các thành viên Ban đại diện đã có cam kết tại thời điểm niêm yết.
6. Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn theo quy định tại Điều 29 của Điều lệ này, số lượng thành viên còn lại không dưới 03 (ba) thành viên thì Ban đại diện tiếp tục thực hiện nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức mới gồm các thành viên còn lại. Việc bầu bổ sung thành viên

Ban đại diện quỹ cho đủ số lượng thành viên theo quy định tại Điều lệ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Trường hợp số lượng thành viên còn lại dưới 03 (ba) thành viên thì Ban đại diện quỹ phải triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường để bầu thêm thành viên Ban đại diện quỹ, nhằm đảm bảo về số lượng thành viên Ban đại diện quỹ theo đúng quy định của Điều lệ, trong vòng 02 tháng kể từ ngày thông báo việc thay đổi trên.

7. Công ty quản lý quỹ phải thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện cho nhà đầu tư và báo cáo cho UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM và Ngân hàng giám sát.

Điều 25. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện Quỹ

Thành viên Ban đại diện Quỹ phải hội đủ các điều kiện sau:

- (i) Là nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là pháp nhân, sở hữu ít nhất 3% vốn điều lệ hoặc những người nổi tiếng có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính và thị trường vốn. Thành viên độc lập không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
- (ii) Nếu thành viên là Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ban đại diện thì phải có trình độ quản lý kinh tế, tài chính, am hiểu công việc hoạt động kinh doanh của Quỹ đầu tư.

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện Quỹ

Thành viên Ban đại diện Quỹ có quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn được phân công và phân nhiệm một cách trung thực trong khuôn khổ các quy định của pháp luật hiện hành và của Điều lệ Quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư thông qua;
2. Trung thành với lợi ích của Quỹ, tránh các xung đột về quyền lợi, gây thiệt hại cho Quỹ, bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc trong trường hợp có mâu thuẫn về lợi ích giữa thành viên và Quỹ, giữa thành viên và những người có liên quan của Quỹ;
3. Giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và các tổ chức cung cấp dịch vụ cho Quỹ phù hợp với Điều lệ quỹ và quy định pháp luật;
4. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ;
5. Kiến nghị các chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ;
6. Kiến nghị mức lợi nhuận phân phối cho nhà đầu tư; thông qua thời hạn và thủ tục phân phối lợi nhuận;
7. Kiến nghị việc thay đổi công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát trong trường hợp các tổ chức này bị tước giấy phép hoạt động, bị phá sản hoặc vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Quỹ hoặc Báo cáo bạch hoặc quy định luật hiện hành;
8. Không một thành viên Ban đại diện nào phải chịu trách nhiệm cá nhân về những hành động của mình hoặc bất kỳ hành động nào khác được thực hiện một cách có thiện chí, trung thực, trong sạch, chí công, vô tư, nhân danh Quỹ, phù hợp với phạm vi và quyền hạn được giao theo quy định, hoặc phù hợp với quyền hạn được giao theo Điều lệ Quỹ hoặc phù hợp với Quy chế Ban đại diện và tuân thủ đúng các quy định pháp luật;
9. Tham gia bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trong Ban đại diện Quỹ thuộc thẩm quyền của Ban đại diện Quỹ;
10. Nghiên cứu đánh giá tình hình và kết quả hoạt động, đóng góp ý kiến vào việc xây dựng phương hướng nhiệm vụ và chiến lược phát triển hàng năm, hàng quý của Quỹ;
11. Ban đại diện Quỹ không được trực tiếp hay gián tiếp:
 - a. Dùng tài sản Quỹ cho bất kỳ người đầu tư nào của Quỹ đầu tư vay tiền;
 - b. Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hay cung cấp tài sản thế chấp cho người đầu tư vay tiền;
 - c. Dùng tài sản Quỹ để bảo lãnh hoặc cung cấp tài sản thế chấp cho một công ty khác vay tiền;
 - d. Cung cấp các thông tin không được phép phổ biến của Quỹ đầu tư cũng như của khách hàng cho bất cứ ai.

12. Tham dự các phiên họp Ban đại diện Quỹ, trực tiếp thảo luận và tham gia biểu quyết hoặc gửi phiếu ý kiến tham gia biểu quyết (trong trường hợp vắng mặt tại cuộc họp hoặc trong trường hợp được Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hỏi ý kiến bằng văn bản) để quyết định các vấn đề thuộc nội dung phiên họp;
13. Thực hiện các nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư và các quyết định của Ban đại diện Quỹ;
14. Trên 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban đại diện Quỹ trở lên có quyền quyết định triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư bất thường hoặc Ban đại diện Quỹ phiên bất thường.
15. Có thể được Chủ tịch Ban đại diện ủy quyền quyết định một số vấn đề cụ thể trong một số lĩnh vực nhất định.
16. Chấp hành các quy định khác của pháp luật và Điều lệ Quỹ.
17. Ban đại diện Quỹ có quyền được hưởng thù lao hàng tháng, mức thù lao do Đại hội Nhà đầu tư quyết định.
18. Chấp hành đúng cam kết hạn chế chuyển nhượng của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 24 của Điều lệ này và pháp luật.
19. Phải chấp hành quy định về việc công bố thông tin trong giao dịch chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA do mình thực hiện theo luật định, cụ thể là:
 - + Trước khi giao dịch chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA (chẳng hạn: cho, tặng, mua bán, thừa kế, quyền mua chứng chỉ quỹ phát hành thêm,...), người dự kiến thực hiện giao dịch phải tiến hành thủ tục báo cáo cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM và công ty quản lý quỹ VFM theo mẫu báo cáo do Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM ban hành, trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu là ba (03) ngày làm việc. Thời hạn dự kiến giao dịch không quá hai (02) tháng, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được tiến hành giao dịch sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ phía Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM.
 - + Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất giao dịch, người thực hiện giao dịch phải báo cáo về kết quả giao dịch cho UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM và công ty quản lý quỹ VFM theo mẫu báo cáo do Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM ban hành.
 - + Trường hợp không thực hiện giao dịch, thì cũng phải báo cáo lý do với UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM và công ty quản lý quỹ VFM trong vòng 03 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn dự kiến thực hiện giao dịch.

Điều 27. Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

1. Đại hội Nhà đầu tư bầu Chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện. Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - (a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
 - (b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
 - (c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
 - (d) Đại diện Ban đại diện quỹ ban hành các quyết định đình chỉ, bãi, miễn nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ được quy định tại khoản 1 Điều 29 của Điều lệ này.

Điều 28. Thủ tục điều hành của Ban đại diện Quỹ

1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội Nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 29. Đình chỉ và bãi miễn thành viên Ban đại diện Quỹ

1. Thành viên Ban đại diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn đương nhiên trong các trường hợp sau:

- a) Bị khởi tố hoặc truy tố;
 - b) Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
 - c) Bị cấm không cho giữ chức thành viên Ban đại diện Quỹ do quy định của luật pháp hoặc của UBCKNN và các cơ quan có thẩm quyền;
 - d) Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ;
2. Thành viên Ban đại diện Quỹ sẽ bị đình chỉ hoặc bãi miễn trong các trường hợp sau:
- a) Bị cách chức hoặc bãi miễn theo đúng quy định của Điều lệ này;
 - b) Tiết lộ các bí mật mà những bí mật này đi ngược lại với các lợi ích của Quỹ;
 - c) Bị cách chức thành viên Ban đại diện quỹ khi có Quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - d) Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện trong 09 (chín) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng
 - e) Vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ.
 - f) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 25 của Điều lệ này

Điều 30. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ

1. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có quyền triệu tập họp Ban đại diện quỹ. Ban đại diện quỹ phải họp ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.
2. Ban đại diện Quỹ triệu tập cuộc họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Ban đại diện quỹ, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc theo yêu cầu của ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban đại diện quỹ.
3. Cuộc họp Ban đại diện Quỹ được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên trở lên tham dự. Quyết định của Ban đại diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ.
4. Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát có quyền tham dự cuộc họp của Ban đại diện quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.
5. Ban đại diện Quỹ sẽ chỉ định một nhân viên có năng lực của Công ty quản lý quỹ để làm thư ký và ghi biên bản họp của Ban đại diện Quỹ.
6. Cuộc họp Ban đại diện quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Chủ tọa và thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Ban đại diện Quỹ.
7. Tất cả các chi phí tổ chức các cuộc họp và chi phí công tác của Ban đại diện Quỹ sẽ do Quỹ thanh toán.

Chương VI

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 31. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý Quỹ.
2. Hoàn toàn độc lập với ngân hàng giám sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý Quỹ
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ sau:
 - a) Tuân thủ Điều lệ quỹ và bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.
 - b) Công bằng, trung thực và vì lợi ích của quỹ và nhà đầu tư;
 - c) Công ty quản lý quỹ quản lý độc lập và tách biệt tài sản của từng quỹ, của công ty quản lý quỹ; công ty quản lý quỹ bảo đảm tách biệt về tổ chức, nhân sự trong hoạt động quản lý quỹ và các hoạt động khác của công ty;

- d) Đối với những giao dịch của quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của quỹ;
- e) Bảo đảm việc ủy quyền trách nhiệm cho bên thứ ba và sự thay đổi tổ chức, quản lý của công ty quản lý quỹ không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của quỹ;
- f) Công ty quản lý quỹ VFM phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ đầu tư VFA do nhân viên của Công ty quản lý quỹ VFM hoặc Công ty quản lý quỹ VFM không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hoặc vi phạm các quy định của pháp luật trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường phải được nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại thời điểm tổn thất chấp thuận.
- g) Tất cả các giao dịch chứng khoán của Thành viên Hội đồng quản trị, những người quản lý và nhân viên của Công ty quản lý quỹ đều phải được báo cáo và quản lý tập trung tại công ty quản lý quỹ dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ;
- h) Khi công ty quản lý quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho quỹ thì thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc công ty, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho người thứ ba, ngoài khoản phí và thưởng quy định trong Điều lệ quỹ;
- i) Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
- j) Trong trường hợp ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty quản lý quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty quản lý quỹ, công ty quản lý phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ nhằm phục hồi tài sản của quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này do công ty quản lý quỹ chịu;
- k) Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các cam kết như được liệt kê tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này;

2. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:

- a) Được hưởng các khoản phí và thưởng được quy định trong Điều lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật;
- b) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
- c) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.
- d) Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 33. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ

- 1. Công ty quản lý quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Công ty quản lý quỹ đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ theo các quy định của Điều lệ Quỹ đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - b) Theo đề nghị của Ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện Quỹ, và đã được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Luật Chứng khoán;
 - d) Tự nguyện chấm dứt hoạt động;
 - e) Quỹ hết thời gian hoạt động;
 - f) Công ty quản lý quỹ sáp nhập hoặc hợp nhất với một Công ty quản lý quỹ khác và đã hoàn tất việc bàn giao quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho Công ty quản lý quỹ mới hình thành sau khi sáp nhập hoặc hợp nhất và Công ty quản lý quỹ mới này đã được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- 2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác chấp thuận thay thế. Công ty quản lý quỹ bị thay thế phải nhanh chóng chuyển giao toàn bộ chứng từ và mọi thông tin khác về Quỹ cho Công ty quản lý quỹ thay thế để đảm bảo Công ty quản lý quỹ thay thế có đủ thông tin nhằm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định.

3. Chi phí bồi thường khi thay đổi công ty quản lý quỹ

Trong trường hợp Quỹ có sự thay đổi công ty quản lý quỹ, Quỹ sẽ phải trả cho công ty quản lý quỹ một khoản phí (ngoài các khoản phí đã được quy định tại Điều lệ này) theo biểu phí như sau:

Phí được tính trên NAV của Quỹ tại thời điểm thay thế	Thời điểm thay thế Công ty quản lý quỹ
2.0%	Kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động đến sau 01 năm.
1.5%	Sau 03 năm kể từ ngày Quỹ bắt đầu hoạt động

Phí này nhằm để bù đắp những chi phí phát sinh cho công ty quản lý quỹ do hậu quả của việc giảm hoạt động, thay đổi nguồn nhân sự, hệ thống quản lý, cơ sở hạ tầng.

Nếu Đại hội Nhà đầu tư quyết định thay đổi công ty quản lý quỹ vì lý do vi phạm các qui định pháp luật và được UBCKNN chấp thuận thì Quỹ sẽ không phải trả cho công ty quản lý quỹ khoản phí nêu trên.

Quỹ sẽ thanh toán thưởng hoạt động tích lũy cho đến ngày thay thế cho công ty quản lý quỹ (nếu có)

Điều 34. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu đối với ngân hàng giám sát của Quỹ.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ không được đồng thời làm việc cho ngân hàng giám sát của Quỹ.
3. Người có liên quan của công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại công ty quản lý quỹ chỉ được mua, bán các chứng chỉ Quỹ thông qua hệ thống giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở Giao dịch Chứng khoán.
4. Trừ trường hợp các giao dịch mua, bán quy định tại Khoản 3 Điều này, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại công ty quản lý quỹ không được là đối tác trong các giao dịch khác với Quỹ.
5. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và các nhân viên của công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch và phải được quản lý tập trung tại Công ty dưới sự giám sát của bộ phận kiểm soát nội bộ.
6. Khi công ty quản lý quỹ giao dịch các tài sản của Quỹ thì thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ và mọi nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa của công ty quản lý quỹ, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ do một tổ chức thứ ba cung cấp ngoại trừ các khoản phí, thưởng đã được nêu rõ trong Điều lệ Quỹ.
7. Công ty quản lý quỹ sẽ không:
 - a) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
 - b) Sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các Quỹ đại chúng khác do mình quản lý;
 - c) Sử dụng tài sản của công ty, tài sản ủy thác theo danh mục đầu tư do mình quản lý để đầu tư vào Quỹ.
8. Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay, bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào của công ty, người có liên quan của công ty, hoặc để thanh toán các nghĩa vụ nợ của bản thân công ty, thanh toán các nghĩa vụ nợ của người có liên quan của công ty hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của bất kỳ một đối tác nào.
9. Công ty quản lý quỹ phải kiểm soát và đảm bảo chi phí giao dịch trong các giao dịch tài sản của Quỹ ở mức hợp lý và không cao hơn mức chi phí giao dịch bình quân trên thị trường.
10. Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các hạn chế đầu tư trong hoạt động quản lý quỹ quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.

Chương VII

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 35. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Ngân hàng Giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý Quỹ đại chúng do UBCKNN cấp.
2. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ và ngược lại.
3. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ.
4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký
5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 36. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát:
 - a) Ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo hoạt động quản lý Quỹ của công ty quản lý quỹ là phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.
 - b) Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đăng ký sở hữu chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi và thực hiện các hoạt động giúp nhà đầu tư thực hiện quyền phát sinh liên quan đến việc sở hữu chứng chỉ quỹ;
 - c) Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ lưu giữ và bảo quản an toàn tài sản Quỹ, thay mặt Quỹ thực hiện quyền phát sinh liên quan đến tài sản Quỹ (ngoại trừ quyền bỏ phiếu), thanh toán giao dịch Quỹ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát và lệnh hoặc chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ;
 - d) Ngân hàng giám sát phải quản lý tách biệt tài sản của các Quỹ với nhau và với tài sản của ngân hàng giám sát và các tài sản khác do ngân hàng giám sát quản lý, trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
 - e) Ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do công ty quản lý quỹ lập;
 - f) Ngân hàng giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát.
 - g) Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;
 - h) Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản phí theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.
2. Quyền của ngân hàng giám sát
 - a) Ngân hàng giám sát được hưởng các loại phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
 - b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.

Điều 37. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Ngân hàng giám sát được tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;
 - b) Ngân hàng giám sát tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;
 - c) Theo đề nghị của công ty quản lý quỹ hoặc Ban đại diện Quỹ được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận;

- d) Quỹ hết thời gian hoạt động hoặc bị giải thể;
 - e) Quỹ sát nhập hoặc hợp nhất vào một Quỹ khác theo quyết định của Đại hội Nhà đầu tư;
 - f) Ngân hàng giám sát bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Luật Chứng khoán;
 - g) Ngân hàng giám sát bị hợp nhất hoặc sát nhập bởi ngân hàng khác.
2. Trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho một ngân hàng giám sát khác phải theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 38. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Hàng năm, công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất 02 (hai) công ty kiểm toán để trình Đại hội Nhà đầu tư. Đại hội Nhà đầu tư ủy quyền cho Ban đại diện Quỹ chọn công ty kiểm toán tiến hành kiểm toán cho Quỹ. Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- (i) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp.
- (ii) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
- (iii) Được UBCKNN cho phép kiểm toán Quỹ đầu tư
- (iv) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát.

Điều 39. Năm tài chính

1. Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.
2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 40. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 41. Báo cáo tài chính

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

Điều 42. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của UBCKNN về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

Chương IX

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ

Điều 43. Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện và phải có xác nhận của ngân hàng giám sát về việc tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Giá trị tài sản ròng của Quỹ phải được xác định định kỳ và phải được thông báo công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng cho nhà đầu tư sau khi có xác nhận của ngân hàng giám sát.

Điều 44. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

1. Ngày định giá:

Giá trị tài sản ròng của quỹ được xác định hàng tuần vào ngày định giá. Ngay sau khi Ngân hàng giám sát xác nhận việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ là phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ, Giá trị tài sản ròng sẽ được thông báo công khai cho nhà đầu tư theo đúng quy định hiện hành.

2. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

Giá trị tài sản ròng (NAV): là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ đầu tư VFA sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ có liên quan (như phải trả mua chứng khoán, phải trả phí quản lý, phí giám sát, phí môi giới, phí lưu ký, phí hành chính, phí định giá,...) tại thời điểm định giá.

Cụ thể được xác định theo phương thức sau:

- Giá trị của các tài sản và khoản đầu tư của quỹ được xác định theo nguyên tắc sau:
 - o Đối với chứng khoán niêm yết, giá của các chứng khoán niêm yết được xác định là giá đóng cửa.
 - o Đối với cổ phiếu niêm yết không có giao dịch trong thời gian ít hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, giá của chứng khoán đó được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá chào mua cung cấp bởi ba (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
 - o Đối với cổ phiếu niêm yết không có giao dịch trong thời gian nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, giá trị của chứng khoán đó được xác định như sau:
 - Bằng 80% giá trị thanh lý của một cổ phiếu tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trong trường hợp tổ chức phát hành đang trong quá trình chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, phá sản; hoặc
 - Bằng giá mua (cost price) trong các trường hợp khác; hoặc
 - Được xác định theo nguyên tắc định giá khác đã được Ngân hàng giám sát đồng ý và Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.
 - o Đối với các loại tài sản khác như tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu có thời gian đáo hạn dưới một (01) năm kể từ ngày định giá, giá các chứng khoán đó được xác định bằng giá mua cộng với lãi lũy kế tính đến thời điểm định giá. Trường hợp tài sản là trái phiếu chiết khấu, giá trị tài sản được xác định theo phương pháp định giá theo dòng tiền hoặc theo phương pháp nội suy tuyến tính trên cơ sở giá mua và mệnh giá của trái phiếu;
 - o Đối với trái phiếu có thời gian đáo hạn trên một (01) năm kể từ ngày định giá, trái phiếu chuyển đổi, giá của các chứng khoán đó được xác định bằng giá thị trường đối với chứng khoán niêm yết hoặc báo giá bởi (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát. Trường hợp các chứng khoán đó được giao dịch thỏa thuận và không có giá thị trường, giá các chứng khoán này được xác định theo các mô hình lý thuyết định giá trái phiếu phù hợp;
 - o Đối với chứng khoán phái sinh, giá các chứng khoán này được xác định bằng giá thị trường đối với chứng khoán niêm yết hoặc báo giá bởi (03) công ty chứng khoán không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát. Trường hợp các chứng khoán đó được giao dịch thỏa thuận và không có giá thị trường, giá các chứng khoán này được xác định theo các mô hình lý thuyết định giá chứng khoán phái sinh phù hợp;
 - o Đối với các loại tài sản khác của Quỹ như cổ tức, lãi nhận được, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn không quá 1 năm, và tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm kể từ ngày định giá, giá trị của các tài sản này được tính theo giá trị thực tế tại thời điểm xác định;
 - o Trường hợp tài sản của Quỹ là bất động sản, giá trị tài sản này phải được định giá bởi một tổ chức định giá độc lập được sự đồng ý của ngân hàng giám sát và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận. Tổ chức định giá này không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát. Tài sản này phải được thẩm định và định giá định kỳ sáu (06) tháng một lần. Trường hợp xảy ra những sự kiện có thể ảnh hưởng đến giá trị của tài sản, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải thông báo với tổ chức định giá;
 - o Đối với các khoản đầu tư mà phương pháp tính giá chưa được xác định trên đây sẽ được đánh giá theo giá trị đầu tư ban đầu (cost price) và cho đến khi các phương pháp trên có thể áp dụng.

- o Giá của các loại tài sản khác được xác định theo nguyên tắc định giá khoa học và khách quan khác đã được ngân hàng giám sát phê duyệt và Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận.
- Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc các nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến thời điểm xác định giá trị. Phương thức xác định giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán phải được ngân hàng giám sát xác nhận là phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.

Giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) = Tổng tài sản có của quỹ - Tổng nợ phải trả của quỹ

Giá trị đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành.

Chương X

PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG

Điều 45. Phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ

1. Quỹ có thể tăng vốn điều lệ bằng cách huy động thêm vốn từ nhà đầu tư hiện hữu bằng cách thực hiện việc chào bán thêm chứng chỉ của Quỹ cho nhà đầu tư hiện hữu thông qua việc phát hành quyền mua chứng chỉ quỹ. Quyền mua chứng chỉ quỹ này có thể được chuyển nhượng. Trường hợp nhà đầu tư hiện hữu không thực hiện quyền mua chứng chỉ quỹ, phần chứng chỉ quỹ còn dư có thể được chào bán cho các nhà đầu tư khác.
2. Việc chào bán để tăng vốn phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.
3. Phương án phát hành thêm chứng chỉ quỹ và phương án đầu tư số vốn thu được phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Chương XI

GIẢI THỂ, HỢP NHẤT, SÁP NHẬP VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ

Điều 46. Các điều kiện giải thể Quỹ

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - a. Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Quỹ và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ mà không được gia hạn;
 - b. Đại hội nhà đầu tư được quyết định giải thể Quỹ trước thời hạn trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Công ty quản lý quỹ bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty quản lý quỹ bị thu hồi mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
 - (ii) Công ty quản lý quỹ đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Công ty quản lý quỹ;
 - (iii) Ngân hàng giám sát bị giải thể, bị phá sản, Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng giám sát bị thu hồi mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày xảy ra sự kiện giải thể, phá sản hoặc Giấy phép bị thu hồi;
 - (iv) Ngân hàng giám sát đề nghị chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ mà không xác lập được Ngân hàng giám sát thay thế trong vòng 03 tháng kể từ ngày công bố đề nghị của Ngân hàng giám sát;
 - (v) Đại hội nhà đầu tư quyết định chuyển toàn bộ tài sản của Quỹ vào một Quỹ khác.
2. Việc giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 47. Thanh lý tài sản Quỹ khi giải thể

1. Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản Quỹ và các tài sản còn lại khi giải thể được thanh toán theo trật tự ưu tiên sau:
 - (a) Thanh toán các chi phí giải thể Quỹ, các khoản Quỹ phải trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát. Trong trường hợp Quỹ buộc phải giải thể do Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty quản lý quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của ngân hàng giám sát bị UBCKNN thu hồi, các khoản Quỹ phải trả cho công ty quản lý quỹ và cho ngân hàng giám sát sẽ không phải thanh toán kể từ ngày Giấy phép thành lập và hoạt động của công ty quản lý quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của Ngân hàng giám sát bị UBCKNN thu hồi;

- (b) Thanh toán nghĩa vụ tài chính với Nhà nước;
 - (c) Thanh toán các khoản Quỹ phải trả khác theo quy định của pháp luật (nếu có);
 - (d) Phần tài sản còn lại của Quỹ được dùng để thanh toán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư trong Quỹ
2. Nếu như tài sản Quỹ không đủ hoàn trả cho toàn bộ số vốn đã góp, khi phân phối, mỗi nhà đầu tư sẽ chịu phần thiệt hại tương ứng theo tỷ lệ sở hữu của mình tại Quỹ.

Điều 48. Các điều kiện hợp nhất, sáp nhập Quỹ

- 1. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định.
- 2. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Chương XII

PHÍ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 49. Phí phát hành chứng chỉ Quỹ đóng

Nhà đầu tư chỉ phải trả một lần phí phát hành chứng chỉ Quỹ khi phát hành lần đầu hoặc/và tăng vốn.

Phí phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 3%/mệnh giá đơn vị quỹ.

Phí phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng dành cho Nhà đầu tư ưu đãi sẽ được thông báo cụ thể theo Bảng Thông báo phát hành sau khi Quỹ đầu tư VFA được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.

Điều 50. Thu nhập của quỹ

Thu nhập của quỹ bao gồm các khoản sau:

- 1. Cổ tức.
- 2. Lãi trái phiếu.
- 3. Lãi tiền gửi.
- 4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của quỹ.

Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản của Quỹ.

Điều 51. Phí quản lý quỹ

- 1. Phí quản lý là 2%/giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VFA/năm tài chính. Phí này được trả cho công ty quản lý quỹ VFM để thực hiện các dịch vụ quản lý cho Quỹ đầu tư VFA. Phí quản lý sẽ được giữ cố định trong suốt thời hạn công ty quản lý quỹ VFM cung cấp dịch vụ quản lý quỹ cho Quỹ đầu tư VFA. Phí quản lý được tính và thu hàng tháng dựa trên NAV vào ngày cuối tháng
- 2. Công thức tính phí quản lý hàng tháng được xác định như sau:

Phí quản lý hàng tháng = Tỷ lệ 2% phí quản lý (năm) / 12 tháng x NAV ngày cuối tháng

Điều 52. Phí lưu ký và giám sát

- 1. Phí giám sát, lưu ký là 0,04%/giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VFA/năm tài chính. Phí này không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v.... Phí này được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát. Phí giám sát, lưu ký được tính và thu hàng tháng dựa trên NAV vào ngày cuối tháng.

Công thức tính phí giám sát, lưu ký hàng tháng được xác định như sau:

Phí giám sát, lưu ký hàng tháng = 0,04% (năm)/12 tháng x NAV ngày cuối tháng.

- 2. Quỹ sẽ thanh toán cho ngân hàng giám sát đối với dịch vụ đăng ký và thanh toán quyền lợi của nhà đầu tư như: đăng ký và xác nhận sở hữu, lưu ký chứng chỉ quỹ, duy trì và cập nhật thông tin của nhà đầu tư vào Sổ đăng ký Nhà đầu tư, thực hiện các báo cáo xác nhận và đối chiếu danh sách nhà đầu tư với Trung tâm Lưu ký chứng khoán, thanh toán cổ tức cho nhà đầu tư. Mức phí và phương pháp thanh toán phí được quy định tại Hợp đồng Giám sát.

Điều 53. Chi phí khác

Các chi phí khác của Quỹ gồm:

1. Phí môi giới hợp lý, hợp lệ liên quan đến các giao dịch tài sản Quỹ;
2. Thuế, phí và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
3. Tiền vay phải trả đối với các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
4. Các chi phí liên quan đến việc kiểm toán Quỹ;
5. Các chi phí liên quan đến việc tư vấn luật cho Quỹ;
6. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
7. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
8. Chi phí liên quan đến việc tổ chức, triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư và Ban đại diện không theo yêu cầu hoặc không vì quyền lợi của công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát;
9. Các chi phí liên quan đến việc in ấn, bố cáo, thông tin các hoạt động liên quan đến Quỹ, phát hành bản cáo bạch nếu phát hành thêm chứng chỉ Quỹ;
10. Thù lao cho Ban đại diện Quỹ;
11. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định;

Điều 54. Cổ tức quỹ

Cổ tức Quỹ được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua. Cổ tức Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện là số dương. Số tiền hoặc giá trị tài sản tương ứng để chia cổ tức tối thiểu là 50% lợi nhuận thực hiện trong năm. Cổ tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp, mới được nhận cổ tức quỹ.

Nếu xét thấy phù hợp, dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ, Ban đại diện Quỹ có thể quyết định tạm ứng cho Nhà đầu tư một số cổ tức Quỹ mà lợi nhuận hoặc Quỹ dự trữ khác của Quỹ đầu tư VFA cho phép. Việc tạm ứng này có thể được giải quyết 06 (sáu) tháng một lần hoặc một khoảng thời gian thích hợp (không quá 12 (mười hai) tháng) cho các nhà đầu tư ở mức đã ấn định.

Điều 55. Thường hoạt động

Công ty quản lý quỹ VFM có thể nhận được từ Quỹ đầu tư VFA, ngoài phí quản lý, một khoản thưởng khác gọi là thưởng hoạt động.

a. Nguyên tắc thực hiện:

Mức thưởng được tính trên cơ sở phần lợi nhuận vượt trội so với lợi nhuận của thị trường đã được điều chỉnh theo cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư VFA (xem phương thức tính phí thưởng ở mục (c) dưới đây). Thưởng hoạt động được trích từ thu nhập thực tế của Quỹ đầu tư (nếu có) và được thanh toán cho Công ty quản lý Quỹ hàng năm.

Phần lợi nhuận của Quỹ để tính mức phí thưởng bao gồm phần tăng trưởng của NAV vào cuối năm so với NAV đầu năm và các khoản cổ tức đã trả trong năm. Tăng trưởng của NAV trong năm sẽ được điều chỉnh trong trường hợp Quỹ tăng vốn.

Mức thưởng hoạt động sẽ được điều chỉnh giảm trừ và sẽ không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư các năm liên trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp. Tăng trưởng NAV để xác định mức thưởng sẽ được tính bắt đầu từ khi mức lỗ đã được bù đắp hết. Mức điều chỉnh này sẽ được Ban đại diện quỹ chấp thuận trong từng trường hợp cụ thể của thị trường.

Phí thưởng chỉ được thanh toán sau khi đã thanh toán các khoản phải trả khác. Phí thưởng được xác định dựa trên báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

b. Phương thức hạch toán:

Thưởng hoạt động được trích trước hàng tháng dựa trên hoạt động của quỹ so với tiêu chí đặt ra và được cân đối và quyết toán căn cứ vào kết quả hoạt động thực tế của năm đó. Hàng tháng, căn cứ vào công thức tính thưởng được đề cập dưới đây, Công ty quản lý quỹ VFM sẽ tạm tính số thưởng hoạt động (nếu có) từ ngày đầu năm đến ngày cuối tháng. Phần chênh lệch giữa số thưởng hoạt động đã tạm tính vào cuối tháng trước đó và số thưởng hoạt động được tạm tính vào cuối tháng sau sẽ được hạch toán điều chỉnh vào NAV của tháng sau. Sau khi kết thúc năm tài chính, số thưởng hoạt động cho cả năm (nếu có) sẽ được so sánh với số tạm tính trong năm và các chênh lệch (nếu có) sẽ được điều chỉnh thông qua bút toán khóa sổ kế toán cho năm tài chính. Phương thức hạch toán sẽ tuân thủ các quy định về kế toán quỹ của Nhà nước ban hành.

- c. Phương pháp xác định thường hoạt động: Được đề cập chi tiết tại Phụ lục 4 Điều lệ này.

Chương XIII

GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 56. Kiểm soát xung đột lợi ích

1. Công ty quản lý quỹ phải:
 - (i) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý;
 - (ii) Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban giám đốc, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành;
3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

Chương XIV

CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM
2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban đại diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban đại diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban đại diện hoặc được gửi bằng văn bản đến địa chỉ do thành viên Ban đại diện Quỹ đã thông báo cho Quỹ.
3. Mọi thông báo hoặc tài liệu khác phải được phát hành và chuyển cho nhà đầu tư sẽ do Công ty quản lý quỹ gửi trực tiếp đến cá nhân hoặc gửi qua bưu điện có dán tem đến địa chỉ do nhà đầu tư đăng ký. Nhà đầu tư phải thông báo bằng văn bản chính thức cho công ty quản lý quỹ biết khi thay đổi địa chỉ chính thức của mình.
4. Mọi thông báo gửi qua bưu điện được xem là gửi đến địa chỉ đăng ký của nhà đầu tư một tuần lễ sau ngày gửi. Khi chứng minh điều này chỉ cần có đủ bằng chứng rằng bản thông báo đã có dán tem và gửi đi đúng theo địa chỉ đăng ký.
5. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quỹ hoặc người điều hành của Quỹ có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quỹ đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quỹ hay người điều hành quỹ nhận.
6. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 58. Thay đổi điều lệ

Điều lệ này chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 59. Đăng ký điều lệ

1. Bản Điều lệ này bao gồm 14 Chương, 60 Điều và 04 Phụ lục đã được Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ thông qua theo Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư số 01/NQ-VFA ngày 15/4/2010 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua.

Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ thì mới có giá trị.
2. Điều lệ này được lập thành 07 bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt Nam:
 - 02 bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước theo luật định.
 - 02 bản lưu tại văn phòng của Quỹ đầu tư.
 - 02 bản lưu tại văn phòng của công ty quản lý quỹ.
 - 01 bản lưu tại văn phòng của ngân hàng giám sát.

Điều 60. Điều khoản thi hành

Quý được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp giấy đăng ký lập Quỹ và niêm yết chứng chỉ quỹ. Công ty quản lý quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục hồ sơ theo đúng quy định của pháp luật.

Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THƯỜNG HOẠT ĐỘNG

Chủ tịch Ban đại diện



THÁI TẤN DŨNG

PHỤ LỤC 1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009.

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 10 Cao ốc Văn phòng Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại: (08) 38251488

Fax: (08) 38251489

Website: www.vinafund.com

Công ty quản lý quỹ VFM cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ đầu tư VFA:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ;
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.
3. Đảm bảo Quỹ luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm;
4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - (a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;
 - (b) Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ.
 - (c) Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ.
 - (d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến Công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư;
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời;
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu;
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện Công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật;

CTY CP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM



TRẦN THANH TÂN

Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NGÂN HÀNG FAR EAST NATIONAL BANK - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ. HỒ CHÍ MINH

Số Giấy phép hoạt động: 03/NHNN-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 20/5/2004

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 21/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 27/7/2007

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát;
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm ;
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ ;
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ;
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư;
8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của Quỹ;
9. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm;

Đại diện Ngân hàng giám sát



RICKY CHEN

Tổng Giám đốc

**PHỤ LỤC 3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)**

Giấy phép thành lập và hoạt động số 45/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009

NGÂN HÀNG FAR EAST NATIONAL BANK - CHI NHÁNH THÀNH PHỐ. HỒ CHÍ MINH

Số Giấy phép hoạt động: 03/NHNN-GP do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 20/5/2004

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán: 21/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 27/7/2007

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư;
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ;
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của Nhà đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn;
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

Đại diện Công ty quản lý quỹ  TRẦN THANH TÂN Tổng Giám đốc	Đại diện Ngân hàng giám sát  RICKY CHEN Tổng Giám đốc
--	--

Ghi chú: Các chỉ số W₁, W₂, và W₃ là những tỷ trọng cơ cấu danh mục được tính trong báo cáo hàng tháng để tính bình quân số năm

Ví dụ về cách tính tỷ trọng bình quân giá trị các nhóm tài sản:

Diễn biến tháng	Tỷ trọng				NAV thực tế (tỷ đồng)		
	CP niêm yết Ho (W ₁)	CP niêm yết TP (W ₂)	Tài sản khác (W ₃)	Tổng	Giá trị CP niêm yết Ho	Giá trị CP niêm yết TP	Giá trị tài sản khác
	1	2	3	4	5	6	7
T1				300,0	135,0	120,0	45,0
T2				304,5	140,1	124,8	39,6
T3				309,0	145,2	129,9	33,9
T4				313,5	150,3	135,0	28,2
T5				318,0	155,4	140,1	22,5
T6				322,5	160,5	145,2	16,8
T7				327,0	165,6	150,3	11,1
T8				331,5	170,7	155,4	5,4
T9				336,0	175,8	160,5	0,0
T10				340,5	180,9	165,6	0,0
T11				345,0	186,0	170,7	0,0
T12				349,5	191,1	175,8	0,0
Cả năm (n)	50%	41%	9%	4.324,0	2.407,5	2.001,0	415,5

PHỤ LỤC 4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THƯỜNG HOẠT ĐỘNG

Thường hoạt động chỉ được trả cho Công ty quản lý quỹ VFM nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư VFA do Công ty quản lý quỹ VFM quản lý cao hơn chỉ số căn bản (h) (sẽ được diễn giải dưới đây).

Khoản thưởng hoạt động mà Công ty quản lý quỹ VFM sẽ nhận được bằng 20% của Li (sẽ diễn giải dưới đây) trong năm tài chính.

Tiền thưởng = 20% x Li

$$Li = V_i - \{V_{i-1} \times (100\% + h + 1\%) + N_i \times [100\% + (h + 1\%) \times d/365]\}$$

Trong đó:

- Li: khoản liên quan theo đó khoản thưởng hoạt động hàng năm được tính
- V_i : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm i cộng với các khoản cổ tức quỹ chia trong năm.
- V_{i-1} : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm (i-1)
- 1%: chỉ số vượt trội
- N_i : số tiền thu được từ đợt phát hành trong năm i
- d: số ngày tính từ thời điểm số vốn huy động mới được phép giải ngân để ngày 31 tháng 12 của năm i
- h: là chỉ số căn bản, được tính như sau:

$$h = W_{ho} \times R_{ho} + W_{ha} \times R_{ha} + W_o \times R_{ls}$$

trong đó:

- W_{ho} là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh trong danh mục Quỹ đầu tư VFA
- R_{ho} là % tăng trưởng của VN-Index
- W_{ha} là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội trong danh mục Quỹ đầu tư VFA
- R_{ha} là % tăng trưởng của Hasc-Index
- W_o là tỷ trọng bình quân trong năm của giá trị tiền gửi, tiền mặt, và các loại tài sản khác...
- R_{ls} là lãi suất tiền gửi mười hai (12) tháng trung bình của 4 ngân hàng gồm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Ghi chú: Các chỉ số W_{ho} , W_{ha} , và W_o là những tỷ trọng cơ cấu danh được tính trong báo cáo hàng tháng để tính bình quân cả năm.

Ví dụ về cách tính tỷ trọng bình quân giá trị các nhóm tài sản:

Diễn biến tháng	Tỷ trọng			Tổng	NAV thực tế (tỷ đồng)		
	CP niêm yết Ho (W_{ho})	CP niêm yết Ha (W_{ha})	Tài sản khác (W_o)		Giá trị CP niêm yết Ho	Giá trị CP niêm yết Ha	Giá trị tài sản khác
	-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7
T1				300,0	135,0	120,0	45,0
T2				304,5	140,1	124,8	39,6
T3				309,0	145,2	129,9	33,9
T4				313,8	150,6	135,0	28,2
T5				318,3	156,0	140,1	22,2
T6				323,1	161,7	138,9	22,5
T7				328,2	167,4	137,7	23,1
T8				333,0	173,1	136,5	23,4
T9				338,1	179,1	135,3	23,7
T10		Phát hành 300 tỷ		641,1	308,7	257,1	75,3
T11				652,8	333,0	267,6	52,2
T12				662,1	357,6	278,1	26,4
Cả năm (a)	50%	41%	9%	4.824,0	2.407,5	2.001,0	415,5

Ghi chú: (4), (5), (6), và (7): giá trị NAV, giá trị cp niêm yết HOSE, giá trị cp niêm yết HNX, và giá trị tài sản khác trung bình trong tháng, được tính bằng (giá trị đầu tháng + giá trị cuối tháng)/2

Tại dòng (a):

- $W_{ho} (1) = (5)/(4) = 2.407,5/4.824,0 = 50\%$
- $W_{ha} (2) = (6)/(4) = 2.001,0/4.824,0 = 41\%$
- $W_o (3) = (7)/(4) = 415,5/4.824,0 = 9\%$

Ví dụ tính chỉ số căn bản và thưởng:

Chỉ số	Ghi chú	Giá trị
NAV đầu năm (tỷ)	a	300,0
NAV cuối năm (tỷ)	b	662,1
Tiền phát hành mới trong năm (tỷ)	c	300,0
Số ngày thực tế sử dụng số tiền mới	d	100
Tăng trưởng Vnindex	e	15%
Tăng trưởng HNX index	f	14%
Lãi suất TB tiền gửi 12 tháng	g	9%
Chỉ số vượt trội	h	1%
Chỉ số căn bản	$i = W_{ho} \times e + W_{ha} \times f + W_o \times g$	14,1%
Li (tỷ)	$k = b - a \times (1+i+h) - c \times [1 + (i+h) \times d/365]$	4,51
Thưởng (tỷ)	$n = 20\% \times k$	0,90
Thưởng/NAV (%)		0,1%

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2010.

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI THÀNH LẬP QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM (VFA)

- Căn cứ vào Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006;
- Căn cứ vào Quyết định 45/2007/QĐ-BTC ngày 05/6/2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế thành lập và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán;
- Căn cứ vào Giấy phép phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng của Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA), số 05/ UBCK-GCN ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp;
- Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA), số 14/ UBCK-GCN ngày 02 tháng 04 năm 2010 do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp;
- Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội Nhà đầu tư lần đầu tiên của Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA), số 01/VFA-2010/BBĐH ngày 15 tháng 04 năm 2010.

QUYẾT NGHỊ

Đại hội đã nhất trí thông qua Nghị quyết với các nội dung sau:

Điều 1: Thông qua Quy chế biểu quyết & quy chế bầu cử của Quỹ

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Quy chế biểu quyết & quy chế bầu cử của Quỹ

Điều 2: Thông qua Định hướng đầu tư và Kế hoạch hoạt động của Quỹ trong năm 2010

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Định hướng đầu tư và Kế hoạch hoạt động của Quỹ trong năm 2010 như sau:

Định hướng đầu tư của Quỹ

- Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu chính của Quỹ đầu tư VFA là nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following) nhằm mang lại lợi nhuận ròng cho quỹ song song với mục tiêu bảo toàn vốn khi thị trường diễn biến không thuận lợi.

- Chiến lược đầu tư

Để đạt được mục tiêu đã đề ra, Quỹ đầu tư VFA sử dụng mô hình đầu tư theo xu hướng thị trường (trend following). Chiến lược đầu tư theo xu hướng thị trường không tìm cách dự đoán thị trường mà thay vào đó là giải ngân (enter) khi thị trường đã xuất hiện xu thế tăng rõ ràng và thoát khỏi thị trường (exit) khi các xu thế trên đã kết thúc hoặc đảo chiều. Trong thời gian hoạt động của Quỹ đầu tư VFA, nếu luật cho phép nghiệp vụ bán khống (short-sell) được thực hiện, Quỹ đầu tư VFA sẽ thực hiện giải ngân (enter) khi thị trường đã xuất hiện xu thế tăng rõ ràng và thoát khỏi thị trường (exit) khi xu thế tăng đã kết thúc hoặc đảo chiều, đồng thời bán khống (short-sell) khi thị trường đã xuất hiện xu thế giảm rõ ràng và mua lại phần bán khống (buy-to-cover) khi xu thế giảm đã kết thúc hoặc đảo chiều, qua đó Quỹ đầu tư VFA có khả năng tìm kiếm lợi nhuận ngay cả khi thị trường đi vào xu hướng giảm.

Mô hình được xây dựng dựa trên những thuật toán đã được lập trình bao gồm:

- (i) các chỉ báo mua bán (buy/sell indicators),

- (ii) hệ thống quản lý rủi ro (risk management),
- (iii) hệ thống phân bổ tài sản (money management).

Mô hình này được tối ưu hóa dựa trên thuật toán tiến hóa (Evolutionary algorithms)

Cơ chế mua bán theo xu hướng này được dự trù sẽ tạo ra 3 đến 4 tín hiệu mua bán trong một năm trên chỉ số thị trường (VN-Index và/hoặc HNX-Index). Vì thế, danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư VFA sẽ là rổ chứng khoán có biến động gần giống như biến động của VN-Index và/hoặc HNX-Index trong những giai đoạn Quỹ đầu tư VFA ở trạng thái đầu tư.

❖ **Mô hình VFA**

➤ **Các chỉ báo mua/bán (buy/sell indicators)**

Các chỉ báo mua/bán dựa vào:

- (1) *Chỉ báo phân tích kỹ thuật (technical analysis indicator)*: về giá (price indicator), về khối lượng giao dịch (volume indicator), về độ biến động của thị trường (volatility indicator) trên chỉ số thị trường (VN-Index và HNX-Index).
- (2) *Chỉ báo phân tích cơ bản (fundamental analysis indicator)*: dựa trên chênh lệch lãi suất ngắn và dài hạn (interest rate spread) và tăng trưởng lợi nhuận (earnings momentum).
- (3) *Chỉ báo kinh tế lượng (econometric indicator)*: dựa trên các mô hình kinh tế lượng như ARIMA.

➤ **Hệ thống quản lý rủi ro (risk management)**

- Cơ chế cắt lỗ (cut-loss) được lập trình cho:
 - (1) từng chỉ báo mua/bán và
 - (2) từng cổ phiếu trong danh mụcđể giảm thiểu khả năng toàn bộ danh mục phát sinh lỗ khi mô hình xuất hiện các tín hiệu mua không thành công (whipsaw) hoặc khi có khủng hoảng.
- Cơ chế tái gia nhập thị trường (re-enter) được thiết lập để giảm khả năng mua giá cao hơn nhiều so với giá mua ban đầu trước khi tín hiệu cắt lỗ giả xuất hiện.

➤ **Hệ thống phân bổ tài sản (money management)**

Quỹ đầu tư VFA sử dụng Lý thuyết thông tin (Information theory) nhằm quyết định quy mô đầu tư cho mỗi chỉ báo mua/bán dựa trên khả năng dự báo chính xác và xác suất sinh lời của từng chỉ báo để cân bằng giữa mục tiêu tối đa hóa tăng trưởng dài hạn (capital growth) và giảm thiểu rủi ro giảm giá trị (risk ruin).

❖ **Mô hình tối ưu hóa (Optimization tool)**

Quỹ đầu tư VFA sử dụng thuật toán Trí tuệ nhân tạo (Artificial intelligence - Machine learning) nói chung và thuật toán tiến hóa (Evolutionary algorithms) nói riêng cho việc:

- (1) Tối ưu hóa các tham biến (parameters) nhằm bảo đảm các tín hiệu mua bán tiệm cận hơn với đỉnh và đáy của thị trường, đồng thời ngăn chặn các chỉ báo đưa ra quá nhiều tín hiệu giả (whipsaw).
- (2) Tối ưu hóa tỷ trọng của các cổ phiếu trong danh mục đầu tư của Quỹ đầu tư VFA nhằm bảo đảm biến động của danh mục của Quỹ đầu tư VFA gần giống biến động của VN-Index.

Thuật toán tiến hóa mô phỏng thuyết tiến hóa sinh học để tìm ra các đáp án tốt nhất cho các vấn đề có độ phức tạp cao. Yếu tố quyết định của phương pháp này chính là khả năng thích ứng khi điều kiện thị trường thay đổi.

❖ **Cơ cấu tài sản**

Quỹ đầu tư VFA sẽ phân bổ tài sản giữa chứng khoán niêm yết và tiền mặt hoặc tài sản khác tương đương tiền theo tỷ trọng khác nhau ở các thời điểm khác nhau tùy thuộc vào

dự báo mua/bán tương ứng điều kiện thị trường. Trong cơ cấu chứng khoán niêm yết, Quỹ đầu tư VFA sẽ đầu tư vào rổ cổ phiếu đại diện cho VN-Index hoặc/và HNX-Index.

➤ **Loại tài sản đầu tư:**

Do đặc thù cần đầu tư vào các loại tài sản có thanh khoản cao, Quỹ đầu tư VFA thực hiện đầu tư vào các loại tài sản sau:

- Chứng khoán niêm yết;
- Trái phiếu niêm yết, bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu công ty.
- Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm chứng chỉ tiền gửi tại tổ chức tín dụng, tín phiếu kho bạc và thương phiếu với thời gian đáo hạn tính từ ngày phát hành không quá một (01) năm;
- Các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản.

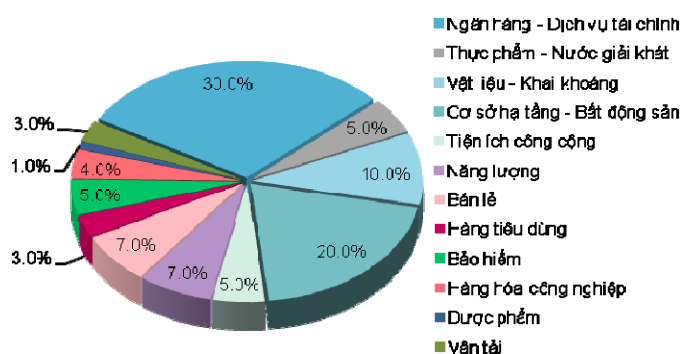
Hiện tại, do điều kiện thị trường Việt Nam chưa phát triển các thị trường khác như thị trường lãi suất, thị trường ngoại hối, thị trường hàng hóa..., nên Quỹ đầu tư VFA sẽ không đầu tư vào các loại tài sản khác ngoại trừ chứng khoán niêm yết trong tương lai gần. Tuy nhiên, Quỹ đầu tư VFA vẫn đề ngỏ khả năng đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết cũng như các loại tài sản khác nếu thị trường các tài sản đó được cho phép bởi Luật và đáp ứng được yêu cầu về chất lượng cũng như thanh khoản.

➤ **Danh mục đầu tư:**

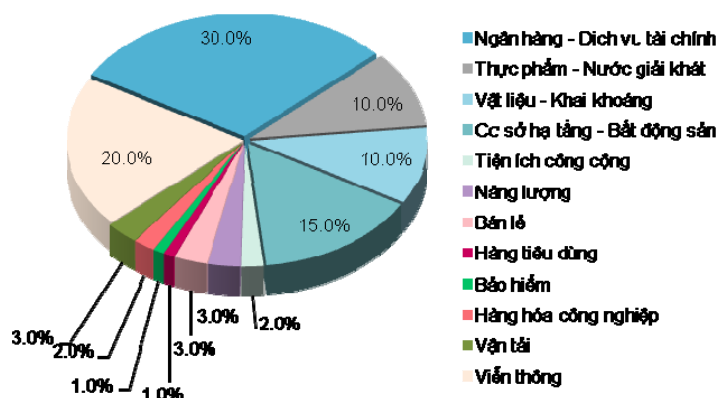
Trên cơ sở tín hiệu mua/bán xuất hiện, Quỹ đầu tư VFA sẽ thực hiện giải ngân/bán một rổ cổ phiếu có tính thanh khoản và bám sát được sự thay đổi của chỉ số VN-Index hoặc/và HNX-Index. Quỹ đầu tư VFA sử dụng thuật toán tiến hóa (Evolutionary algorithms) để tối ưu hóa tỷ trọng của các cổ phiếu trong danh mục của Quỹ đầu tư VFA nhằm bảo đảm biến động của danh mục của Quỹ đầu tư VFA gần giống biến động của VN-Index. Rổ cổ phiếu này sẽ được điều chỉnh định kỳ cho phù hợp với tình hình thị trường.

Lĩnh vực đầu tư dự kiến của Quỹ đầu tư VFA được chia làm 2 giai đoạn dựa trên tiến độ cổ phần hóa và niêm yết dự kiến của các công ty lớn, và tỷ trọng này có thể thay đổi tùy tình hình thị trường nhằm bảo đảm khả năng danh mục bám sát sự thay đổi của chỉ số VN-Index hoặc/và HNX-Index.

Giai đoạn từ năm 2010 – năm 2012



Giai đoạn từ năm 2012 – năm 2015



Điều 3: Thông qua việc chỉ định Ngân hàng Giám sát

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Ngân hàng Giám sát cho Quỹ đầu tư VFA trong suốt thời gian hoạt động là Ngân hàng Far East National Bank - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Điều 4: Thông qua việc chỉ định Công ty kiểm toán

Đại hội nhà đầu tư thống nhất và thông qua việc giao Ban Đại diện chọn một trong ba đơn vị kiểm toán: E&Y, KPMG và PWC thực hiện việc kiểm toán của Quỹ đầu tư VFA trong năm 2010

Điều 5: Thông qua Điều lệ Quỹ đầu tư VFA

Đại hội nhà đầu tư đã thống nhất thông qua toàn bộ Bản Điều lệ gồm 14 Chương, 60 điều và 04 Phụ lục

Điều 6: Thông qua thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ như sau:

- Mức thù lao hàng tháng của Ban đại diện Quỹ là:
 - o Chủ tịch Ban đại diện Quỹ: 4.000.000 (bốn triệu) đồng
 - o Phó Chủ tịch Ban đại diện Quỹ: 3.000.000 (ba triệu) đồng
 - o Các thành viên Ban đại diện Quỹ: 2.000.000 (hai triệu) đồng
 - o Thư ký: 1.000.000 (một triệu) đồng.
- Tổng mức thù lao hàng năm sẽ được tính trên cơ sở 13 tháng.
- Ngoài ra, các thành viên của Ban đại diện Quỹ được hoàn lại các chi phí hợp lý để trang trải cho việc đi dự các phiên họp của Ban đại diện Quỹ hoặc đi công tác cho Quỹ đầu tư VFA.
- Khoản thù lao của các thành viên Ban đại diện Quỹ và chi phí hoạt động của Ban đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ đầu tư VFA trong từng năm tài chính.
- Mức thù lao này sẽ được áp dụng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực.

Điều 7: Thông qua Kế hoạch niêm yết chứng chỉ quỹ VFA tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM

Đại hội nhà đầu tư thống nhất và thông qua Kế hoạch niêm yết chứng chỉ quỹ như sau:

- Xin ý kiến Đại hội Nhà đầu tư về việc niêm yết chứng chỉ quỹ.
- Lập hồ sơ xin giấy chứng nhận niêm yết chứng chỉ Quỹ đầu tư VFA lên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM. Thời gian dự kiến: trong vòng 30 ngày.
- Tổ chức lưu ký tập trung chứng chỉ quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán – Chi nhánh TP. HCM. Thời gian dự kiến: trong vòng 15 ngày.
- Niêm yết chứng chỉ quỹ tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM. Thời gian dự kiến: khoảng tháng 5/2010.
- Tất cả thời gian dự kiến này có thể kéo dài hơn nhưng không được quá thời hạn luật hiện hành quy định.

Đại hội nhà đầu tư thống nhất và thông qua Kế hoạch niêm yết chứng chỉ quỹ VFA tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM và giao cho Công ty quản lý Quỹ thực hiện việc nộp hồ sơ đăng ký niêm yết trong thời gian sớm nhất có thể.

Điều 8: Thông qua số lượng thành viên Ban Đại diện Quỹ và Danh sách Ban đại diện Quỹ đầu tư VFA theo quy định tại Điều lệ Quỹ

Đại hội nhà đầu tư đã thống nhất thông qua số lượng thành viên Ban Đại diện Quỹ là 07 thành viên.

Đại hội nhà đầu tư đã thống nhất thông qua Danh sách Ban đại diện Quỹ đầu tư VFA theo quy định tại Điều lệ Quỹ gồm có:

1. Ông Phan Ngọc Diệp - Đại diện CTCP đầu tư phát triển Đô thị và KCN Sông Đà (SUDICO)
2. Ông Thái Tấn Dũng - Đại diện Công ty CP CK Đại Việt
3. Ông Nguyễn Trường Giang - Đại diện Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện
4. Ông Nguyễn Mạnh Hải - Đại diện Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex
5. Ông Bùi Nguyên Quỳnh - Đại diện Công ty Tài Chính CP Xi Măng
6. Ông Vũ Trung Thành - Đại diện CTCP Chứng khoán Ngân hàng Công Thương
7. Ông Lê Anh Tuấn - Thành viên

Đại hội nhà đầu tư thống nhất thông qua Danh sách Chủ tịch Ban đại diện Quỹ đầu tư VFA theo quy định tại Điều lệ Quỹ gồm có:

Chủ tịch Ban đại diện Quỹ : Ông Thái Tấn Dũng

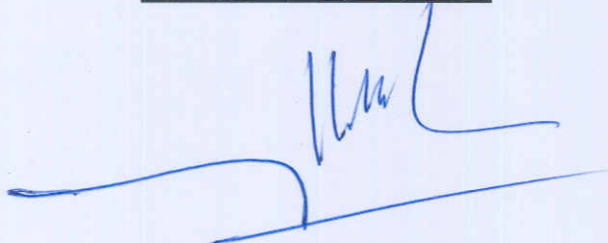
Điều 9: Thông qua Nghị quyết Đại hội

Đại hội nhà đầu tư nhất trí thông qua Nghị quyết Đại hội do đại diện Ban Thư ký trình bày.

Điều 10: Hiệu lực của Nghị quyết Đại hội

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chủ tịch Ban đại diện Quỹ

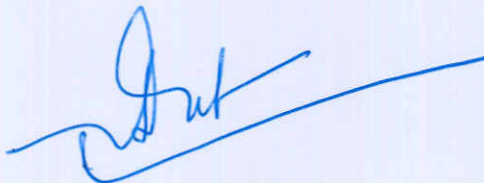


Ông THÁI TẤN DŨNG

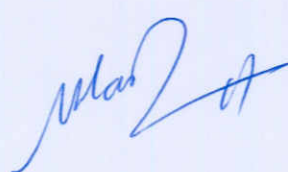
Đại diện Công ty quản lý quỹ




Ông TRẦN THANH TÂN
Tổng Giám đốc



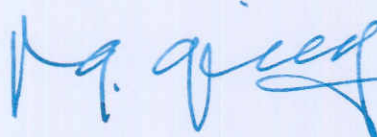
Ông PHAN NGỌC DIỆP



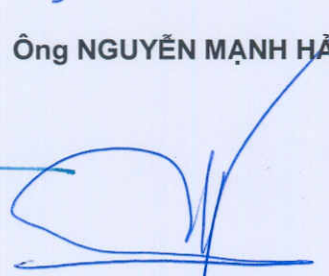
Ông NGUYỄN MẠNH HẢI



Ông BUI NGUYEN QUYNH



Ông NGUYỄN TRƯỜNG GIANG



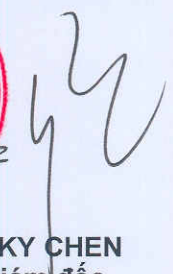
Ông VŨ TRUNG THÀNH



Ông LÊ ANH TUẤN

Đại diện Ngân hàng giám sát




Ông RICKY CHEN
Tổng Giám đốc



Số: 14/UBCK-GCN

Hà Nội, ngày 2 tháng 4 năm 2010

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH 11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Quyết định số 112/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 17/2007/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn Hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng;

Căn cứ Quyết định số 45/2007/QĐ-BTC ngày 5 tháng 6 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

Xét hồ sơ báo cáo kết quả chào bán và đăng ký lập Quỹ đầu tư năng động Việt Nam của Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam;

Theo đề nghị của Vụ Trưởng Vụ Quản lý các Công ty quản lý quỹ và Quỹ đầu tư chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng cho:

QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM

Tên đầy đủ tiếng Anh: Vietnam Active Fund

Tên viết tắt: Quỹ đầu tư VFA

Công ty quản lý quỹ: Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng Far East National Bank- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng số 05/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2009.

Thời hạn hoạt động của Quỹ: 05 (năm) năm

Điều 2: Quỹ đầu tư năng động Việt Nam được lập theo các nội dung sau:

1. Vốn điều lệ của quỹ: 240.437.600.000 (hai trăm bốn mươi tỷ bốn trăm ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng.
2. Mệnh giá chứng chỉ quỹ: 10.000 (mười nghìn) đồng.
3. Số lượng chứng chỉ quỹ: 24.043.760 (hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm sáu mươi).
4. Loại quỹ đầu tư chứng khoán: Quỹ đại chúng dạng đóng.

Điều 3: Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam, Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và các bên liên quan phải tuân thủ pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán, các văn bản pháp luật có liên quan và Điều lệ Quỹ.

Điều 4: Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5: Giấy chứng nhận này được lập thành hai (02) bản chính: một (01) bản cấp cho Công ty cổ phần quản lý quỹ đầu tư Việt Nam, một (01) bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Doan Hùng

VIETFUND MANAGEMENT (VFM)
QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM (VFA)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

GIẤY CAM KẾT CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

*(Về việc thông qua Hợp đồng giám sát tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất
theo yêu cầu của Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM)*

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

Căn cứ theo Công văn số 984/SGDHCM-NY ngày 02/6/2010 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM, bằng văn bản này, Ban đại diện Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA) cam kết về vấn đề sau đây:

Chúng tôi cam kết trình Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua Hợp đồng giám sát của Quỹ đầu tư VFA.

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu vi phạm cam kết này.

TP. HCM, ngày 08 tháng 06 năm 2010

Chủ tịch Ban đại diện Quỹ



THÁI TẤN DŨNG

NGÂN HÀNG FAR EAST NATIONAL BANK - CHI NHÁNH TP. HCM

và

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ GIÁM SÁT

TP. HCM, ngày 03 tháng 12 năm 2009

Hợp đồng Dịch Vụ Giám Sát này (sau đây gọi là “Hợp đồng”) được giao kết vào ngày 03 tháng 12 năm 2009 giữa các bên sau đây:

NGÂN HÀNG FAR EAST NATIONAL BANK - CHI NHÁNH TP. HCM

Giấy phép thành lập số: 03/NHNN-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 20/5/2004

GCN đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số: 21/UBCK-GCN do UBCKNN cấp ngày 27/7/2007

Trụ sở chính: Tòa nhà Trung tâm VP Sài Gòn Riverside, 2A-4A, Tôn Đức Thắng, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: (84 8) 38 220 566 Fax: (84 8) 38 275 307

Đại diện bởi: Ông RICKY CHEN Chức vụ: Tổng Giám Đốc

(sau đây gọi là “FENB”)

và

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

Giấy phép thành lập số: 45/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 08/01/2009

Trụ sở chính: Lầu 10, Cao ốc VP Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Q. 1, TP. HCM

Điện thoại: (84 8) 38 251 488 Fax: (84 8) 38 251 489

Đại diện bởi: Ông TRẦN THANH TÂN Chức vụ: Chủ tịch kiêm Tổng Giám Đốc

(“Công ty Quản lý Quỹ”) hành động thay mặt cho

QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM (“Quỹ đầu tư VFA”), một Quỹ đại chúng dạng đóng đang được Công ty Quản lý Quỹ tiến hành các thủ tục cần thiết xin phép Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) để huy động thành lập Quỹ đầu tư VFA.

CƠ SỞ

- (A) Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Việt Nam (VFM) được cấp phép là một Công ty Quản lý Quỹ theo Luật Việt Nam.
- (B) Bên B đã có một quá trình chuẩn bị cho việc huy động và thành lập Quỹ Đầu Tư Năng động Việt Nam (“Quỹ đầu tư VFA”) dựa trên:
 - (i) Thực hiện việc nghiên cứu về nền kinh tế Việt Nam, thị trường chứng khoán Việt nam, các cơ hội đầu tư vào thị trường và quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước lớn tại Việt nam;
 - (ii) Hoạch định các mục tiêu và chính sách đầu tư cho Quỹ đầu tư VFA, nghiên cứu kế hoạch giải ngân cho Quỹ đầu tư VFA;
 - (iii) Nghiên cứu về hệ thống pháp luật thực định Việt Nam và khung pháp lý cho việc huy động và thành lập các Quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng và

- (iv) Phân tích các yếu tố rủi ro trong quá trình sử dụng nguồn vốn huy động cho Quỹ đầu tư VFA.
- (C) Bên B đang tiến hành các thủ tục để xin phép Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (“UBCKNN”) để huy động thành lập Quỹ đầu tư VFA. Do đó, theo quy định pháp luật, Bên B cần phải có một Ngân hàng đáp ứng các điều kiện của pháp luật hiện hành để làm Ngân hàng giám sát cho Quỹ đầu tư VFA, ngay sau khi Quỹ đầu tư VFA được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.
- (D) FENB là ngân hàng đáp ứng các điều kiện của pháp luật hiện hành để làm Ngân hàng giám sát cho Quỹ đầu tư VFA và FENB đồng ý cung cấp các dịch vụ với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ đầu tư VFA, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ, đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ đầu tư VFA, ngay sau khi Quỹ đầu tư VFA được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.

CÁC BÊN THỎA THUẬN như sau:

1. Định Nghĩa và Diễn Giải

1.1 Định Nghĩa

Cá thuật ngữ in hoa sử dụng trong Hợp Đồng này sẽ có cùng nghĩa như được quy định tại phần định nghĩa trong Điều lệ của Quỹ. Ngoài ra, các từ ngữ in đậm dưới đây sẽ có nghĩa như sau trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác:

“Người Được Ủy Quyền” có nghĩa như được nêu tại điều 11.01;

“Điều Lệ” có nghĩa là Điều Lệ của Quỹ mà có thể được sửa đổi tùy từng thời điểm;

“Ngày Hiệu Lực” có nghĩa như được nêu tại Điều 15.01;

“Tài Sản Quỹ” có nghĩa là bất kỳ hoặc tất cả các tài sản củ Quỹ tại từng thời điểm, kể cả các cổ phiếu, chứng khoán, công cụ tài chính hoặc bất cứ khoản đầu tư nào khác;

“Thông Tin” có nghĩa như được nêu tại Điều 11.02;

“Các Dịch Vụ” có nghĩa là các dịch vụ do FENB cung cấp theo Hợp Đồng này, kể cả các dịch vụ lưu ký được nêu tại Điều 3, các dịch vụ quản lý tài sản được nêu tại Điều 4, các dịch vụ đăng ký nêu tại Điều 5 và bất kỳ dịch vụ nào khác mà FENB cung cấp cho Quỹ;

“Việt Nam” có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

1.2 Diễn Giải

Trong Hợp Đồng này, trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác và trừ khi được thay đổi hoặc được quy định khác trong Hợp Đồng này:

- (a) các từ thể hiện số ít cũng bao gồm số nhiều và ngược lại;
- (b) dẫn chiếu đến một tài liệu cũng bao gồm bất kỳ bản sửa đổi hoặc bổ sung hoặc thay thế hoặc điều chỉnh nào của tài liệu đó;

- (c) các dẫn chiếu đến Hợp Đồng này hoặc bất kỳ hợp đồng nào khác sẽ được hiểu là các dẫn chiếu đến tài liệu đó mà có thể được sửa đổi hoặc bổ sung tại từng thời điểm;
- (d) các dẫn chiếu đến các Điều và Phụ Lục là dẫn chiếu đến các điều và phụ lục của Hợp Đồng này;
- (e) các tiêu đề chỉ được sử dụng để tham khảo và sẽ không ảnh hưởng đến việc diễn giải Hợp Đồng này; và
- (f) các từ “bao gồm” và “kể cả” sẽ luôn được hiểu là đi trước cụm từ “mà không giới hạn”.

2. Phạm Vi

Tùy theo các quy định tại Điều 15.1 đến Điều 15.3, Công ty Quản lý Quỹ bằng Hợp đồng này chỉ định FENB và FENB bằng Hợp Đồng này đồng ý hành động với tư cách là Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ theo và phù hợp với các quy định củ Điều lệ, kể cả các nhiệm vụ sau:

- (a) ngân hàng lưu ký để thực hiện các dịch vụ lưu ký được nêu tại Điều 3 đối với các tài sản Quỹ;
- (b) ngân hàng quản lý của Quỹ để thực hiện các dịch vụ quản lý tài sản được nêu tại Điều 4; và
- (c) ngân hàng đăng ký của Quỹ để thực hiện các dịch vụ đăng ký được nêu tại Điều 5.

Quyền hạn và nhiệm vụ của FENB theo Hợp Đồng này sẽ được FENB thực thi và thực hiện tại mọi thời điểm phù hợp với các quy định của Điều Lệ và theo sự điều hành và giám sát tổng thể của Công Ty Quản lý Quỹ cũng như bất kỳ chỉ thị chung hoặc cụ thể nào mà Công Ty Quản lý Quỹ có thể đưa ra cho FENB tùy từng thời điểm và tại bất kỳ thời điểm nào, và sẽ liên lạc với Công Ty Quản lý Quỹ và tuân thủ các nội quy như được yêu cầu hợp lý. Việc thực thi các nghĩa vụ của FENB theo Hợp Đồng này chỉ dựa trên cơ sở các thông tin do Công Ty Quản lý Quỹ cung cấp. Trong mọi trường hợp, FENB sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này nếu các thông tin liên quan không được cung cấp kịp thời hoặc được cung cấp không chính xác.

FENB đồng ý rằng nếu FENB có Dịch Vụ hệ thống liên lạc truy cập giao dịch từ xa hoặc bất kỳ hệ thống liên lạc điện tử nào khác được FENB hoặc bất kỳ công ty thành viên nào của FENB cung cấp thì Công ty Quản lý Quỹ được sử dụng hoàn toàn miễn phí;

Để tránh nhầm lẫn, theo Hợp Đồng này và Phụ Lục 1, Công Ty Quản lý Quỹ sẽ luôn hành động thay mặt cho Quỹ và bất kỳ dẫn chiếu nào để bất cứ quyết định, chỉ thị, hành động, thông tin liên lạc, thông báo nào được đưa ra/thực hiện bởi hoặc được gửi cho Công Ty Quản lý Quỹ theo Hợp Đồng này sẽ được xem là được đưa ra/thực hiện bởi hoặc được gửi cho Công Ty Quản lý Quỹ thay mặt cho Quỹ trừ khi được quy định khác một cách rõ ràng trong Điều lệ Quỹ.

3. Các Dịch Vụ Lưu Ký

3.1 FENB sẽ thực hiện tất cả hoặc bất kỳ dịch vụ nào dưới đây thay mặt cho Quỹ (nhưng có quyền từ chối, theo quan điểm của FENB, có cơ sở pháp lý để từ chối như vậy và trong trường hợp đó FENB sẽ thông báo ngay và không chậm trễ cho Công Ty Quản lý Quỹ):

- (a) giữ hoặc thu xếp để các Tài Sản Quỹ được cầm giữ an toàn;
- (b) giữ tiền mặt thuộc sở hữu của Quỹ hoặc tiền mặt thuộc quyền quản lý được ủy quyền hợp lệ củ Quỹ;
- (c) giữ các công cụ không ghi danh và, nếu có thể, đăng ký các công cụ đó dưới tên của FENB hoặc dưới tên của bất kỳ người nào khác được FENB chỉ định;

- (d) giữ các loại chứng khoán chưa được thanh toán đầy đủ, theo các điều kiện mà Công ty Quản lý Quỹ chỉ định rõ;
- (e) mua hoặc đặt mua bất kỳ loại chứng khoán nào hoặc các khoản đầu tư khác phù hợp với chỉ thị của Công Ty Quản lý Quỹ và thực tiễn thị trường và theo dõi việc thu tiền cho mục đích đó;
- (f) ký kết bất kỳ hợp đồng hoặc văn bản nào thay mặt cho Quỹ liên quan đến bất kỳ cổ phiếu, chứng khoán, công cụ tài chính nào hoặc khoản đầu tư khác thuộc hoặc sẽ thuộc Tài Sản Quỹ, trong từng trường hợp phù hợp với chỉ thị của Công Ty Quản lý Quỹ và thực tiễn thị trường;
- (g) trong trường hợp chứng khoán được đăng ký dưới tên của FENB hoặc dưới tên của bất kỳ cá nhân nào khác được FENB chỉ định (nhưng không phải là các trường hợp khác), thông báo cho Công Ty Quản lý Quỹ các thông tin FENB nhận được mà đòi hỏi Công Ty Quản lý Quỹ phải có biện pháp đối với chứng khoán này, và yêu cầu, thu, nhận và thực hiện thanh toán hoặc phân bổ đối với các chứng khoán này;
- (h) vay hoặc bằng cách khác mua bán chứng khoán thay mặt Quỹ theo chỉ thị của Công Ty Quản lý Quỹ phù hợp với thực tiễn thị trường và pháp luật hiện hành;
- (i) thu xếp các thỏa thuận tài chính cho Quỹ tại từng thời điểm dựa trên các điều khoản và điều kiện được thỏa thuận giữa Công Ty Quản lý Quỹ và FENB;
- (j) cung cấp các dịch vụ khác mà FENB và Công Ty Quản lý Quỹ có thể thỏa thuận bằng văn bản tại từng thời điểm.

3.2 Khi cung cấp các dịch vụ lưu ký, FENB sẽ:

- (a) duy trì các tài khoản chứng khoán cũng như các tài khoản tiền mặt mà tất cả thu nhập và các khoản tiền nhận được từ các Tài Sản Quỹ sẽ được ghi vào các tài khoản đó;
- (b) duy trì sổ sách thể hiện các tài khoản thuộc sở hữu của Quỹ;
- (c) giữ các Tài sản Quỹ trong tài khoản riêng tách biệt với bất kỳ tài sản nào khác kể cả các tài sản được FENB cầm giữ;
- (d) đảm bảo rằng tất cả các Tài Sản Quỹ do FENB, những người được FENB chỉ định hoặc đại lý của FENB giữ đều được ghi chép rõ ràng trong sổ sách của FENB là các tài sản thuộc sở hữu của Quỹ và không phải là tài sản của FENB hoặc bất kỳ bên thứ ba nào;
- (e) không phân chia việc giữ các Tài sản Quỹ ngoại trừ phân chia cho Quỹ hoặc theo chỉ thị của Công Ty Quản lý Quỹ;
- (f) duy trì những sổ sách cần thiết xác định vị trí của mỗi giấy tờ sở hữu, bao gồm các chi tiết về:
 - (i) ngày mà giấy tờ sở hữu đó bắt đầu được FENB giữ hay quản lý hoặc FENB ngừng giữ hay quản lý;
 - (ii) nội dung của giấy tờ sở hữu đó; và
 - (iii) nội dung, số tiền và giá trị danh nghĩa của khoản đầu tư liên quan đến giấy tờ sở hữu đó.

3.3 FENB được ủy quyền thực hiện các biện pháp mà FENB cho là phù hợp để có thể cung cấp các Dịch Vụ và thực thi các quyền hạn của mình theo Hợp Đồng này, kể cả quyền:

- (a) tuân thủ bất kỳ luật áp dụng, quy định, lệnh, chỉ thị, thông báo hoặc yêu cầu nào của bất cứ cơ quan chính phủ và FENB sẽ không có trách nhiệm kiểm tra tính pháp lý của các luật áp dụng, quy định, lệnh, chỉ thị, thông báo hoặc yêu cầu nào của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - (b) thay mặt cho Quỹ và theo thông báo được gửi ngay khi có thể thực hiện trên thực tế cho Công Ty Quản lý Quỹ, trích lại và/hoặc thanh toán bất kỳ khoản thuế hoặc nghĩa vụ phải thanh toán nào đối với hoặc liên quan đến các Tài Sản Quỹ;
 - (c) khi không nhận được hoặc khi nhận trễ các chỉ thị từ Công ty Quản lý Quỹ đối với một yêu cầu được FENB gửi hợp lệ cho Công Ty Quản lý Quỹ, thực hiện hoặc không thực hiện nếu FENB cho là phù hợp vì lợi ích cao nhất của Quỹ;
 - (d) nhập các Tài Sản Quỹ vào cùng tài sản của các khách hàng khác trong trường hợp phải lưu ký tài sản với Trung tâm Lưu ký chứng khoán (mặc dù FENB sẽ xác định rõ Tài Sản Quỹ nào được giữ trong phạm vi quyền hạn của mình với tư cách là ngân hàng lưu ký thay mặt cho Quỹ, là tài sản Quỹ);
 - (e) khi nhận được chấp thuận của Công Ty Quản lý Quỹ nếu đó không phải là một yêu cầu bắt buộc, tham gia và tuân thủ các nguyên tắc và quy định của bất kỳ hệ thống nào mà cung cấp dịch vụ lưu ký tập trung, thanh toán bù trừ liên quan đến chứng khoán nhưng không chịu trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ hành vi hoặc việc bỏ qua không thực hiện nào về phía người điều hành hoặc quản lý hệ thống đó; và
 - (f) với điều kiện nếu đây là tập quán thị trường, thì được phép nhận thay cho giấy tờ sở hữu liên quan đến các Tài Sản Quỹ đã được mua (được mua và đã được thanh toán) chấp nhận giấy tờ sở hữu đó và cam kết của người môi giới của bên bán về việc cung cấp các giấy tờ sở hữu liên quan tại một thời điểm chưa xác định trong tương lai.
- 3.4 Tùy vào việc Hợp Đồng này có quy định ngược lại, FENB sẽ không có nghĩa vụ điều tra, tham gia vào hoặc có biện pháp ủng hộ liên quan đến các ủy quyền đã nhận được, việc tham dự các cuộc họp, biểu quyết nếu không đúng chỉ thị của Công ty Quản lý Quỹ. Nếu không có những chỉ thị đó, FENB sẽ không thực hiện bất kỳ hành động nào trừ khi được quy định khác theo Luật Việt Nam với điều kiện là FENB đã kịp thời thông báo cho Công Ty Quản lý Quỹ về việc này.
- 3.5 Tại mọi thời điểm, Quỹ sẽ duy trì các Tài Sản Quỹ tại FENB đủ để cho phép FENB, theo quy định tại Hợp Đồng này, giải quyết bất kỳ giao dịch tồn đọng nào đã được thiết lập, hoặc để giải quyết bất kỳ khoản nợ nào mà Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ hoặc FENB thay mặt cho Quỹ đã phải chịu. Theo một thông báo trước gửi cho Công Ty Quản lý Quỹ, FENB sẽ có quyền, nhưng không bị buộc phải, giữ đủ số Tài sản Quỹ để có thể cho phép FENB giải quyết bất kỳ giao dịch hoặc khoản nợ tồn đọng như vậy. Nếu không có đủ Tài Sản Quỹ để FENB có thể giải quyết những giao dịch hoặc khoản nợ tồn đọng của Quỹ, thì FENB sẽ có quyền, nhưng không bị buộc phải, giải quyết và/hoặc từ chối giải quyết bất kỳ giao dịch tồn đọng nào và/hoặc hủy bỏ các chỉ thị chưa thực hiện và khi đó FENB sẽ thông báo ngay cho Công Ty Quản lý Quỹ. Nếu FENB thực thi quyền hạn của mình để giải quyết bất kỳ giao dịch tồn đọng nào như vậy, thì, khi được FENB yêu cầu với đầy đủ tài liệu thích hợp, Quỹ hoặc Công Ty Quản lý Quỹ thay mặt cho Quỹ sẽ hoàn trả ngay cho FENB bất kỳ và mọi chi phí và phí tổn mà FENB đã chịu. Các quy định tại Điều 3.5 này vẫn sẽ tồn tại sau khi Hợp Đồng này được chấm dứt.
- 3.6 Khi thực hiện các Dịch Vụ, FENB sẽ cẩn trọng như thực hiện đối với tài sản mình đang sở hữu ngoại trừ trong phạm vi được quy định khác tạo Hợp Đồng này.

4. Các Dịch Vụ Quản Lý Tài Sản

- 4.1 Trong khi tiếp tục thực hiện các công việc được chỉ định trong Hợp đồng này, FENB sẽ tiếp tục việc quản lý chung tài sản của Quỹ và không giới hạn tính tổng quát của các quy định trên, nhiệm vụ của FENB bao gồm:

- (a) Giữ của yêu cầu giữ tại địa điểm của mình hoặc của nhà cung cấp Dịch Vụ của FENB ở Việt Nam tất cả những chứng từ kế toán liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này kể cả các sổ sách, ghi chép và báo cáo mà có thể cần thiết để đưa ra một hồ sơ hoàn chỉnh về tất cả các Tài Sản Quỹ được giữ cũng như các giao dịch được thực hiện thay mặt cho Quỹ theo yêu cầu của Điều lệ;
 - (b) xuất trình tất cả sổ sách, ghi chép và báo cáo để Công ty Quản lý Quỹ và các Kiểm Toán Viên và đại lý được ủy quyền hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ (nếu được sự chấp thuận trước của Công ty Quản lý Quỹ) kiểm tra;
 - (c) cung cấp các tài khoản trong hệ thống kế toán theo biểu mẫu (được FENB và Công ty Quản lý Quỹ chấp thuận) để kế toán viên của Quỹ có thể lập báo cáo thường niên;
 - (d) ký kết, lập và thực hiện tất cả các Hợp đồng, thỏa thuận và cam kết khác mà theo ý kiến của Công ty Quản lý Quỹ có thể cần thiết cho việc thực hiện Hợp đồng này và/hoặc các mục đích và mục tiêu của Quỹ;
 - (e) kiểm tra các báo cáo do Công ty Quản lý Quỹ lập liên quan đến các Tài Sản Quỹ theo các cách thức hợp pháp và chuyên nghiệp bao gồm nhưng không giới hạn các công ty kiểm toán thuê ngoài được Quỹ chỉ định;
 - (f) thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ về những khác biệt trong việc định giá quỹ để điều chỉnh lại;
 - (g) cung cấp các báo cáo nêu tại [Điều 12.1] để trình lên Cơ quan có thẩm quyền theo các quy định đang áp dụng về giám sát và các Nhà đầu tư;
 - (h) điều chỉnh, giữ sổ sách và lưu tất cả báo cáo liên quan đến việc quản lý của Quỹ trong thời hạn của Hợp đồng này; và
 - (i) thực hiện các giao dịch thanh toán liên quan đến Quỹ phù hợp với các quy định hiện hành về Ngân hàng.
- 4.2 Định kỳ, FENB sẽ đối chiếu các báo cáo Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ cùng với Công ty Quản lý Quỹ.
- 4.3 Khi xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ theo các quy định của Điều lệ, phải tính tất cả giao dịch mua bán chứng khoán, các khoản phải thu, phải trả, trích trước tính đến ngày định giá.
- 4.4 FENB sẽ kiểm tra, giám sát để đảm bảo phí quản lý và các loại phí khác trả cho Công ty Quản lý Quỹ phù hợp với Điều lệ.

5. Các Dịch Vụ Đăng Ký

- 5.1 FENB sẽ hành động với tư cách là Ngân hàng đăng ký của Quỹ và có các nhiệm vụ sau:
- (a) giữ Sổ đăng ký của Quỹ tại Văn phòng của mình ở Việt Nam phù hợp với các quy định của pháp luật có hiệu lực tại thời điểm đó và Điều lệ;
 - (b) ghi vào Sổ đăng ký các chi tiết mà Điều lệ quy định bao gồm các thông tin dưới đây:
 - Tên của Quỹ;
 - Sổ đăng ký;
 - Tên và số giấy phép, trụ sở của Công ty Quản lý Quỹ;

- Tên và số giấy phép, trụ sở của Ngân hàng Giám sát;
 - Tổng số Đơn Vị Quỹ do Quỹ phát hành;
 - Hoặc các thông tin có liên quan khác như được quy định trong Điều lệ Quỹ.
- (c) xuất trình Sổ đăng ký để kiểm tra tại văn phòng của mình ở Việt Nam phù hợp với Điều lệ và tại từng thời điểm theo quy định của tất cả luật hiện hành hoặc của các bộ luật, luật lệ của quy định của tất cả các cơ quan của ban ngành quản lý mà Quỹ chịu sự quản lý; và
- (d) tại bất kỳ thời điểm nào trong giờ làm việc cho phép Công ty Quản lý Quỹ và bất kỳ đại lý được chỉ định hợp pháp hoặc đại diện nào của Công ty Quản lý Quỹ với chi phí do Công ty Quản lý Quỹ chịu (nếu có) để kiểm toán hoặc kiểm tra Sổ đăng ký và bất kỳ tài liệu nào khác được giữ bởi và vẫn thuộc sở hữu của FENB đang giữ cho Quỹ của các đại lý của đại diện của Quỹ trong giờ làm việc bất kỳ khi nào có yêu cầu hợp lý và tương tự cung cấp tất cả thông tin, giải trình và hỗ trợ khi Công ty Quản lý Quỹ, đại lý hoặc đại diện có yêu cầu;
- (e) nhận, ghi chép và theo dõi tài liệu về việc Góp vốn của các Nhà đầu tư và cân chỉnh số liệu đối với Danh sách các Nhà đầu tư.
- (f) thu xếp việc thanh toán cổ tức theo chỉ thị của Công ty Quản lý Quỹ.
- (g) thu xếp hoàn trả các khoản tiền thừa phát sinh từ việc phân phối chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư theo chỉ thị của Công ty Quản lý Quỹ;
- (h) thu xếp hoàn trả tiền cho Nhà đầu tư trong trường hợp thanh lý, giải thể Quỹ theo chỉ thị của Công ty Quản lý Quỹ và sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư và Ủy ban chứng khoán nhà nước.

5.2 Cho dù có bất cứ một quy định nào trong điều khoản 5.1 hay các quy định khác trong Hợp đồng này, Công ty Quản lý Quỹ xác nhận rằng Công ty Quản lý Quỹ (không phải FENB hay bất cứ thành viên trực thuộc nào của FENB được ủy quyền trong quyền hạn và điều kiện thực thi của Hợp đồng) chịu trách nhiệm sau cùng trong việc bảo đảm cho Quỹ và Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định hiện hành và liên quan về chống rửa tiền.

6. Thực thi quyền của FENB

FENB có quyền sử dụng tên của Quỹ với điều kiện là FENB đề cập rằng FENB hành động với tư cách là Ngân hàng Giám sát của Quỹ và ký bất kỳ thư nào hoặc tài liệu khác cần thiết thay mặt và đại diện cho Quỹ với tư cách là bên quản lý của Quỹ chỉ khi thực hiện đúng các nhiệm vụ của mình theo Hợp đồng này và không được sử dụng vì mục đích khác.

FENB bằng chi phí của riêng mình sẽ cung cấp tất cả tiện ích, thiết bị và nhân sự Văn phòng cần thiết để FENB có thể thực hiện các chức năng của mình theo Hợp đồng này.

Các Dịch Vụ của FENB được cung cấp cho Quỹ theo Hợp đồng này không được xem là độc nhất và FENB sẽ được toàn quyền cung cấp các Dịch Vụ tương tự cho những người khác trong phạm vi các Dịch Vụ mà FENB theo Hợp đồng này không bị ảnh hưởng bởi việc cung cấp đó và sẽ được toàn quyền giữ lại tất cả các khoản phí và các khoản tiền khác phải được thanh toán bởi việc cung cấp đó để sử dụng và vì quyền lợi của riêng mình, và FENB sẽ không được xem là bị ảnh hưởng nếu có thông báo của Quỹ hoặc được xem là có nhiệm vụ thông báo cho Quỹ bất kỳ sự kiện hoặc sự việc nào mà FENB của bất kỳ nhân viên hoặc đại diện nào của FENB được thông báo trong quá trình FENB cung cấp các Dịch Vụ tương tự cho những người khác hoặc trong quá trình hoạt động kinh doanh của FENB với tư cách khác của với cách thức khác mà không phải trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ của mình theo Hợp đồng này.

7. Bất khả kháng

- 7.1 FENB sẽ không chịu trách nhiệm của có nghĩa vụ đối với việc không thực hiện của chậm trễ thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này phát sinh hoặc gây ra trực tiếp hoặc gián tiếp bởi các trường hợp vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý của FENB bao gồm nhưng không giới hạn bởi thiên tai, động đất, hỏa hoạn, lũ lụt, chiến tranh, dân biến của chính biến, hành động thù nghịch, khủng bố, bệnh dịch, bạo loạn, các tiện ích công cộng, máy tính (phần cứng hoặc phần mềm) hoặc Dịch Vụ thông tin liên lạc bị gián đoạn, không hoạt động hoặc vận hành sai, tai nạn, tranh chấp lao động, hành động của cơ quan hành chính của quân đội hoặc các hành động của Chính phủ.
- 7.2 Nếu FENB tại bất kỳ thời điểm nào và tại từng thời điểm không có khả năng cung cấp hoặc tiếp tục cung cấp bất kỳ Dịch Vụ nào do hậu quả của các trường hợp vượt quá sự kiểm soát của mình, thì FENB sẽ có quyền ngưng (các) Dịch Vụ bị ảnh hưởng ngay lập tức. FENB phải thông báo kịp thời cho Công ty Quản lý Quỹ về việc ngưng đó và cũng phải thông báo ngay khi có thể thực hiện trên thực tế cho Công ty Quản lý Quỹ nếu các trường hợp nói trên không còn tiếp diễn nữa để FENB có thể tiếp tục cung cấp (các) Dịch Vụ liên quan.

8. Ủy quyền

- 8.1 Nếu có thông báo trước bằng văn bản cho Công ty quản lý quỹ. FENB có quyền chỉ định bất kỳ người nào khác làm người được chỉ định hoặc đại diện của mình kể cả các công ty trong cùng tập đoàn FENB để thực hiện bất kỳ Dịch Vụ nào thay mặt cho FENB và có quyền ủy quyền bất kỳ quyền hạn nào của mình theo Hợp đồng này cho người đó, nhưng trong trường hợp đó, FENB vẫn sẽ chịu trách nhiệm về các chi phí tăng lên do sự chỉ định này và sự bất cẩn hoặc cố ý vi phạm của bất kỳ đơn vị nào, với điều kiện là FENB sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất cẩn hoặc vi phạm của bất kỳ đơn vị nào cung cấp các tiện ích gửi tài sản, bù trừ và/hoặc thanh toán tập trung.
- 8.2 FENB được phép cung cấp bất kỳ thông tin nào mà FENB có về Quỹ, bất kỳ Tài sản Quỹ nào và các Dịch Vụ cho bất kỳ người nào khác được FENB chỉ định liên quan đến việc thực hiện các Dịch Vụ.
- 8.3 FENB, các đại lý hoặc đại diện được bổ nhiệm của FENB theo Điều 8.1 sẽ được phép tuân theo bất kỳ lệnh từ Tòa án tại quốc gia mà Công ty Quản lý Quỹ đăng ký thành lập, các luật và/hoặc quy định nào liên quan đến và áp dụng đối với các tài sản của Quỹ và bất kỳ chỉ thị nào từ một cơ quan quản lý theo quy định của các luật và/hoặc quy định đó.

9. Khẳng định và Bảo đảm

- 9.1 Quỹ và Công ty Quản lý quỹ khẳng định và bảo đảm với FENB rằng:
- (i) Quỹ được phép và có toàn quyền gửi các Tài sản Quỹ cho FENB;
 - (ii) Quỹ có và sẽ xin mọi Giấy phép và chấp thuận cần thiết của tất cả các cơ quan có thẩm quyền liên quan;
 - (iii) Quỹ sẽ tuân thủ mọi quy định được áp dụng; và
 - (iv) Công ty quản lý quỹ có và sẽ cung cấp cho FENB tất cả thông tin liên quan khi được FENB yêu cầu.
- 9.2 Quỹ công nhận rằng các quy định về thanh toán, cơ chế pháp lý và quản lý và thực tiễn thị trường được áp dụng tại các quốc gia mà Dịch Vụ được cung cấp có thể khác với các quy định về thanh toán, cơ chế pháp lý và quản lý và thực tiễn thị trường tại quốc gia của chính Quỹ và khác nhau giữa các quốc gia khác nhau.

9.3 Quỹ công nhận rằng luật pháp và thực tiễn thị trường được áp dụng tại nhiều quốc gia có thể thay đổi thường xuyên và FENB sẽ chỉ có nghĩa vụ lưu ý Quỹ về các thay đổi ảnh hưởng đến việc thực hiện Dịch Vụ của FENB, mà theo ý kiến của FENB là có tính chất nền tảng.

9.4 Quỹ công nhận và chấp nhận như sau:

- (i) FENB cần cung cấp cho bên môi giới về số tiền hoặc số chứng khoán trong các tài khoản của Quỹ trước khi các bên môi giới tiến hành thực hiện một giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán ("STC"). FENB được Quỹ ủy quyền thông báo cho các bên môi giới về việc có đủ số dư trong các tài khoản của Quỹ mở tại FENB. FENB sẽ xác nhận việc có đủ số dư với các bên môi giới và giữ lại số dư đó để các bên môi giới kinh doanh mà không chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các bên môi giới có được Quỹ ủy quyền thực hiện giao dịch đó hay không. Quỹ hoặc công ty quản lý quỹ thay mặt Quỹ sẽ bồi hoàn cho FENB đối với mọi khoản nợ có thể xảy ra cho FENB liên quan đến việc thông báo và thực hiện giao dịch nêu trên và việc không thực hiện bất kỳ giao dịch nào khác do hậu quả của việc thực hiện giao dịch nêu trên.
- (ii) Theo luật pháp Việt Nam hiện hành, mỗi ngày FENB sẽ nhận được một báo cáo của Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán ("VSD") về các giao dịch do Công ty quản lý quỹ thay Quỹ thực hiện. FENB sẽ phải xác nhận tất cả các giao dịch trên báo cáo này trước thời điểm được VSD quy định tại từng thời điểm và được FENB thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ. Tất cả các giao dịch được xác nhận sẽ phải được thanh toán theo đó. Bất kỳ chi tiết nào về giao dịch bị thắc mắc sẽ được STC và VSD sẽ có giá trị ràng buộc. Nếu không có xác nhận hoặc tranh chấp của FENB, các giao dịch sẽ phải được thanh toán theo báo cáo nói trên.
- (iii) Để FENB có thể xác nhận/thắc mắc về bất kỳ giao dịch nào, Công ty Quản lý Quỹ sẽ bảo đảm rằng FENB nhận được chỉ thị thanh toán của Quỹ trước các kỳ hạn được FENB thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ tại từng thời điểm. FENB sẽ không chấp nhận bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào đối với các giao dịch được STC tiến hành hoặc hủy bỏ nếu FENB chưa nhận được chỉ thị thanh toán của Công ty Quản lý Quỹ trong kỳ hạn của FENB, hoặc nếu STC chỉ thị FENB thanh toán cho bất kỳ giao dịch nào dù cho FENB có thắc mắc về giao dịch đó. Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ thay mặt Quỹ cũng phải bồi hoàn cho FENB đối với mọi khiếu nại, thiệt hại, tổn thất, hành động hoặc thủ tục tố tụng mà FENB có thể gánh chịu hoặc bị tiến hành liên quan đến các giao dịch đó.

10. 10. Giới hạn trách nhiệm và bồi thường

- 10.1 Việc cung cấp Dịch Vụ không làm cho FENB trở thành bên nhận tín thác và FENB sẽ không có tín thác hoặc các nghĩa vụ nào khác đối với các Tài Sản Quỹ ngoại trừ các nghĩa vụ được nêu tại Hợp đồng này.
- 10.2 FENB không có nhiệm vụ kiểm tra hoặc xác minh tính có giá trị của quyền sở hữu hoặc quyền nắm giữ đối với bất kỳ Tài Sản Quỹ nào và sẽ không chịu trách nhiệm đối với không có quyền sở hữu hoặc quyền nắm giữ.
- 10.3 FENB sẽ không có nghĩa vụ nộp thuế hoặc phí phải nộp trên hoặc đối với các Tài Sản Quỹ cũng như đối với việc quản lý hoặc bất kỳ việc giảm giá trị nào của các Tài Sản Quỹ.
- 10.4 Tại các quốc gia ngăn cấm các bên nước ngoài nắm giữ quyền sở hữu Tài sản. FENB sẽ không có nhiệm vụ đối với Quỹ về việc xác nhận quốc tịch của bên sở hữu Tài Sản Quỹ hoặc xác nhận rằng các Tài Sản Quỹ gửi được chấp thuận cho bên nước ngoài nắm quyền sở hữu trừ khi được Quỹ chỉ thị cụ thể.
- 10.5 FENB sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ loại tổn thất nào mà Quỹ có thể gánh chịu do FENB cung cấp Dịch Vụ phù hợp với các chỉ thị của Công ty Quản lý Quỹ và thực tiễn thị trường, và trong bất kỳ trường hợp nào khác, trừ khi do FENB vi phạm Hợp đồng này, bất cẩn, lừa dối hoặc cố ý vi phạm của mình hoặc bất kỳ người nào khác do FENB chỉ định hoặc các viên chức hoặc nhân viên hoặc đại diện tương ứng của họ.

- 10.6 Quỹ công nhận rằng có các khó khăn cụ thể trong việc thiết lập hiệu lực của chứng khoán thu nhập cố định (kể cả, nhưng không giới hạn, trái phiếu công ty và nhà nước, hối phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu chuyển đổi được, trái khoán, hứa phiếu, trái phiếu lãi suất thả nổi, công trái và thương phiếu) được thanh toán tại một số quốc gia và các chứng khoán chưa được niêm yết và các chứng khoán nước ngoài (không phải trong nước). Do đó, mặc dù FENB sẽ nỗ lực kiểm tra trên bề mặt tính xác thực của chứng nhận và/hoặc chứng chỉ chứng khoán, chứng nhận nào nêu trên và sẽ không chịu trách nhiệm đối với việc không có hiệu lực hoặc thiếu tính xác thực đó.
- 10.7 FENB sẽ bồi hoàn cho Quỹ đối với mọi khiếu nại, khoản nợ, thiệt hại, chi phí và phí tổn với bất kỳ loại nào mà Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ có thể gánh chịu và mọi hành động hoặc thủ tục tố tụng có thể được tiến hành đối với Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ do FENB vi phạm Hợp đồng này, bất cần, lừa dối hoặc cố ý vi phạm của FENB, bất kỳ người nào khác do FENB chỉ định hoặc các viên chức hoặc nhân viên tương ứng của họ liên quan đến cung cấp Dịch Vụ với điều kiện là FENB sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại là hậu quả gián tiếp. Việc bồi hoàn này sẽ tiếp tục bất kể Hợp đồng này chấm dứt.
- 10.8 Quỹ hoặc Công ty Quản lý Quỹ sẽ bồi hoàn cho FENB và bất kỳ người nào khác do FENB chỉ định và các viên chức và nhân viên tương ứng của họ đối với mọi khiếu nại, khoản nợ, thiệt hại, chi phí và phí tổn với bất kỳ loại nào mà họ gánh chịu và mọi hành động hoặc thủ tục tố tụng có thể được tiến hành đối với họ liên quan đến việc cung cấp Dịch Vụ ngoại trừ trong phạm vi hậu quả của việc FENB vi phạm Hợp đồng này, bất cần, lừa dối hoặc cố ý vi phạm của FENB và các viên chức và nhân viên tương ứng của FENB. Việc bồi hoàn này sẽ tiếp tục bất kể Hợp đồng này chấm dứt.
- 10.9 Trong phạm vi FENB gánh chịu bất kỳ khoản lỗ nào do FENB ghi có vào bất kỳ tài khoản nào của Quỹ đối với bất kỳ chứng nhận nào mà không rõ ràng vào lúc đó, thì FENB có quyền ghi nợ vào tài khoản của Quỹ theo đó.
- 10.10 Để tránh nhầm lẫn và bất kể các Điều khoản theo quy định của Hợp đồng này, FENB và Quỹ đồng ý rằng Công ty Quản lý Quỹ sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào khác ngoài các nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng này và Phụ lục 1.

11. Chỉ thị của Quỹ

- 11.1 Trong trường hợp Hợp đồng này yêu cầu đưa ra chỉ thị của Công ty Quản lý Quỹ, thì Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo cho FENB tại từng thời điểm với cách thức được FENB yêu cầu về những người hoặc đơn vị được ủy quyền đưa ra chỉ thị ("Những người được ủy quyền"). Chỉ thị sẽ được Những người được Ủy quyền đưa ra bằng:
- (i) Văn bản; hoặc
 - (ii) Thư điện tử, fax, điện thoại; hoặc
 - (ii) chuyển thông qua Hệ thống hoặc hình thức thông tin liên lạc khác do FENB và Công ty Quản lý Quỹ thỏa thuận bằng văn bản.
- 11.2 Theo toàn quyền quyết định của mình, FENB có quyền chấp nhận các chỉ thị (kể cả dữ liệu và/hoặc bất kỳ thông tin liên lạc nào, gọi chung là "Thông tin") mà FENB tin tưởng một cách hợp lý là đã phát xuất từ (những) Người được ủy quyền và theo hình thức được gửi mà đã không được tiếp nhận và sửa đổi mà trong trường hợp đó, nếu FENB hành động trên tinh thần thiện chí đối với các chỉ thị đó, thì các chỉ thị đó sẽ ràng buộc Quỹ và FENB sẽ không chịu trách nhiệm đối với việc thực hiện như vậy, dù cho các chỉ thị đó có được đưa ra bởi (những) Người Được Ủy quyền hay không và FENB sẽ không có nhiệm vụ xác minh nhân diện của (những) người đưa ra các chỉ thị đó.

11.3 Công ty Quản lý Quỹ sẽ:

- (i) xác nhận với FENB tên và chữ ký của những người được ủy quyền đưa ra chỉ thị theo Hợp đồng này cho FENB và sẽ giao cho FENB bản sao có xác nhận sao y, các quyết định bổ nhiệm; và
- (ii) kịp thời xác nhận với FENB về bất kỳ sự thay đổi nào được thực hiện tại từng thời điểm cụ thể đối với những người được ủy quyền nêu trên.

11.4 Trong trường hợp không phải vì lý do FENB bắt cần, cố ý vi phạm hoặc lừa dối, nếu FENB hành động dựa vào các Thông tin, thì Thông tin đó sẽ có giá trị ràng buộc Quỹ và FENB sẽ không chịu trách nhiệm thực hiện việc đó, dù cho Thông tin đó có được đưa ra bởi Những người được ủy quyền hay không và/hoặc có được tiếp nhận và sửa đổi hay không. FENB sẽ không có nhiệm vụ xác minh tính xác thực của các Thông tin đó, hoặc xác minh nhân thân của (những) người đưa ra Thông tin đó.

11.5 Quỹ cam kết giữ cho FENB được bồi hoàn tại mọi thời điểm đối với và giữ cho FENB không bị thiệt hại bởi mọi hành động, thủ tục tố tụng, khiếu nại, tổn thất, thiệt hại, chi phí và phí tổn mà có thể được tiến hành đối với FENB hoặc FENB có thể gánh chịu hoặc chịu đựng và đã phát sinh trực tiếp hoặc gián tiếp từ hoặc liên quan đến việc FENB chấp nhận Thông Tin và hành động căn cứ vào Thông Tin đó.

12. Báo cáo, Bản kê và Thông tin

12.1 FENB phải cung cấp cho Quỹ các báo cáo và bản kê về các Tài Sản Quỹ và tại những thời điểm như được quy định trong Điều lệ của Quỹ hoặc phù hợp với quy định liên quan.

12.2 Theo yêu cầu của Công ty Quản lý Quỹ, trong vòng 10 ngày kể từ khi được yêu cầu, FENB sẽ soạn thảo và giao cho Công ty Quản lý Quỹ một báo cáo, được lập vào ngày được Quỹ nêu cụ thể (là ngày chậm nhất là một tháng lịch trước khi báo cáo được giao cho Công ty Quản lý Quỹ) xác nhận các vấn đề sau liên quan đến mỗi chi tiết của các Tài Sản Quỹ:

- (a) các tài liệu về quyền sở hữu mà FENB nắm giữ cho Quỹ;
- (b) số tiền của Tài Sản Quỹ; và
- (c) trong trường hợp Tài Sản Quỹ phải được đăng ký, thì xác nhận số đơn vị được nắm giữ trong mỗi tên khác nhau.

12.3 FENB cũng sẽ thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ kịp thời về bất kỳ hành động pháp lý nào được tiến hành bởi bất kỳ người nào đối với Tài Sản Quỹ mà được thông báo cho FENB liên quan đến việc cung cấp Dịch Vụ.

12.4 Các đại diện được ủy quyền hợp lệ của Công ty Quản lý Quỹ sẽ được phép tiếp cận các sổ sách của FENB xác định về Tài Sản Quỹ sau khi thông báo trước hợp lý cho FENB.

12.5 FENB sẽ cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ các thông tin mà Công ty Quản lý Quỹ có thể yêu cầu hợp lý về các tiện ích và phương pháp hoạt động mà FENB sử dụng khi cung cấp Dịch Vụ và sẽ hỗ trợ hợp lý cho Công ty Quản lý Quỹ trong việc giải quyết bất kỳ khác biệt nào có thể phát sinh giữa sổ sách của FENB và sổ sách của Công ty Quản lý Quỹ.

12.6 Tuy nhiên, FENB sẽ không cần phải cung cấp các báo cáo, bản kê, tiếp cận và/hoặc thông tin mà nếu thực hiện việc đó sẽ trái với bất kỳ luật, quy định, lệnh, chỉ thị, thông báo hoặc yêu cầu nào của bất kỳ cơ quan nhà nước nào, dù là có hiệu lực pháp luật hay không, hoặc trong trường hợp tiếp cận và/hoặc thông tin, thì nếu thực hiện việc đó sẽ phương hại đến an ninh, hoạt động hoặc kinh doanh của FENB hoặc các nhiệm vụ bảo mật của FENB.

- 12.7 Trừ khi được quy định khác tại Hợp đồng này, FENB đồng ý bảo mật tất cả thông tin mà mình đang nắm giữ liên quan đến Tài Sản Quỹ và Hợp đồng này và không tiết lộ các thông tin đó cho bất kỳ bên thứ ba nào.

13. Phí và Chi Phí

- 13.1 Quỹ sẽ thanh toán phí cho FENB về việc cung cấp Dịch Vụ với khoản tiền như được nêu tại Phụ lục 2 của Bản Hợp đồng này. Mọi thay đổi sẽ được hai bên thỏa thuận bằng văn bản tại từng thời điểm trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa hai bên.

- 13.2 Căn cứ theo sự đồng ý trước bằng văn bản của Quỹ và/hoặc Công ty Quản lý Quỹ đại diện cho Quỹ, Quỹ cũng sẽ thanh toán cho FENB các khoản phí mà FENB hoặc bất kỳ người nào khác do FENB chỉ định đã chịu khi cung cấp Dịch Vụ.

Giấy chứng nhận về nội dung và giá trị của các khoản chi phí đó do FENB đưa ra sẽ là bằng chứng chung cuộc để Quỹ thanh toán các khoản chi phí.

- 13.3 Tùy vào quy định giới hạn tại Điều 13.4, nếu bất kỳ khoản phí hoặc chi phí nào được nêu tại Điều 13.1 và 13.2 chưa được thanh toán sau khi đã đến hạn thanh toán, FENB sẽ có quyền tự động ghi nợ và/hoặc bù trừ các khoản phí hoặc chi phí này vào bất cứ số dư có nào trên bất kỳ tài khoản nào của Quỹ tại FENB để thanh toán.

- 13.4 Tuy nhiên, FENB sẽ không được khẳng định hoặc thực thi bất kỳ quyền cầm giữ hoặc quyền giữ nào đối với bất kỳ Tài Sản Quỹ nào.

14. Ủy quyền

Trong suốt thời hạn của Hợp đồng này, Quỹ theo đây không hủy ngang chỉ định FENB và bất kỳ người nào do FENB chỉ định làm Người Được Ủy Quyền cho Quỹ và dưới danh nghĩa, thay mặt cho và như là hành động và văn kiện của Quỹ hoặc bằng cách khác, mà không dẫn chiếu đến hoặc cần sự chấp thuận của Quỹ, để ký kết mọi tài liệu cũng như thực hiện mọi công việc như có thể cần thiết cho việc thực thi đầy đủ tất cả hoặc bất kỳ quyền hạn nào theo đây được trao cho FENB và các quyền của mình theo Hợp đồng này mà Quỹ cho là cần thiết liên quan đến việc thực thi các quyền hạn và quyền này.

15. Ngày hiệu lực và chấm dứt

- 15.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai Bên ký kết và tùy thuộc việc chấm dứt trước thời hạn theo các quy định của Điều 15.4 đến 15.7, sẽ còn hiệu lực cho đến khi giải thể Quỹ.

- 15.2 Các quyền và nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng này sẽ không có hiệu lực cho đến ngày ("Ngày hiệu lực") mà Đại hội Nhà đầu tư thông qua việc chọn FENB làm Ngân hàng Giám sát.

- 15.3 Nếu Đại hội Nhà đầu tư không thông qua việc chọn FENB làm Ngân hàng Giám sát trong vòng 180 ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng này, thì Hợp đồng này sẽ tự động chấm dứt và bất kỳ Bên nào cũng sẽ không chịu trách nhiệm.

- 15.4 Hợp đồng này có thể được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- (a) nếu FENB dự định chấm dứt các quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ và dự định này được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư;
- (b) nếu FENB chấm dứt hoạt động, bị giải thể của tuyên bố phá sản; hoặc
- (c) nếu Công ty Quản lý Quỹ hoặc FENB dự định chấm dứt Hợp đồng này và dự định này được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

- 15.5 Việc chấm dứt Hợp đồng này theo Điều 15.4 sẽ tùy thuộc và một báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ gửi cho cơ quan có thẩm quyền về việc chọn một Ngân hàng Giám sát thay thế cùng với mọi tài liệu theo các quy định liên quan. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn việc thay đổi Ngân hàng Giám sát, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo công khai thay đổi này cho FENB.
- 15.6 Các quyền và nghĩa vụ của FENB đối với Quỹ chỉ chấm dứt tại thời điểm hoàn tất chuyển giao các quyền và nghĩa vụ đó cho Ngân hàng Giám sát thay thế. Việc chuyển giao này phải được ghi thành biên bản giữa FENB và Ngân hàng Giám sát thay thế. Sau đó, biên bản chuyển giao này sẽ được Công ty Quản lý Quỹ chứng nhận và được Ngân hàng Giám sát thay thế gửi cho cơ quan có thẩm quyền để hoàn tất việc chuyển giao.
- 15.7 Việc chấm dứt Hợp đồng này theo Điều 15.4 sẽ không làm tổn hại đến bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào hoặc các quyền hoặc nghĩa vụ đột xuất đã phát sinh trước khi chấm dứt. FENB sẽ được hưởng mọi khoản phí và các khoản tiền khác được lũy kế cho đến ngày chấm dứt nhưng sẽ không được bồi thường vì việc chấm dứt này.

16. Không từ bỏ

Bất kỳ hành động hoặc việc bỏ qua không hành động của FENB hoặc Quỹ theo Hợp đồng này sẽ không ảnh hưởng đến các quyền, quyền hạn và biện pháp khắc phục tương ứng của mỗi bên theo Hợp đồng này, hoặc sẽ không ảnh hưởng đến bất cứ việc thực thi thêm hoặc thực thi khác các quyền, quyền hạn và biện pháp khắc phục đó.

17. Chuyển nhượng

Phù hợp với việc Hợp đồng này có quy định ngược lại, FENB hoặc Quỹ không được chuyển nhượng hoặc chuyển giao bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp đồng này mà không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của bên kia, với điều kiện là Hợp đồng này phải đảm bảo cho lợi ích của FENB cũng như lợi ích của những người thế vị của FENB về quyền sở hữu hoặc những người được chuyển nhượng kể cả bất kỳ người nào mà được chuyển giao hoặc được trao toàn bộ hoạt động hoặc bất cứ phần hoạt động nào của FENB theo pháp luật hoặc quy định khác.

Trong trường hợp một thực thể kinh doanh mới hoặc một pháp nhân độc lập khác ("Pháp nhân mới") được thành lập thay thế và kế thừa các quyền và nghĩa vụ của FENB, sau khi tiến hành việc thông báo thành lập pháp nhân mới này và trên cơ sở căn cứ vào Điều này, Hợp đồng này sẽ được xem là đã áp dụng đối với Pháp nhân mới cùng các điều khoản và điều kiện như quy định tại Hợp đồng này, trừ khi hai Bên có thỏa thuận khác bằng văn bản. Mọi thông báo liên quan đến việc thành lập Pháp nhân mới sẽ được cung cấp cho Công ty Quản lý Quỹ kịp thời.

18. Thông tin liên lạc

- 18.1 Trừ khi Hợp đồng này có quy định ngược lại, bất kỳ thông báo, yêu cầu hoặc thông tin liên lạc khác theo Hợp đồng này được một bên đưa ra sẽ được gửi bằng văn bản đến Quỹ tại địa chỉ Văn phòng đăng ký của Quỹ của tại địa chỉ được đăng ký gần nhất tại FENB, cũng như đến FENB tại Văn phòng FENB hoặc tại địa chỉ khác mà FENB có thể thông báo cho Công ty Quản lý Quỹ vì mục đích này, và có thể được giao trực tiếp, bằng cách để tại địa chỉ đó, bằng đường bưu điện, bằng fax, telex, đã được thử nghiệm, hoặc bằng SWIFT, và sẽ được xem là đã được giao cho bên kia khi giao trực tiếp của khi để tại địa chỉ đó, hoặc vào ngày thứ mười kể từ ngày gửi bằng đường bưu điện cho người nhận trong trường hợp địa chỉ người nhận ở tại Việt Nam, và vào ngày thứ mười bốn kể từ ngày gửi bằng bưu điện cho người nhận theo thư hàng không trong trường hợp địa chỉ người nhận ở ngoài Việt Nam hoặc ngoài địa điểm mà thông báo được chuyển đi, hoặc vào ngày chuyển trong trường hợp gửi bằng fax và telex đã được thử nghiệm hoặc bằng SWIFT, và trong mọi trường hợp sẽ được xem là đã được giao cho FENB vào ngày thực tế nhận được.
- 18.2 Quỹ chấp nhận rằng các thông tin, dữ liệu hoặc thông tin liên lạc khác được đưa ra hoặc gửi qua Hệ thống và/hoặc việc chuyển tin bằng fax có thể không được an toàn, không bảo đảm là không có

lỗi do có thể bị gián đoạn, sai lệch, thất lạc, đến chậm hoặc có vi-rút. Quý công nhận và chấp nhận rằng FENB không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về bất cứ lỗi hoặc thiếu sót hoặc việc đến chậm nào của bất kỳ thông tin, dữ liệu nào hoặc thông tin liên lạc khác được đưa ra hoặc gửi qua Hệ thống và/hoặc việc chuyển tin bằng fax như được nêu trên, và ngược lại FENB cũng chấp nhận đối với trường hợp ngược lại.

19. Bảo mật

Trừ khi theo yêu cầu của luật pháp hoặc quy định áp dụng, sau khi chấm dứt Hợp đồng này, không bên nào được tiết lộ cho bất kỳ người nào không phải là Giám đốc, viên chức, cố vấn pháp lý, kiểm toán viên của mình bất cứ thông tin nào liên quan đến bên kia hoặc đến các công việc của bên mình mà không có sự chấp thuận của bên kia. FENB sẽ được quyền tiết lộ thông tin cho (i) bất kỳ người nào mà FENB giao thầu phụ hoặc chuyển nhượng việc cung cấp Dịch Vụ theo Hợp đồng này, (ii) tư vấn pháp lý, kiểm toán viên hoặc bất kỳ tư vấn chuyên ngành nào khác, hoặc (iii) bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan nào mà luật pháp áp dụng có quy định phải cung cấp thông tin cho cơ quan đó.

20. Tính độc lập

Mỗi quy định trong Hợp đồng này độc lập với nhau và khác biệt với các quy định khác, và nếu một hoặc nhiều quy định này là hoặc trở nên bất hợp pháp, không có hiệu lực hoặc không thể buộc thực thi, thì các quy định còn lại sẽ không bị ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào trong phạm vi toàn bộ Hợp đồng thể hiện dự định chung của các bên.

21. Luật điều chỉnh

21.1 Hợp đồng này được điều chỉnh và diễn giải theo luật pháp Việt Nam.

21.2 Các bên đồng ý không hủy ngang lên quyền xử không độc quyền hoặc Tòa án Việt Nam.

22. Hợp đồng cũ

Hợp đồng này hủy bỏ và thay thế cho bất kỳ Hợp đồng nào trước đây giữa các bên liên quan đến Dịch Vụ.

PHỤ LỤC 1: BIỂU PHÍ DỊCH VỤ ÁP DỤNG

Xét các Dịch Vụ do FENB thực hiện nêu tại Hợp đồng này, Quỹ sẽ thanh toán Phí Dịch Vụ cho FENB với số tiền được tính dựa trên phương pháp tính giá như sau:

Loại Dịch Vụ	Phí Dịch Vụ
1. Mở tài khoản:	Miễn phí
2. Dịch vụ Ngân hàng giám sát	0.04%/Tổng Giá Trị Tài Sản Ròng/năm
3. Dịch Vụ Ngân hàng lưu ký	Miễn phí
4. Sao kê	Miễn phí
5. Dịch vụ chuyển khoản:	
* Chuyển tiền đến:	Miễn phí
+ Trong lãnh thổ Việt Nam:	
+ Ngoài lãnh thổ Việt Nam:	
• Từ các ngân hàng thuộc tập đoàn SinoPac Holdings:	0.05% (tối thiểu USD 5, tối đa USD 100)
• Từ các ngân hàng khác:	0.1% (tối thiểu USD 5, tối đa USD 120)
* Chuyển tiền đi:	
+ Trong lãnh thổ Việt Nam:	VND 4,000 (không bao gồm phí của ngân hàng trung gian)
+ Ngoài lãnh thổ Việt Nam:	
• Đến các ngân hàng thuộc tập đoàn SinoPac Holdings:	0.05% (tối thiểu USD 5, tối đa USD 100) + USD 20 điện phí + phí ngân hàng trung gian (thu theo thực tế phát sinh)
• Đến các ngân hàng khác:	0.1% (tối thiểu USD 5, tối đa USD 150) + USD 20 điện phí + phí ngân hàng trung gian (thu theo thực tế phát sinh)
- Hủy/Ngưng thanh toán:	USD 30 + USD 10 điện phí + phí ngân hàng trung gian nếu có
- Điều chỉnh:	USD 10 + USD 10 điện phí

Tất cả các loại phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Trang Ký

Hợp đồng này được lập thành (04) bộ gốc bằng tiếng Việt với giá trị như nhau. Mỗi bên giữ hai bộ gốc.

Hợp đồng này đã được ký kết vào ngày 03 tháng 12 năm 2009

Đã ký đại diện và thay mặt Công ty Quản lý Quỹ hành động thay mặt Quỹ



Ông TRẦN THANH TÂN
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Đã ký đại diện và thay mặt cho FENB



Ông RICKY CHEN
Tổng Giám đốc

PHỤ LỤC 2: BIỂU PHÍ DỊCH VỤ ÁP DỤNG

Xét các Dịch Vụ do FENB thực hiện nêu tại Hợp đồng giữa ngân hàng Far East National Bank- chi nhánh TP HCM và công ty cổ phần Quản Lý Quỹ Đầu Tư Việt Nam ký ngày 03 tháng 12 năm 2009 và phụ lục 1 nêu trong Hợp đồng này, Quý sẽ thanh toán thêm các Phí Dịch Vụ cho FENB như sau:

Loại Dịch Vụ	Phí Dịch Vụ
1. Phí dịch vụ trọn gói, đã bao gồm phí chuyển tiền qua ngân hàng cho các dịch vụ cung cấp trong quá trình chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng	USD 500
2. Phí dịch vụ trọn gói, chưa bao gồm phí chuyển tiền qua ngân hàng cho mỗi đợt phân phối cổ tức. Mức phí này sẽ được xem xét lại trong năm tiếp theo.	USD 500

Tất cả các loại phí trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Phụ lục này được lập thành (02) bộ gốc bằng tiếng Việt với giá trị như nhau. Mỗi bên giữ một bộ gốc.

Phụ lục này đã được ký kết vào ngày 28 tháng 12 năm 2009

Đã ký đại diện và thay mặt Công ty Quản lý Quỹ hành động thay mặt Quý



Ông TRẦN THANH TÂN
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Đã ký đại diện và thay mặt cho FENB



Ông RICKY CHEN
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 10 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ VIỆT NAM (VFM)

Lầu 10, Cao ốc Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam.

Tel: (+84-8) 3825 1488

Fax: (+84-8) 3825 1489

CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số Chứng thực: 22800

Quyển số: TP/CC-SCT/SGT

Ngày 28 Tháng 04 Năm 2010

PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN PHƯƠNG BÉN NGHỆ

Kính gửi: Ông Trần Thanh Tân

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc

Công ty Luật TNHH Quốc tế Việt Nam ("VILAF") là một trong những hãng luật kinh doanh đầu tiên được thành lập sau khi Việt Nam mở cửa cho đầu tư nước ngoài đầu những năm 1990. VILAF có hơn 45 luật sư và các chuyên gia tư vấn pháp lý tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh hoạt động trong nhiều lĩnh vực tư vấn khác nhau. Trong quá trình hoạt động của mình, VILAF đã giành được nhiều giải thưởng quốc tế có uy tín gần đây:

- Giải Hạng luật của năm về giao dịch quốc tế 2009 (Vietnam Deal Firm of the Year) do Tạp chí Luật Kinh doanh Á châu (ALB) trao tặng;
- Giải vàng "International Arch of Europe" năm 2009 do cộng đồng doanh nghiệp Châu Âu (B.I.D) trao tặng;
- Giải thưởng vàng châu Âu dành cho chất lượng và uy tín thương mại năm 2009 do Hiệp hội OtherWays Association trao tặng;
- Giải thưởng Người sử dụng lao động tốt năm 2009 do Tạp chí Luật Kinh doanh Á châu (ALB) trao tặng;
- Giải thưởng Hãng luật Quốc gia (National Law Firm of the Year) trong 3 năm liên tiếp 2008, 2007 và 2006 do Tạp chí Luật Tài chính Quốc tế (International Financial Law Review) trao tặng.

Theo yêu cầu của VFM, bằng thư này, VILAF xác nhận sẽ tư vấn cho các hoạt động đầu tư của Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam (VFA) với tổng vốn điều lệ dự kiến là 1.000 tỷ đồng Việt Nam sau khi VFA được thành lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam. Hoạt động tư vấn của VILAF sẽ được thực hiện theo mức phí được VFM và VILAF thảo thuận trong từng trường hợp cụ thể.



VILAF

Thay mặt và đại diện cho VILAF



Trần Anna Đức

Luật sư Thành viên



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM -VFA

Tháng 5 năm 2010

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
3 Tên Quỹ : Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam - VFA
4 Ngày lập báo cáo: 03/06/2010

Đơn vị tính : VNĐ

	CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ Tháng 05/2010	SỐ ĐẦU KỲ 02/04/2010
A	TÀI SẢN		
1	Tiền gửi ngân hàng	124.945.701.078	240.437.600.000
1.1	Tiền gửi không kỳ hạn	1.945.701.078	240.437.600.000
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn	123.000.000.000	-
2	Đầu tư chứng khoán	103.860.004.900	-
3	Phải thu từ hoạt động đầu tư	1.394.334.889	-
	Tổng tài sản	230.200.040.867	240.437.600.000
B	NGUỒN VỐN		
I	Nợ phải trả	633.778.401	-
1	Phải trả hoạt động Đầu tư	154.408.531	-
2	Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.625.000	-
3	Phải trả Công ty Quản lý và Ngân hàng Giám sát	390.927.223	-
4	Phải trả khác	60.817.647	-
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	229.566.262.466	240.437.600.000
1	Vốn góp của các nhà Đầu tư	240.437.600.000	240.437.600.000
	Vốn góp	240.437.600.000	240.437.600.000
2	Kết quả hoạt động chưa phân phối	(10.871.337.534)	-
	Tổng nguồn vốn	230.200.040.867	240.437.600.000

Các chỉ tiêu ngoài bảng kế toán

STT	CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ Tháng 05/2010	SỐ ĐẦU KỲ 02/04/2010
1	Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
2	Ngoại tệ các loại	-	-
3	Chứng khoán theo mệnh giá	26.405.530.000	-



NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

mlhung

N.T.MINH CHUNG

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

litam

LÊ THỊ THÀNH TÂM



Tổng Giám đốc

TRẦN THANH TÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

RICKY CHEN
General Director

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM -VFA

Tháng 5 năm 2010

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
3 Tên Quỹ : Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam - VFA
4 Ngày lập báo cáo: 03/06/2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	KỲ BÁO CÁO Tháng 5/2010	KỲ TRƯỚC Tháng 4/2010	Chênh lệch so với kỳ trước
I.1	Tiền	124.945.701.078	40.329.540.303	84.616.160.775
1.1	Tiền gửi không kỳ hạn	1.945.701.078	34.329.540.303	(32.383.839.225)
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn	123.000.000.000	6.000.000.000	117.000.000.000
I.2	Các khoản đầu tư	103.860.004.900	239.995.975.900	(136.135.971.000)
2.1	Cổ phiếu	102.767.783.000	239.174.002.000	(136.406.219.000)
2.2	Quyền mua cổ phiếu	1.092.221.900	821.973.900	270.248.000
I.3	Cổ tức được nhận	1.059.980.000	121.800.000	938.180.000
I.4	Lãi được nhận	334.354.889	80.924.332	253.430.557
I.5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	-	-	-
I.6	Các khoản phải thu khác	-	-	-
I.7	TỔNG TÀI SẢN	230.200.040.867	280.528.240.535	(50.328.199.668)
STT	NỢ	KỲ BÁO CÁO Tháng 5/2010	KỲ TRƯỚC Tháng 4/2010	Chênh lệch so với kỳ trước
II.1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán	154.408.531	34.525.053.766	(34.370.645.235)
1.1	Phải trả GDCK niêm yết		34.230.143.000	(34.230.143.000)
1.2	Phí môi giới GDCK	154.408.531	294.910.766	(140.502.235)
II.2	Các khoản phải trả khác	479.369.870	417.053.487	62.316.383
2.1	Phí quản lý phải trả	383.261.983	390.880.005	(7.618.022)
2.2	Phí lưu ký, giám sát phải trả	7.665.240	7.817.600	(152.360)
2.3	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	27.625.000	9.750.000	17.875.000
2.4	Các khoản phải trả khác	60.817.647	8.605.882	52.211.765
II.3	TỔNG NỢ	633.778.401	34.942.107.253	(34.308.328.852)
STT	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC	KỲ BÁO CÁO Tháng 5/2010	KỲ TRƯỚC Tháng 4/2010	Chênh lệch so với kỳ trước
III. 1	Tài sản ròng của Quỹ (I.7-II.3)	229.566.262.466	245.586.133.282	(16.019.870.816)
III. 2	Tỷ lệ Tổng nợ/ Tài sản ròng của Quỹ	0,3%	14,2280%	-14,0%
III. 3	Tổng số đơn vị quỹ	24.043.760	24.043.760	-
III. 4	Giá trị tài sản ròng NAV của một đơn vị quỹ	9.548	10.214	(666)



NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

RICKY CHEN
General Director

Người lập biểu

N.T. MINH CHUNG

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

LÊ THỊ THÀNH TÂM



TRẦN THANH TÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Phụ lục 15. Mẫu báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ
(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM - VFA

Tháng 5 năm 2010

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
- 3 Tên Quỹ : Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam - VFA
- 4 Ngày lập báo cáo: 03/06/2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 5/2010	KỲ TRƯỚC Tháng 4/2010
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	245.586.133.282	240.437.600.000
II	Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	(16.019.870.816)	245.586.133.282
	Trong đó		
	Thay đổi của giá trị Tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động đầu tư của Quỹ trong kỳ	(16.019.870.816)	5.148.533.282
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	229.566.262.466	245.586.133.282
IV	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	9.548	10.214

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Người lập biểu

minh chung

N.T. MINH CHUNG

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

tham

LÊ THỊ THÀNH TÂM



TRẦN THANH TÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM -VFA

Tháng 5 năm 2010

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
- 3 Tên Quỹ : Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam - VFA
- 4 Ngày lập báo cáo: 03/06/2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu		Năm báo cáo (năm 2010)	
		Số phát sinh kỳ báo cáo Tháng 5/2010	Lũy kế từ đầu năm 2010 đến cuối kỳ báo cáo
A		1	2
A	XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN		
I	Thu nhập từ hoạt động đầu tư	(6.695.171.278)	(5.834.832.159)
1	Cổ tức được nhận	1.590.140.000	1.711.940.000
2	Lãi trái phiếu được nhận	-	-
2	Lãi tiền gửi	300.055.557	953.955.822
3	Thu nhập bán chứng khoán	(8.585.366.835)	(8.500.727.981)
II	Chi phí	715.923.707	1.159.913.750
1	Phí quản lý Quỹ & thưởng hoạt động	383.261.983	774.141.988
2	Phí lưu ký, giám sát	7.665.240	15.482.840
4	Chi phí kiểm toán	17.211.765	25.817.647
4	Phí và chi phí khác	307.784.719	344.471.275
4,1	Phí ngân hàng	543.400	886.600
4,2	Chi phí hội họp, đại hội	64.176.110	84.248.540
4,3	Thù lao Ban đại diện	17.875.000	27.625.000
4,4	Phí môi giới bán chứng khoán	148.572.865	155.093.791
4,5	Chi phí họp, công tác BDD	41.617.344	41.617.344
4,6	Lệ phí cấp đăng ký thành lập quỹ VFA	35.000.000	35.000.000
III	Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ	(7.411.094.985)	(6.994.745.909)
B	XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN		
I	Thu nhập	1.326.012.132	1.380.094.772
1	Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	1.326.012.132	1.380.094.772
2	Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	-	-
II	Chi phí	9.934.787.963	5.256.686.397
1	Chênh lệch lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	9.934.787.963	5.256.686.397
2	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	-	-
III	Kết quả hoạt động chưa thực hiện cuối kỳ	(8.608.775.831)	(3.876.591.625)
TỔNG LỢI NHUẬN RÒNG TRONG NĂM		(16.019.870.816)	(10.871.337.534)



RICKY CHEN
General Director

Người lập biểu

N.T. Minh Chung
N.T. MINH CHUNG

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
Giám đốc tài chính

Lê Thị Thành Tâm
LÊ THỊ THÀNH TÂM



TRẦN THANH TÂN
TỔNG GIÁM ĐỐC

Mẫu số B 01 - QĐT

(Ban hành kèm theo QĐ số 63/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM -VFA

Tháng 6 năm 2010

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
3 Tên Quỹ : Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam - VFA
4 Ngày lập báo cáo: 05/07/2010

Đơn vị tính : VNĐ

	CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ Tháng 06/2010	SỐ ĐẦU KỲ 02/04/2010
A	TÀI SẢN		
1	Tiền gửi ngân hàng	122.999.556.474	240.437.600.000
1.1	Tiền gửi không kỳ hạn	2.999.556.474	240.437.600.000
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn	120.000.000.000	-
2	Đầu tư chứng khoán	98.036.960.500	-
3	Phải thu từ hoạt động đầu tư	9.259.542.277	-
	Tổng tài sản	230.296.059.251	240.437.600.000
B	NGUỒN VỐN		
I	Nợ phải trả	585.337.774	-
1	Phải trả hoạt động Đầu tư	103.832.731	-
2	Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	46.041.667	-
3	Phải trả Công ty Quản lý và Ngân hàng Giám sát	391.173.221	-
4	Phải trả khác	44.290.155	-
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	229.710.721.477	240.437.600.000
1	Vốn góp của các nhà Đầu tư	240.437.600.000	240.437.600.000
	Vốn góp	240.437.600.000	240.437.600.000
2	Kết quả hoạt động chưa phân phối	(10.726.878.523)	-
	Tổng nguồn vốn	230.296.059.251	240.437.600.000

Các chỉ tiêu ngoài bảng kế toán

STT	CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ Tháng 06/2010	SỐ ĐẦU KỲ 02/04/2010
1	Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
2	Ngoại tệ các loại	-	-
3	Chứng khoán theo mệnh giá	24.475.890.000	-

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



RICKY CHEN
General Director

Người lập biểu

Minh Chung
N.T.MINH CHUNG

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
Giám đốc tài chính

Thanh Tâm
LÊ THỊ THÀNH TÂM



ĐOÀN PHẠM HỒNG ĐỨC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM -VFA

Tháng 6 năm 2010

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
- 3 Tên Quỹ : Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam - VFA
- 4 Ngày lập báo cáo: 05/07/2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	KỲ BÁO CÁO Tháng 6/2010	KỲ TRƯỚC Tháng 5/2010	Chênh lệch so với kỳ trước
I.1	Tiền	122.999.556.474	124.945.701.078	(1.946.144.604)
1.1	Tiền gửi không kỳ hạn	2.999.556.474	1.945.701.078	1.053.855.396
1.2	Tiền gửi có kỳ hạn	120.000.000.000	123.000.000.000	(3.000.000.000)
I.2	Các khoản đầu tư	98.036.960.500	103.860.004.900	(5.823.044.400)
2.1	Cổ phiếu	98.036.960.500	102.767.783.000	(4.730.822.500)
2.2	Quyền mua cổ phiếu	-	1.092.221.900	(1.092.221.900)
I.3	Cổ tức được nhận	69.800.000	1.059.980.000	(990.180.000)
I.4	Lãi được nhận	446.590.277	334.354.889	112.235.388
I.5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	8.743.152.000	-	8.743.152.000
I.6	Các khoản phải thu khác	-	-	-
I.7	TỔNG TÀI SẢN	230.296.059.251	230.200.040.867	96.018.384
STT	NỢ	KỲ BÁO CÁO Tháng 6/2010	KỲ TRƯỚC Tháng 5/2010	Chênh lệch so với kỳ trước
II.1	Tiền phải thanh toán mua chứng khoán	103.832.731	154.408.531	(50.575.800)
1.1	Phải trả GDCK niêm yết	-	-	-
1.2	Phí môi giới GDCK	103.832.731	154.408.531	(50.575.800)
II.2	Các khoản phải trả khác	481.505.043	479.369.870	2.135.173
2.1	Phí quản lý phải trả	383.503.158	383.261.983	241.175
2.2	Phí lưu ký, giám sát phải trả	7.670.063	7.665.240	4.823
2.3	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	46.041.667	27.625.000	18.416.667
2.4	Các khoản phải trả khác	44.290.155	60.817.647	(16.527.492)
II.3	TỔNG NỢ	585.337.774	633.778.401	(48.440.627)
STT	CÁC CHỈ TIÊU KHÁC	KỲ BÁO CÁO Tháng 6/2010	KỲ TRƯỚC Tháng 5/2010	Chênh lệch so với kỳ trước
III. 1	Tài sản ròng của Quỹ (I.7-II.3)	229.710.721.477	229.566.262.466	144.459.011
III. 2	Tỷ lệ Tổng nợ/ Tài sản ròng của Quỹ	0,2548%	0,2761%	-0,0213%
III. 3	Tổng số đơn vị quỹ	24.043.760	24.043.760	-
III. 4	Giá trị tài sản ròng NAV của một đơn vị quỹ	9.554	9.548	6



NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

RICKY CHEN
General Director

Người lập biểu

N.T. MINH CHUNG

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
Giám đốc tài chính

LÊ THỊ THÀNH TÂM



ĐOÀN PHẠM HỒNG ĐỨC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phụ lục 15. Mẫu báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ
(Ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý Quỹ)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM - VFA

Tháng 6 năm 2010

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
- 3 Tên Quỹ : Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam - VFA
- 4 Ngày lập báo cáo: 05/07/2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KỶ BÁO CÁO Tháng 6/2010	KỶ TRƯỚC Tháng 5/2010
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	229.566.262.466	245.586.133.282
II	Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	144.459.011	(16.019.870.816)
	Trong đó		
	Thay đổi của giá trị Tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động đầu tư của Quỹ trong kỳ	144.459.011	(16.019.870.816)
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	229.710.721.477	229.566.262.466
IV	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	9.554	9.548

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính



RICKY CHEN
General Director


N.T. MINH CHUNG


LÊ THỊ THÀNH TÂM



ĐOÀN PHẠM HỒNG ĐỨC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM -VFA

Tháng 6 năm 2010

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
 3 Tên Quỹ : Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam - VFA
 4 Ngày lập báo cáo: 05/07/2010

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Năm báo cáo (năm 2010)	
	Số phát sinh kỳ báo cáo Tháng 6/2010	Lũy kế từ đầu năm 2010 đến cuối kỳ báo cáo
A	1	2
A XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN		
I Thu nhập từ hoạt động đầu tư	(709.689.236)	(6.544.521.395)
1 Cổ tức được nhận	69.800.000	1.781.740.000
2 Lãi tiền gửi	1.045.461.930	1.999.417.752
3 Thu nhập bán chứng khoán	(1.824.951.166)	(10.325.679.147)
II Chi phí	515.056.336	1.674.970.086
1 Phí quản lý Quỹ & thưởng hoạt động	383.503.158	1.157.645.146
2 Phí lưu ký, giám sát	7.670.063	23.152.903
4 Chi phí kiểm toán	17.211.765	43.029.412
4 Phí và chi phí khác	106.671.350	451.142.625
4.1 Phí ngân hàng	719.217	1.605.817
4.2 Chi phí hội họp, đại hội	-	84.248.540
4.3 Thù lao Ban đại diện	18.416.667	46.041.667
4.4 Phí môi giới bán chứng khoán	55.503.548	210.597.339
4.5 Chi phí hợp, công tác BDD	29.388.000	71.005.344
4.6 Lệ phí cấp đăng ký thành lập quỹ VFA	-	35.000.000
4.7 Chi phí khác	2.643.918	2.643.918
Kết quả hoạt động ròng đã thực hiện được phân phối trong kỳ	(1.224.745.572)	(8.219.491.481)
B XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ CHƯA THỰC HIỆN		
I Thu nhập	4.102.219.858	3.064.156.148
1 Thu nhập đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	4.102.219.858	3.064.156.148
2 Thu nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	-	-
II Chi phí	2.733.015.275	5.571.543.190
1 Chênh lệch lỗ do đánh giá lại các khoản đầu tư chứng khoán	2.733.015.275	5.571.543.190
2 Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ	-	-
III Kết quả hoạt động chưa thực hiện cuối kỳ	1.369.204.583	(2.507.387.042)
TỔNG LỢI NHUẬN RÒNG TRONG NĂM	144.459.011	(10.725.878.523)

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính



RICKY CHEN
General Director

mlung

N.T. MINH CHUNG

lham

LÊ THỊ THÀNH TÂM



ĐOÀN PHẠM HỒNG ĐỨC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ NĂNG ĐỘNG VIỆT NAM - VFA**

Ngày 01 tháng 07 năm 2010

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
- 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng Far East National Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
- 3 Tên Quỹ: Quỹ Đầu tư Năng động Việt Nam - VFA
- 4 Ngày lập báo cáo: 05/07/2010

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KỶ BAO CÁO 01/07/2010	KỶ TRƯỚC 24/06/2010
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	230.929.732.181	229.786.624.129
II	Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	(1.557.424.958)	1.143.108.052
	Trong đó		
	Thay đổi của giá trị Tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động đầu tư của Quỹ trong kỳ	(1.557.424.958)	1.143.108.052
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	229.372.307.223	230.929.732.181
IV	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	9.540	9.605



NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

RICKY CHEN
General Director

Người lập biểu

N.T. MINH CHUNG

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

LÊ THỊ THÀNH TÂM



ĐOÀN PHẠM HỒNG ĐỨC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

GIẤY CAM KẾT CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

(Về chỉnh sửa Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam theo yêu cầu của Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM)

Kính gửi: SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

Căn cứ theo Công văn số 903/SGDHCM-NY ngày 20/5/2010 của Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM, bằng văn bản này, Ban đại diện Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA) cam kết về các vấn đề sau đây:

1/ Chúng tôi cam kết trình Đại hội nhà đầu tư thông qua những đề xuất chỉnh sửa Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư VFA được đề cập ở Mục 2 của văn bản này, tại Đại hội thường niên gần nhất được tổ chức.

2/ Những đề xuất chỉnh sửa Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư VFA cụ thể như sau:

STT	Mục chỉnh sửa	Trước khi chỉnh sửa	Đề xuất chỉnh sửa	Giải trình chỉnh sửa
1	Khoản 1 Điều 13	Nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VFA bao gồm là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất là 2.000 (hai ngàn) đơn vị Quỹ và không có giới hạn sở hữu tối đa trong mức tổng vốn phát hành. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì với Quỹ đầu tư ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.	Nhà đầu tư của Quỹ đầu tư VFA bao gồm là pháp nhân, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu chứng chỉ quỹ và đáp ứng các điều kiện luật hiện hành quy định . Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bổn phận gì với Quỹ đầu tư ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.	Phù hợp với luật hiện hành
2	Khoản 3 Điều 21	Xem xét điều chỉnh tăng mức phí trả cho Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;	Xem xét điều chỉnh thay đổi mức phí trả cho Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát;	Phù hợp với luật hiện hành
3	Khoản 6 Điều 21	Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ và giải thể quỹ;	Quyết định các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, phân phối lợi nhuận , mục tiêu đầu tư của quỹ và giải thể quỹ;	Phù hợp với luật hiện hành
4	Điều 49	Nhà đầu tư chỉ phải trả một lần phí phát hành chứng chỉ Quỹ khi phát hành lần đầu hoặc/và tăng vốn. Phí phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 3%/mệnh giá đơn vị quỹ. Phí phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng dành cho Nhà đầu tư ưu đãi sẽ được thông báo cụ thể theo Bảng Thông báo phát hành sau khi Quỹ đầu tư VFA được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.	Nhà đầu tư chỉ phải trả một lần phí phát hành chứng chỉ Quỹ khi phát hành lần đầu hoặc/và tăng vốn. Phí phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng là 3%/mệnh giá đơn vị quỹ. Phí phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng dành cho Nhà đầu tư ưu đãi cụ thể như sau: + Trong thời gian phát hành, nhà đầu tư hiện đang nắm giữ chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1, VF2, VF4 (căn cứ vào xác nhận số dư tài khoản từ công ty chứng khoán vào ngày đăng ký), khi đăng ký, đóng tiền tham gia vào Quỹ đầu tư VFA với mức đăng ký tối thiểu là 2.000 chứng chỉ quỹ, sẽ được hưởng phí phát hành ưu đãi là 10.200đồng/ đơn vị quỹ theo tỷ lệ 1:1 tức	Phù hợp với luật hiện hành

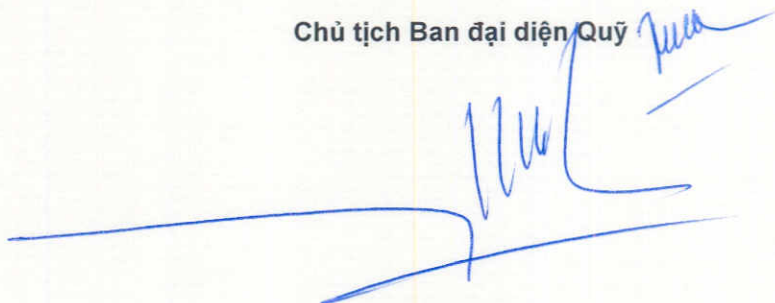
			là sở hữu 1 chứng chỉ quỹ VF1, VF2, VF4 sẽ được hưởng mức phí phát hành ưu đãi cho 1 chứng chỉ quỹ VFA đã đăng ký. Số lượng chứng chỉ quỹ VFA đã đăng ký vượt mức ưu đãi này, sẽ được tính phí phát hành chung là 10.300 đồng/đơn vị quỹ. + Nhà đầu tư mới là nhà đầu tư không sở hữu chứng chỉ Quỹ đầu tư VF1, VF2, VF4 trong thời gian phát hành, khi đăng ký, đóng tiền tham gia vào Quỹ đầu tư VFA sẽ được hưởng phí phát hành ưu đãi theo tỷ lệ đăng ký sau: ○ NĐT mua ≥ 5.000 đơn vị quỹ, phí phát hành ưu đãi là 10.270 đồng/đơn vị quỹ. ○ NĐT mua ≥ 10.000 đơn vị quỹ, phí phát hành ưu đãi là 10.240 đồng/đơn vị quỹ. ○ NĐT mua ≥ 20.000 đơn vị quỹ, phí phát hành ưu đãi là 10.210 đồng/đơn vị quỹ.	
5	Điều 54	Cổ tức Quỹ được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua. Cổ tức Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện là số dương. Số tiền hoặc giá trị tài sản tương ứng để chia cổ tức tối thiểu là 50% lợi nhuận thực hiện trong năm. Cổ tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp, mới được nhận cổ tức quỹ. Nếu xét thấy phù hợp, dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ, Ban đại diện Quỹ có thể quyết định tạm ứng cho Nhà đầu tư một số cổ tức Quỹ mà lợi nhuận hoặc Quỹ dự trữ khác của Quỹ đầu tư VFA cho phép. Việc tạm ứng này có thể được giải quyết 06 (sáu) tháng một lần hoặc một khoảng thời gian thích hợp (không quá 12 (mười hai) tháng) cho các nhà đầu tư ở mức đã ấn định.	Cổ tức Quỹ được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua. Cổ tức Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện là số dương. Số tiền hoặc giá trị tài sản tương ứng để chia cổ tức tối thiểu là 50% lợi nhuận thực hiện trong năm. Cổ tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt hoặc bằng hình thức khác nếu pháp luật cho phép. Chỉ những nhà đầu tư được ghi trong danh sách nhà đầu tư tại ngày chốt quyền do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán cung cấp, mới được nhận cổ tức quỹ. Nếu xét thấy phù hợp, dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ, Ban đại diện Quỹ có thể quyết định tạm ứng cho Nhà đầu tư một số cổ tức Quỹ mà lợi nhuận của Quỹ đầu tư VFA cho phép. Việc tạm ứng này có thể được giải quyết 06 (sáu) tháng một lần hoặc một khoảng thời gian thích hợp (không quá 12 (mười hai) tháng) cho các nhà đầu tư ở mức đã ấn định.	Phù hợp với luật hiện hành

45 - C
CÔNG T
CỔ PH
QUẢN
QUỸ Đ
VIỆT N
N 1 TP. H

Chúng tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu vi phạm cam kết này.

TP. HCM, ngày 25 tháng 5 năm 2010

Chủ tịch Ban đại diện Quý



THÁI TẤN DŨNG

